

TIẾT 1 – 2 – 3: BÀI 1

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

a. Kiến thức

Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

b. Về phẩm chất.

Trung thực: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, từ đó có những định hướng về nghề nghiệp, việc làm sau khi ra trường. Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường

Trách nhiệm: Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế

Yêu nước tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

c. Về năng lực.

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hoạt động kinh tế.

- Năng lực đặc thù:

- + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của cd trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, c/sách, p/luật của Nhà nước về các hoạt động kt; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các hoạt động kt; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, c/sách, p/luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các hoạt động kt trong xã hội.
- + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kt - xh: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kt phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Nhận biết được trách nhiệm của CD trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

- **Cách thức thực hiện:** GV lấy ví dụ quá đó giúp học sinh Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. Một số biểu hiện lãng phí trong các hoạt động sản xuất, tiêu dùng, phân phối sản phẩm hàng hóa.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt:** Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế. Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- **Cách thực hiện:** Giáo viên nhấn mạnh trách nhiệm đạo đức của các hoạt động kinh tế đối với xã hội. Ngoài yếu tố mang lại lợi nhuận, các hoạt động kinh tế cần được thực hiện theo đúng các chuẩn mực đạo đức xã hội. Trên cơ sở các thông tin này để giáo viên hướng tới học sinh các yêu cầu sau:

- + Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN: Phân tích vai trò công dân HS trong nền kinh tế số hoặc khởi nghiệp ở lứa tuổi HS.
- + Giáo dục tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng: HS mô phỏng một hoạt động kinh tế nhỏ và xác định trách nhiệm, chuẩn mực đạo đức khi tham gia
- + Giáo dục tinh thần tự trọng, tự giác, kỷ luật, tôn trọng pháp luật trong học tập và cuộc sống: Trách nhiệm của người tiêu dùng trong lựa chọn sản phẩm (VD: không mua hàng giả, hàng vi phạm đạo đức môi trường...); Vai trò của gia đình HS trong hoạt động kinh tế địa phương, thể hiện tinh thần công dân, đóng góp cho cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về các hoạt động trong nền kinh tế;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

3.1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) Nội dung. HS quan sát tranh, ảnh, video nói về một hoạt động kinh tế đang diễn ra và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

- Chỉ ra một số hoạt động kinh tế cơ bản như: sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng

- Vai trò của các hoạt động: Sản xuất (tạo ra sản phẩm), phân phối - trao đổi (điều tiết sản phẩm), tiêu dùng (thỏa mãn nhu cầu của con người)

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho học sinh quan sát hình ảnh và video. Sau thời gian quan sát học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên: *Em hãy kể tên một hoạt động kinh tế đang diễn ra trong đời sống hàng ngày và chia sẻ vai trò của hoạt động này đối với đời sống xã hội.*

- Sau thời gian làm việc cá nhân, hs trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS cùng nhau quan sát hình ảnh, video. Làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo

Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV gọi một số HS đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS):

Một số hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động đó trong đời sống hàng ngày:

+ *Hoạt động sản xuất: sản xuất ra các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của con người.*

+ *Hoạt động phân phối – trao đổi: thuận tiện cho người mua, góp phần cho sản phẩm lưu thông thông suốt, sản phẩm sẽ dễ dàng nhanh chóng đến với người mua. Doanh nghiệp sẽ bán được nhiều sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và góp phần chiếm lĩnh thị trường cho sản phẩm.*

+ *Hoạt động tiêu dùng: tăng trưởng kinh tế, giúp tăng thu nhập hộ gia đình.*

- Gọi một số HS nhận xét kết quả.

- GV đặt câu hỏi thảo luận chung: *Nếu không có các hoạt động kinh tế đó thì xã hội sẽ như thế nào. Trong các hoạt động đó hoạt động nào là cơ bản nhất*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét bài trả lời của một số HS; chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm; nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

GV nhấn mạnh:

Hàng ngày, chúng ta thường biết đến những vấn đề kinh tế như mua bán, giá cả, lãi suất, thu nhập,... Bài học này sẽ giúp chúng ta biết rõ hơn về các hoạt động kinh tế cơ bản và vai trò của chúng trong đời sống xã hội để chủ động, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế, tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, gia đình và đóng góp cho sự phồn vinh của đất nước.

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu hoạt động sản xuất

a) Mục tiêu. HS hiểu được khái niệm, vai trò hoạt động sản xuất

b) Nội dung. HS quan sát 2 hình ảnh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
- GV dẫn dắt: + <i>Hoạt động kinh tế với tư cách là hoạt động sử dụng nguồn lực của xã hội nhằm tạo ra các sản phẩm thỏa mãn nhu cầu</i>	1. Hoạt động sản xuất Khái niệm: Hoạt động sản xuất là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra

khác nhau của con người. Là hoạt động chủ yếu, đóng vai trò nền tảng trong xã hội loài người. + <i>Nền kinh tế là một chỉnh thể thống nhất các hoạt động kinh tế cơ bản (sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng).</i> <i>Mỗi hoạt động kinh tế có vai trò khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết, qua lại với nhau, đảm bảo cho nền k.tế không ngừng vận động, phát triển.</i> <i>Chuyên giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV chiếu cho HS quan sát hình ảnh - HS làm việc cá nhân, HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy mô tả nội dung hoạt động sản xuất trong các hình ảnh và cho biết hoạt động đó có đóng góp gì cho đời sống xã hội.</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - HS cùng nhau quan sát hình ảnh, video. HS làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trình bày nội dung câu trả lời: + <i>Hình ảnh 1:</i> Hình ảnh 1 thể hiện hoạt động người công nhân sử dụng tư liệu lao động để sản xuất ô tô (trong lĩnh vực công nghiệp), góp phần tạo ra những chiếc ô tô cho con người sử dụng, tạo thu nhập cho người lao động trong nhà máy đó, đóng góp thuế phát triển kinh tế đất nước, + <i>Hình ảnh 2:</i> Hình ảnh 2 thể hiện hoạt động người nông dân sử dụng tư liệu lao động để sản xuất lúa gạo (trong lĩnh vực nông nghiệp), góp phần tạo ra lương thực cho con người, tạo thu nhập cho người nông dân và đóng góp thuế phát triển đất nước,... + Ngoài ra, cả hai hoạt động trên đều tạo việc làm cho những chủ thể trung gian. <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - GV gọi một số HS đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS) - Gọi một số HS nhận xét kết quả. - GV đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Từ các hoạt động trên chúng ta hiểu thế nào là hoạt động sản xuất và chúng có vai trò như thế nào?</i> <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét bài trả lời của một số HS đã được yêu cầu trình bày và chốt kiến thức theo một số nd đã đề cập ở phần sản phẩm. GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội GV nhấn mạnh: <i>Hoạt động sản xuất là hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần đáp ứng các nhu cầu của con người. Sự phát triển của hoạt động sản xuất là cơ sở thúc đẩy việc mở rộng các hoạt động khác của con người</i>	các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Vai trò: Hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối - trao đổi, tiêu dùng.
--	---

3.3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu mục a của bài tập 1 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm; các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống và chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

GV mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

Sản xuất xanh là việc áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng như: sử dụng nguyên vật liệu, phương tiện tiêu thụ ít điện năng, điện mặt trời, không gây ô nhiễm môi trường,... Việc thực hiện sản xuất xanh mang lại lợi ích cho doanh nghiệp như: tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh, có cơ hội bước chân vào thị trường khó tính đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm và phát thải khí nhà kính hướng tới phát triển bền vững cho nền kinh tế. Thực hiện sản xuất xanh thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế góp phần bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 2: Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những tình huống

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm. Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống. Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

Trường hợp a: Việc làm giả sản phẩm một số thương hiệu nổi tiếng là vi phạm pháp luật về cạnh tranh nên chị H không nên làm như vậy.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- HS trả lời, góp ý.
- GV nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

Nội dung 2: Tìm hiểu hoạt động phân phối – trao đổi

a) Mục tiêu. HS hiểu được khái niệm, vai trò hệ phân phối và trao đổi, mối quan hệ giữa hai hoạt động này.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm cả lớp chia làm 4 nhóm tiến hành thực hiện nhiệm vụ sau

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi. Từ đó hs phân biệt được thông tin 1 đề cập đến hoạt động phân phối, thông tin 2 là hoạt động trao đổi

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. + Nhóm 1,2: <i>Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi trong sgk</i> + Nhóm 3,4: <i>Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi sgk</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Giáo viên cùng học sinh giải quyết từng thông tin <i>Thông tin 1:</i> + Gọi đại diện các nhóm trình bày nội dung làm việc và thảo luận của nhóm: <i>Thông tin 1:</i> Ban Giám đốc công ty X đã quyết định phân bổ các nguồn lực máy móc, nguyên vật liệu và nhân công vào sản xuất áo sơ mi nam để xuất khẩu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty và quyết định phân chia thu nhập theo hướng tăng lương, thưởng cho người lao động, khuyến khích người có đóng góp nhiều cho công ty giúp mọi người phấn khởi, thi đua lao động sản xuất + Nhóm còn lại nhận xét bổ sung và rút ra khái niệm phân phối là gì <i>Thông tin 2:</i> + Gọi đại diện các nhóm trình bày nội dung làm việc và thảo luận của nhóm: <i>Thông tin 2:</i> Bà con xã Cán Cấu thường đến chợ để trao đổi hàng hoá, mua sắm vật dụng cho sinh hoạt và sản xuất. Việc duy trì chợ phiên là nét đẹp văn hoá của người dân nơi đây, là nơi giao thương mua bán: người sản xuất bán được sản phẩm làm ra, người tiêu dùng mua được những thứ mình cần. + Nhóm còn lại nhận xét và rút ra khái niệm trao đổi Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm: <i>Từ những thông tin đã nghiên cứu, các em hiểu thế nào là phân phối, trao đổi, hai hoạt động này có vai trò và quan hệ với nhau như thế nào</i> <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét và nhấn mạnh: <i>Phân phối - trao đổi đóng vai trò trung gian, là cầu nối sản xuất với tiêu dùng. Phân phối thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp. Trao đổi giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng</i>	2. Hoạt động phân phối – trao đổi - Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng). - Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu. Hs vd được các kiến thức cơ bản về các hđ kt vào lý giải các hiện tượng kt đang diễn ra trong xh

b) Nội dung. Hs thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu mục b, c bài 1 sgk đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức hs làm việc nhóm để cùng n/cứu 4 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm. Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống và chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

+ *Trường hợp b:* Giải pháp điều chỉnh hoạt động phân phối thu nhập của doanh nghiệp Y giúp doanh nghiệp tiếp tục duy trì được hoạt động sản xuất, giữ chân được người lao động. Người lao động sẽ tiếp tục có việc làm, có thu nhập tuy thấp nhưng vẫn duy trì được cuộc sống, giữ được việc làm ổn định.

+ *Trường hợp c:* Bán hàng trực tuyến là loại hoạt động trao đổi. Hoạt động này có nhiều ưu điểm: không tốn chi phí thuê mặt bằng, nguồn nhân lực, có nhiều tiện lợi cho người tiêu dùng,... Tuy nhiên, cũng có những hạn chế như: mất thời gian chờ đợi để nhận được hàng hoá, sản phẩm nhận được nhiều khi không đúng như quảng cáo,... Để hạn chế những tiêu cực của hoạt động này, Nhà nước cần tăng cường hoạt động quản lý các trang thương mại điện tử, tăng cường chế tài xử phạt các vụ việc ảnh hưởng xấu đến quyền lợi người tiêu dùng, còn người tiêu dùng cũng cần tìm những nơi bán hàng có uy tín để mua sản phẩm,...

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 2: Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những tình huống

a) **Mục tiêu.** Hs vd được các kiến thức cơ bản về các hđ ktế vào lý giải các hiện tượng ktế đang diễn ra trong xh

b) **Nội dung.** Hs thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm. Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống và chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

Trường hợp b: Nếu là N, em sẽ nói với bố mẹ rằng các bạn HS rất ham chơi trò chơi điện tử, bố mẹ kinh doanh vì muốn thu được nhiều tiền từ HS trốn học, bỏ tiết để chơi điện tử là không nên.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

Nội dung 3: Tìm hiểu hoạt động tiêu dùng

a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của tiêu dùng

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm đã phân chia ở trên, các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4-6 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Các nhân vật trong hai bức tranh trên đang sử dụng sản phẩm gạo với mục đích gì?</i> <i>2/ Dịch bệnh COVID- 19 khiến hoạt động tiêu dùng thay đổi như thế nào? Những thay đổi của hoạt động tiêu dùng có tác động gì đến đời sống xã hội?</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình: + Ở tranh 1, gạo được sử dụng với mục đích để con người tiêu dùng trực tiếp, còn gạo ở tranh 2 được sử dụng làm đầu vào của một hoạt động kinh tế khác (kinh doanh quán cơm bình dân). + Dịch bệnh đã thay đổi tới nhu cầu tiêu dùng: Chuyển sang các mặt hàng bảo vệ sức khỏe, thói quen tiêu dùng: mua hàng online nhiều hơn. Những thay đổi đó vừa tác động tích cực: thúc đẩy một số ngành sản xuất phát triển những cũng tác động tiêu cực: Một số ngành sản xuất không phát triển được phải đóng cửa. - Học sinh rút ra được nội dung của khái niệm tiêu dùng, Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Từ những thông tin đã nghiên cứu, các em hiểu thế nào là tiêu dùng, tiêu dùng có vai trò như thế nào</i> <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Gv chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Hoạt động tiêu dùng bao gồm tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho sản xuất. Tiêu dùng là mục đích, là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì vậy, mỗi người cần tiêu dùng hợp lý. có kế hoạch để trở thành người tiêu dùng thông minh.</i>	3. Hoạt động tiêu dùng Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. - Tiêu dùng được coi là mục đích của sản xuất, - Tiêu dùng giữ vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

+ Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực.

+ Một số biểu hiện lãng phí trong các hoạt động sản xuất, tiêu dùng, phân phối sản phẩm hàng hóa

Hình thức thực hiện: Giáo viên phân tích ví dụ về sự lãng phí trong 2 công trình bệnh viện ở tỉnh Ninh Bình

Tại buổi công bố kết luận, theo ông Nguyễn Văn Cường - Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, để chỉ ra những sai phạm tại 2 dự án, Đoàn thanh tra đã phải thực hiện một khối lượng công việc rất lớn, trong đó có việc kiểm tra, đánh giá gần 3.000 đầu mục tài liệu, đối chiếu với hàng nghìn quy định cũ - mới khác nhau.

Đặc biệt, giá trị lãng phí được phát hiện qua thanh tra tại 2 dự án lên đến hàng nghìn tỉ đồng, cao gấp rất nhiều lần so với số tiền thiệt hại tạm tính khoảng 100 tỉ đồng.

Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ đánh giá, hình ảnh 2 bệnh viện to lớn, sừng sững được Nhà nước đầu tư cả chục nghìn tỉ đồng nhưng vẫn để cỏ mọc um tùm vì không sử dụng được trong 10 năm qua, từ lâu đã là hình ảnh gây xót xa trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, và đây là điển hình của sự lãng phí trong đầu tư công.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt:** Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế. Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- **Cách thực hiện:** Giáo viên nhấn mạnh trách nhiệm đạo đức của các hoạt động kinh tế đối với xã hội. Ngoài yếu tố mang lại lợi nhuận, các hoạt động kinh tế cần được thực hiện theo đúng các chuẩn mực đạo đức xã hội. Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu và trả lời câu hỏi sau:

Em hãy chia sẻ một vài việc làm của bản thân mình thể hiện tinh thần tự giác, kỷ luật, tôn trọng pháp luật khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp d sgk đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

Trường hợp d: Hoạt động tiêu dùng các sản phẩm làm từ nhựa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội. Cần có biện pháp giảm bớt việc sử dụng này như: thay đổi thói quen dùng sản phẩm nhựa bằng sử dụng các vật dụng làm từ chất liệu dễ phân hủy như: gỗ, giấy,...

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 2: Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những tình huống

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

Trường hợp b: Nếu là N, em sẽ nói với bố mẹ rằng các bạn HS rất ham chơi trò chơi điện tử, bố mẹ kinh doanh vì muốn thu được nhiều tiền từ HS trốn học, bỏ tiết để chơi điện tử là không nên.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 3: Em hãy cùng các bạn đóng vai "Táo quân châu trời"

a) Mục tiêu. Học sinh thấy được mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất thông qua vai diễn

b) Nội dung. Học sinh sẽ tiến hành vai diễn theo đã phân công và chuẩn bị

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

+ *Vai trò của từng hoạt động kinh tế được thể hiện sinh động trong đời sống thực tiễn*

+ *Thấy được mối quan hệ giữa các hoạt động này*

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên giao trước nội dung này cho học sinh từ các tiết trước để học sinh chuẩn bị,

Mỗi nhóm xây dựng kịch bản với bối cảnh các Táo Sản xuất, Táo Phân phối - Trao đổi và Táo Tiêu dùng lên báo cáo tình hình hoạt động của nền kinh tế với Ngọc Hoàng. Từng vai Táo khẳng định lĩnh vực mình phụ trách có những đóng góp quan trọng trong đời sống xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau thể hiện vai diễn
- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên yêu cầu các học sinh không tham gia vai diễn ghi chép về nội dung diễn xuất của từng Táo gắn với nội dung bài học

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv gọi hs đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên đã diễn, trên một số phương diện sau

+ ưu điểm, hạn chế, mặt cần khắc phục.

+ Bình chọn vai diễn xuất sắc nhất

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trình diễn của các nhóm, chỉ ra mặt ưu điểm, hạn chế, cũng như chỉ ra mối liên hệ với bài học thông qua việc nhấn mạnh mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế

GV nhấn mạnh:

Trong đời sống xã hội, các hoạt động: sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong mối quan hệ đó, sản xuất là gốc, có vai trò quyết định; tiêu dùng là mục đích, là động lực của sx, còn phân phối và trao đổi là cầu nối sản xuất với tiêu dùng, có tác động đến cả sản xuất và tiêu dùng.

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 2: Em hãy vẽ tranh cổ động cho hoạt động “tiêu dùng xanh” và chia sẻ nội dung, ý nghĩa của bức tranh với thầy cô và các bạn.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Hs làm ở nhà. Khuyến khích ý tưởng sáng tạo để thể hiện rõ hoạt động tiêu dùng xanh.

c) Sản phẩm. HS xây dựng được ý tưởng, hoàn thành tranh vẽ theo các yêu cầu và tiêu chí GV đưa ra

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Gv giao nội dung. HS lựa chọn một hoạt động tiêu dùng xanh, đưa ra các tiêu chí để xác định hoạt động đó đảm bảo yêu cầu tiêu dùng xanh

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng
- Viết bài thuyết trình cho bức tranh mà nhóm hoàn thiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv hướng dẫn các nhóm trình bày trưng bày bức tranh và thuyết trình về ý tưởng của bức tranh

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi bức tranh/

TIẾT 4 – 5 – 6 : BÀI 2

CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

a) Kiến thức

Nêu được các chủ thể của nền kinh tế, vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế

b) Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường.
- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

c) Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể k/tế trong nền k/tế.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia nền kinh tế với vai trò chủ thể kinh tế cụ thể; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi thực hiện vai trò chủ thể kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi thực hiện vai trò của chủ thể kinh tế cụ thể.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện tốt vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế.

***Tích hợp quyền con người:**

- Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận kết hợp liên hệ với các yêu cầu cần đạt sau:

- + Vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế trong việc thực hiện các quyền con người
- + Trách nhiệm của công dân với tư cách là các chủ thể kinh tế trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế nhằm thực hiện tốt các quyền con người

- Cách thức thực hiện: Giáo viên yêu cầu học sinh lấy ví dụ để làm nổi bật các nội dung quyền con người sau:

- + Vai trò của chủ thể trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe của con người; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó.

+ Vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể trong việc tôn trọng, thực hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về các chủ thể tham gia nền kinh tế;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi: *Em hãy chia sẻ nội dung và ý nghĩa của bức tranh “tiêu dùng xanh”.*

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

3.1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các chủ thể của nền kinh tế, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới

b) Nội dung. HS cùng nhau lắng nghe bài hát: Bài ca xây dựng (sáng tác: Hoàng Vân) và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh nghe vì đeo bài hát. Sau thời gian lắng nghe học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở

Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau lắng nghe bài hát.

- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra:

1/ *Hãy cho biết nhân vật chính trong các bài hát là ai?*

2/ *Họ đang tham gia vào các hoạt động nào trong nền kinh tế?*

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo

- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế

Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS):

Những người lao động trong bài hát “Bài ca xây dựng” là những người thợ xây - họ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và là chủ thể của nền kinh tế.

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Trong nền kinh tế thị trường mỗi cá nhân có thể đóng những vai trò nào trong các hoạt động kinh tế?*

- Mỗi chúng ta đều tham gia nền kinh tế với những vai trò khác nhau nhưng ít khi tìm hiểu xem nền kinh tế đang hoạt động bởi những chủ thể nào? Họ có vai trò gì trong

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

Gv nhấn mạnh:

Mỗi chúng ta đều tham gia vào nền kinh tế với những vai trò khác nhau, nền kinh tế đang hoạt động bởi nhiều chủ thể khác nhau, mỗi chủ thể lại có vai trò của họ trong sự phát triển của đời sống xã hội. Bài học này sẽ giúp chúng ta nhận biết được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của họ khi tham gia các hoạt động kinh tế

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu chủ thể sản xuất

- a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò chủ thể sản xuất
b) **Nội dung.** Hs làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau quan sát 2 ảnh trong sgk, đọc thông tin đưa ra câu trả lời.
c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.
d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia nhóm lớp (4 nhóm) - GV chiếu cho các nhóm học sinh quan sát hình ảnh sau đó yêu cầu học sinh đọc thông tin đưa ra - HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>Các nhân vật trong các bức tranh và ảnh Q tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì? Họ có đóng góp gì cho đời sống xã hội?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập: - Hs cùng quan sát hình ảnh, video và làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận: - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình: + <i>Hình ảnh 1: Các nhà đầu tư tiến hành tham dự Đại hội cổ đông</i> + <i>Hình ảnh 2: Người công nhân đang tiến hành hoạt động may áo</i> + <i>Thông tin: Anh Q đã làm tốt vai trò của mình là: vừa sản xuất ra sản phẩm có chất lượng phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, vừa biết góp phần giải quyết việc làm, đóng thuế cho ngân sách nhà nước và giải quyết tốt các vấn đề xã hội.</i> - Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Từ các hoạt động trên chúng ta hiểu thế nào là chủ thể sản xuất và chủ thể đó có vai trò như thế nào? Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - GV chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội <u>GV nhấn mạnh:</u> <i>Chủ thể sx là cá nhân, hộ gđ, dn.... trực tiếp tạo ra sp đáp ứng n/cầu tiêu dùng của xh. Chủ thể sx sử dụng các yếu tố đầu vào như vốn, sức lao động, tài nguyên thiên nhiên.... để sx, kd và thu lợi nhuận</i>	1. Chủ thể sản xuất - Khái niệm: + Chủ thể sản xuất là những người sản xuất cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. + Chủ thể sản xuất gồm các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh. - Vai trò: <i>Bản thân họ:</i> sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận. <i>Đối với xã hội:</i> thoả mãn nhu cầu hiện tại và phục vụ cho những nhu cầu trong tương lai - Chủ thể sản xuất còn phải có trách nhiệm đối với con người - cung cấp những hàng hoá, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khoẻ và lợi ích của con người trong xã hội

Nội dung 2: Tìm hiểu chủ thể tiêu dùng

- a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể tiêu dùng
b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, đọc và tìm hiểu hình ảnh, thông tin trong sgk và trả lời câu hỏi.
c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.
d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu hs quan sát tranh suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Sau thời gian quan sát hs làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở 1. Các nhân vật trong các bức tranh tham gia nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì? 2. Người tiêu dùng có vai trò gì đối với sự phát triển của xã hội? Tại sao người tiêu dùng phải có trách nhiệm đối với sự pt bền vững của xã hội? Thực hiện nhiệm vụ học tập: - Hs cùng nhau quan sát hình ảnh, đọc thông tin; làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi gv đặt ra. Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận: - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS): + Bức tranh 1: Người tiêu dùng đang tiêu dùng (H) cho bản thân mình + Bức tranh 2: Người tiêu dùng đang tiến hành hoạt động tiêu dùng cho sản xuất - Người tiêu dùng thông qua hoạt động tiêu dùng sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội - Người tiêu dùng cần phải có trách nhiệm đối với sự phát triển của xã hội vì hành vi tiêu dùng của mỗi con người sẽ tác động to lớn đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh. - Gọi một số học sinh nhận xét kết quả. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Nếu không có các hoạt động tiêu dùng thì xã hội sẽ như thế nào. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Gv nhận xét bài trả lời của một số hs đã được yêu cầu trình bày - Gv chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội <u>Gv nhấn mạnh:</u> Nền kinh tế có nhiều khởi sắc khiến tiêu dùng của người dân có xu hướng tăng. Nhờ vậy, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nhanh hơn, kích thích sản xuất, kinh doanh phát triển. Nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng là động lực quan trọng, định hướng cho sản xuất phát triển	2. Chủ thể tiêu dùng - Chủ thể tiêu dùng là người mua hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất,... - Chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

TIẾT 2

1. Ổn định lớp

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Chủ thể trung gian

a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể trung gian

b) **Nội dung.** Hs làm việc theo nhóm (4 - 6 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4 - 6 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>Nhóm 1,2,3: Hình ảnh 1 và thông tin 1</i> <i>Nhóm 4,5,6: Hình ảnh 2 và thông tin 2</i> <i>Chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong mỗi bức tranh trên là ai? Hoạt động của họ đóng góp gì cho đời sống xã hội?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập: - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận: - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình <i>Hình ảnh 1: Chủ thể tgia là các tiểu thương họ làm nhiệm vụ mua hàng từ người sx và bán lại cho người td, vai trò của họ là cầu nối để đưa HH từ nhà sx đến tay người td</i> <i>Hình ảnh 2: Họ là những người cung cấp DV việc làm, vai trò của họ là cầu nối giữa các hoạt động sxkd với người lao động.</i> + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm: <i>Chủ thể trung gian có vai trò như thế nào đối với các khâu của quá trình sản xuất và tiêu dùng</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Giáo viên nhận xét; đánh giá; chốt kiến thức để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội <u>GV nhấn mạnh:</u> <i>Do sự phát triển của sx và trao đổi dưới tác động của phân công lđ xh. Những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các qh mua và bán.</i>	3. Chủ thể trung gian Các chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường - Họ có vai trò ngày càng quan trọng, là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua-bán, sản xuất - tiêu dùng,... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả hơn.

Nội dung 4: Chủ thể nhà nước

a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể nhà nước

b) **Nội dung.** Hs tiếp tục làm việc nhóm (4-6 nhóm), các nhóm cùng ncứu các nvụ đặt ra và trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia lớp thành từ 4 - 6 nhóm	4. Chủ thể nhà nước - Nhà nước tạo môi trường pháp lí thuận lợi và đảm bảo ổn định chính trị - xã hội cho sự phát

- HS chia nhóm. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sgk đưa ra và trả lời.

Nhóm 1, 2, 3: Hình ảnh 1 và thông tin 1

Nội dung các bức tranh trên thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế thuận lợi?

Thông tin 1 cho thấy Nhà nước đã làm gì trước những khó khăn của nền ktế do tác động của đại dịch COVID- 19?

Nhóm 4, 5, 6: Hình ảnh 2 và thông tin 2

Nội dung các bức tranh trên thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế thuận lợi?

Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã làm gì để giải quyết vấn đề đói nghèo trong xh, thực hiện tăng trưởng ktế gắn liền với tiến bộ xã hội, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa?

Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- HS cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình.

- Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo

Báo cáo kết quả và thảo luận:

- Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm. Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình

HS chỉ ra được những việc nhà nước cần làm để thực hiện tốt chức năng vai trò quản lý nền kinh tế cũng như vai trò quản lý kinh tế của nhà nước

1/ Nhà nước ban hành luật, tạo ra khung pháp lí để các chủ thể kinh tế tự do sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Bên cạnh đó, Nhà nước thường xuyên tổ chức các hội nghị để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, giúp các chủ thể kinh tế phát triển thuận lợi.

2/ Trước những khó khăn của nền kinh tế, Nhà nước đã nhanh chóng ban hành những cơ chế, chính sách như giãn nợ, miễn giảm thuế; giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kd tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản.

3/ Nhà nước đã triển khai các chương trình xoá đói giảm nghèo đến các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, tạo chuyển biến tích cực về' sản xuất, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở những nơi khó khăn.

+ Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm

Chủ thể nhà nước có vai trò như thế nào đối với các hoạt động của nền kinh tế

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét bài trả lời của từng nhóm.

- GV chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà hs đã tìm được

- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội

GV nhấn mạnh:

Nhà nước là một chủ thể của nền kinh tế có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế khác hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Nhà nước

triển kinh tế.

- Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch, k/hoạch phát triển, ban hành các chính sách, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế phát triển theo mục tiêu; xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất, kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển và KD những dịch vụ công cộng như bảo đảm An, QP, tài chính, tín dụng, năng lượng, giao thông, viễn thông,...; khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát,...

- Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo định hướng XHCN

cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.	
---	--

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp với các yêu cầu cần đạt sau:

- + Vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế trong việc thực hiện các quyền con người
- + Trách nhiệm của công dân với tư cách là các chủ thể kinh tế trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế nhằm thực hiện tốt các quyền con người

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên yêu cầu học sinh lấy ví dụ để làm nổi bật các nội dung quyền con người sau:

- Vai trò của chủ thể trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe của con người; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó.

- Vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể trong việc tôn trọng, thực hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó.

Gợi ý:

- Quyền đảm bảo về sức khỏe con người là một khía cạnh quan trọng của quyền con người, được thừa nhận và bảo vệ bởi nhiều tài liệu quốc tế và quốc gia.

- Ở Việt Nam quyền đảm bảo sức khỏe về con người được thể hiện ở những khía cạnh sau:

- + Bảo hiểm y tế bắt buộc
- + Chăm sóc ý tế cơ bản
- + Chương trình phòng chống bệnh quốc gia: Tiêm chủng mở rộng
- + Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên
- + Đối với các vùng dân tộc thiểu số và đặc biệt khó khăn, những hộ nghèo, cận nghèo được nhà nước hỗ trợ bảo hiểm y tế.

TIẾT 3

TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

Tìm hiểu nội dung bài học

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức về các chủ thể của nền kinh tế; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống. Biết nhận xét đánh giá các hiện tượng của đời sống xã hội đang diễn ra liên quan đến các chủ thể của nền kinh tế

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp SGK đưa ra và trả lời.

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp SGK đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời: a. Tiêu dùng an toàn là sử dụng những sản phẩm đảm bảo an toàn cho sức khỏe, không chứa chất

độc hại, đảm bảo về kỹ thuật sản xuất, bảo vệ môi trường,... Để thực hiện tiêu dùng an toàn, người tiêu dùng phải có kỹ năng lựa chọn những sản phẩm sạch, đạt tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu uy tín, được bày bán ở những nơi tin cậy; người sản xuất phải làm ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP là các quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản ở Việt Nam; bao gồm những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế đảm bảo sản phẩm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Các chủ thể trung gian tổ chức nhiều siêu thị, hội chợ để cung ứng hàng nông sản sạch cho người tiêu dùng.

b. Đóng góp của tập đoàn N trong việc xây dựng xã hội số ở Việt Nam thể hiện ở việc tham gia mạnh vào thị trường dịch vụ số, cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số cho các bộ, ngành, chính quyền các tỉnh thành và các doanh nghiệp, phát triển mạnh giải pháp đô thị thông minh, đồng thời phát triển dịch vụ số cá nhân.

Nhà nước thành lập doanh nghiệp nhà nước N chuyên đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực bưu chính và viễn thông - một lĩnh vực dịch vụ công quan trọng mà các công ty tư nhân khó thực hiện. Bên cạnh việc duy trì phát triển các dịch vụ viễn thông cốt lõi, Nhà nước yêu cầu tập đoàn N đi đầu trong việc cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số phục vụ cho mục tiêu cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, phát triển dịch vụ số cá nhân, góp phần thúc đẩy xây dựng XH số, thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0,...

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế với tư cách là một chủ thể.

Bài tập 2: Nhận xét việc thực hiện trách nhiệm công dân của các chủ thể kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế trong những trường hợp sau:

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

b) **Nội dung.** HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp sgk đưa ra và trả lời.

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

Trường hợp a: Anh V thể hiện trách nhiệm công dân qua việc chủ động tìm kiếm việc làm để đảm bảo cuộc sống; tìm tòi, học hỏi, lựa chọn được mô hình kinh doanh phù hợp phát triển kinh tế gia đình, tạo việc làm cho người lao động và còn hỗ trợ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

- Trường hợp b: Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam, có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế đất nước.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế với tư cách là một chủ thể.

Bài tập 3: Em hãy xử lý các tình huống sau

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv mời từng nhóm phân tích từng trường hợp, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

a. Do gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nên bà con nông dân không bán được hàng. Trong trường hợp này, người tiêu dùng nên hỗ trợ, mua sản phẩm nhiều hơn để cân đối cung cầu, giúp người sản xuất khỏi bị thua lỗ, tiếp tục tái sản xuất để cung cấp sản phẩm cho xã hội.

b. Hiện nay, một số công ty môi giới trên mạng xã hội có hành vi lừa đảo cung cấp thông tin giả để thu tiền phí dịch vụ nên K cần nhắc chị p phải cẩn thận, xác định rõ thông tin của công ty môi giới trước khi sử dụng dịch vụ của họ.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế với tư cách là một chủ thể

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy viết bài chia sẻ việc bản thân hoặc gia đình em đã tham gia nền kinh tế với tư cách một chủ thể kinh tế và đã thể hiện vai trò của chủ thể đó như thế nào.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chủ thể của nền kinh tế vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và viết bài viết nói về việc tham gia vào nền kinh tế với tư cách là 1 chủ thể cụ thể.

c) Sản phẩm.

HS xác định rõ được chủ thể mình tham gia là gì, những việc cần làm để thể hiện tốt vai trò đó

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS có thể chọn với tư cách là chủ thể tiêu dùng hay sản xuất kinh doanh hoặc chủ thể trung gian (với bản thân HS có thể là chủ thể tiêu dùng) để viết bài chia sẻ.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết có thể dưới dạng là một câu chuyện, một kinh nghiệm sống hoặc cùng chia sẻ về một nội dung theo yêu cầu

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc GV yêu cầu HS chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò, vị trí của từng chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

Bài tập 2: Em hãy thiết kế một sản phẩm truyền thông (viết khẩu hiệu, vẽ tranh) thể hiện thông điệp phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. HS cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà. Khuyến khích các mô hình, ý tưởng sáng tạo để thể hiện rõ thông điệp phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

c) Sản phẩm. HS xây dựng được ý tưởng, hoàn thành tranh vẽ theo các yêu cầu và tiêu chí GV đưa ra

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên tổ chức chia nhóm, sử dụng các nhóm đã chia trong các tiết học.
- Học sinh lựa chọn một hoạt động tiêu dùng xanh, đưa ra các tiêu chí để xác định hoạt động đó đảm bảo thông điệp phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích các ý tưởng sáng tạo

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện
- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng
- Viết bài thuyết trình cho bức tranh mà nhóm hoàn thiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV tổ chức, hd các nhóm trình bày, trưng bày bức tranh và thuyết trình về ý tưởng của bức tranh

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi bức tranh/

TIẾT 7 – 8 – 9: BÀI 3

THỊ TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

a) Kiến thức:

Nêu được khái niệm thị trường, liệt kê các loại thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường.

b) Về năng lực.

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thị trường.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về thị trường.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thị trường.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có những hành vi đúng khi tham gia thị trường; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia thị trường.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia thị trường phù hợp với lứa tuổi.

c) Về phẩm chất

Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu tình hình thị trường ở địa phương từ đó có những điều chỉnh thích hợp để phù hợp với bản thân.

Trách nhiệm: Thể hiện ở việc học sinh có ý thức tôn trọng các chủ thể kinh tế khi tham gia vào thị trường, có thái độ và ứng xử phù hợp

Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người dưới đây để yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường và giúp học sinh hiểu rõ những hành vi này đã gián tiếp xâm phạm đến các quyền con người, quyền cơ bản của công dân

Phê phán những hành vi không đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh của con người.

***Tích hợp đạo đức lối sống.**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường

- **Cách thức thực hiện:** Trên cơ sở các ví dụ về các hành vi vi phạm trong kinh doanh như: bán hàng kém chất lượng, thao túng giá...giáo viên giáo dục cho học sinh tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện, biết đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về thị trường;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

3.1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của HS về những vấn đề có liên quan đến thị trường; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS, dẫn vào bài mới.

b) Nội dung. Học sinh cùng nhau tham gia đóng vai về một hoạt động mua bán và trả lời được câu hỏi

c) Sản phẩm. Chỉ ra được các nhân tố của thị trường như là: *hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán*

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh nghiên cứu và chuẩn bị trước ở nhà, phân công các thành viên tham gia

HS làm việc nhóm, tự viết kịch bản theo định hướng của GV.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau đóng vai về hoạt động mua và bán.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)

1/ *Đối tượng mua bán ở cửa hàng này là gì?*

2/ *Chủ thể tham gia vào các hoạt động ở cửa hàng này là ai?*

- Gv đặt câu hỏi thảo luận chung: *Khi tham gia vào thị trường một cá nhân có thể đóng những vai trò nào*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

Chúng ta vừa xem đóng vai cảnh mua bán trong cửa hàng bán đồ dùng học tập. Đó là một thị trường hàng tiêu dùng. Vậy thị trường là gì? Thị trường có những chức năng gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời những vấn đề đó.

GV nhấn mạnh:

Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của kinh tế hàng hoá, là sợi dây liên kết chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu dùng. Vì vậy, khi tham gia thị trường với những vai trò khác nhau, mỗi chúng ta cần hiểu rõ bản chất, chức năng của thị trường và các vấn đề liên quan.

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm thị trường

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin đưa ra trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia nhóm lớp thành 4 nhóm. - GV yêu cầu các nhóm HS nghiên cứu thông tin trong sgk - Hsinh làm việc theo nhóm của mình, suy nghĩ và trả lời câu hỏi: 1/ <i>Sự thay đổi của quê hương S diễn ra như thế nào? Em hãy mô tả những hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá, dịch vụ trên quê hương S.</i> 2/ <i>Mục đích của các hoạt động đó là gì?</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	1. Khái niệm thị trường - Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá. - Theo nghĩa rộng, thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ. - Các yếu tố cấu thành thị trường gồm: người mua - người bán, hàng hoá - tiền tệ, quan hệ mua - bán, giá cả - giá trị, cung - cầu hàng hoá,...

- HS cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
 - HS làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi GV đặt ra.
Báo cáo kết quả và thảo luận
 - Gv gọi 2 nhóm cử HS đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình:
1/ Quê hương S có sự thay đổi trong hoạt động mua bán. Ở đó diễn ra những hoạt động mua bán được liệt kê từ hoa cát cánh, váy áo, khăn, túi thổ cẩm,... và dịch vụ du lịch. Ngoài ra, còn diễn ra hoạt động mua bán trên không gian mạng.
2/ Bà con phải giải quyết các mối quan hệ cung - cầu, cạnh tranh, xác định giá cả, số lượng hàng hoá, dịch vụ cung ứng,... trong hoạt động trao đổi, mua bán.
Mục đích của hoạt động đó là nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất và trao đổi hàng hóa
 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.
 - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Thị trường gắn liền với mối quan hệ giữa ai với ai, sự tác động qua lại nhằm mục đích gì*
Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
 - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét
 - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm
 - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội
GV nhấn mạnh:
Thị trường là nơi các chủ thể kinh tế gặp nhau để xác định số lượng, giá cả hàng hoá, dịch vụ khi mua và bán, đáp ứng nhu cầu của mỗi bên

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- HS trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các loại thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được các loại thị trường, cách phân chia các loại thị trường

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng quan sát các hình ảnh giáo viên đưa ra để từ đó phân biệt được các loại thị trường, cách phân chia thị trường.

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm quan sát tranh suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>1/ Em hãy xác định các loại thị trường trong thông tin trên.</i>	2. Các loại thị trường - Theo đối tượng giao dịch, mua bán, có thị trường các loại hàng hoá và dịch vụ như: thị trường lúa gạo, thị trường dầu mỏ, thị trường

2/ Theo em, ngoài ra còn có những loại thị trường nào khác? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh, đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình: 1/ Thị trường tư liệu sản xuất và thị trường chứng khoán; 2/ Còn có nhiều loại thị trường khác như thị trường lao động, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản,... - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Dựa vào các tiêu chí nào để phân chia các loại thị trường Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội GV nhấn mạnh: Việc phân chia các loại thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất và tiêu dùng, nó góp phần định hướng cho mỗi chủ thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng	tiền tệ,... - Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch, có thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ,... - Theo phạm vi của quan hệ mua bán, giao dịch, có thị trường trong nước và thị trường quốc tế,... - Theo tính chất và cơ chế vận hành có: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo,...
--	---

Nội dung 3: Các chức năng cơ bản của thị trường

- a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được các chức năng cơ bản của thị trường
- b) **Nội dung.** Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi Nhóm 1,2: Thông tin 1 Sản phẩm áo sơ mi kẻ ô vuông, chất liệu cotton được thị trường thừa nhận như thế nào? Thị trường đã cung cấp thông tin gì khiến Ban Giám đốc Công ty may A phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất? Nhóm 3,4: Thông tin 2 Thông tin 2 cho thấy việc sản xuất và tiêu dùng thị lợn được thị trường kích thích/hạn chế như thế nào? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm	3. Các chức năng cơ bản của thị trường - <i>Chức năng thừa nhận:</i> Thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hoá có bán được hay không và bán với giá như thế nào. - <i>Chức năng thông tin:</i> Thị trường cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hoá, giá cả, tình hình cung - cầu về các loại hàng hoá,... - <i>Chức năng điều tiết, kích thích:</i> Trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất và tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

+ Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình - 1/ Sản phẩm áo sơ mi nam dài tay, kẻ ô vuông, chất liệu cotton được nhiều khách hàng ưa chuộng. Thông tin này khiến Ban Giám đốc Công ty may A điều chỉnh kế hoạch sản xuất: gia tăng sản xuất áo sơ mi chất liệu cotton, giảm sản xuất áo sơ mi chất liệu kate. 2/ Việc nguồn cung thịt lợn giảm, giá thịt lợn tăng đã khiến người chăn nuôi hướng tới các nguồn cung khác hoặc tái đàn (khi dịch tạm lắng), người tiêu dùng cũng giảm nhu cầu tiêu thụ thịt lợn, chuyển sang tiêu thụ các loại thực phẩm khác. Khi nguồn cung thịt lợn trên thị trường tăng lên, sẽ có xu hướng ngược lại. + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Các chức năng cơ bản của thị trường được thực hiện như thế nào trong quá trình sản xuất kinh doanh?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội GV nhấn mạnh: Các chức năng cơ bản của thị trường có vai trò quan trọng đối với người sx, kd. Việc vận dụng tốt các chức năng này sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sxkd.	
--	--

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người dưới đây để yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường và giúp học sinh hiểu rõ những hành vi này đã gián tiếp xâm phạm đến các quyền con người, quyền cơ bản của công dân

Phê phán những hành vi không đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh của con người.

***Tích hợp đạo đức lối sống:**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường

- **Cách thức thực hiện:** Trên cơ sở các ví dụ về các hành vi vi phạm trong kinh doanh như: bán hàng kém chất lượng, thao túng giá...giáo viên giáo dục cho học sinh tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện, biết đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh

+ **Hành vi đầu cơ:** là hành vi lợi dụng tình hình khan hiếm hàng hóa hoặc tạo ra sự khan hiếm giả tạo trên thị trường để mua vét, mua gom hàng hóa thuộc danh mục bình ổn giá theo quy định của pháp luật nhằm bán lại thu lợi bất chính. Mục đích của mua vét, mua gom hàng hóa là nhằm bán lại với giá cao hơn, bất kể đã bán hay chưa bán, thậm chí không bán được, bị lỗ.

+ **Hành vi găm hàng:** là các trường hợp có hàng hóa nhưng không bán hàng để chờ giá cao hơn mà không có lý do chính đáng như: cắt giảm địa điểm, phương thức bán hàng, lượng hàng hóa bán ra thị trường; ngừng bán hàng hóa ra thị trường; không mở cửa hàng, địa điểm giao dịch kinh doanh để bán hàng hoặc có mở cửa nhưng không bán hàng...

+ **Hành vi tăng giá quá mức:** là hành vi tăng giá bán hàng, phí dịch vụ từ 20% trở lên so với mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhằm thu lợi bất chính.

+ **Hành vi đưa tin thất thiệt về thị trường, giả cả hàng hóa, dịch vụ:** là các hành vi bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giả cả hàng hóa, dịch vụ gây tâm lý hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường.

Các hành vi này vừa vi phạm pháp luật vừa ảnh hưởng đến các quyền con người như thực hiện quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh của con người.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

***Ôn định lớp**

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

***Kiểm tra bài cũ**

***Tìm hiểu nội dung bài học**

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a) **Mục tiêu.** HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống,... về những vấn đề liên quan tới thị trường

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

a. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu truyền thống, chưa đúng. Ngày nay, thị trường thương mại điện tử diễn ra trên không gian mạng nên có thể không cần địa điểm cụ thể.

b. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sx hàng hoá.

c. Không đồng tình, vì ai cũng cần đến thị trường trong nền kinh tế thị trường.

d. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sx hàng hoá.

e. Đồng tình, vì đó là chức năng thứ hai của thị trường.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào thị trường

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể trong những trường hợp sau?

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Ý kiến của cả hai nhân viên đều phản ánh đúng thực trạng thị trường tiêu thụ hoa quả Việt Nam ở nước ngoài, song nhân viên thứ hai đã nhìn thấy được tiềm năng của thị trường. Từ đây, có thể rút ra bài học kinh doanh: Nếu biết đón đầu, nắm bắt được tiềm năng của thị trường thì việc KD sẽ có kết quả tốt hơn.

b. Công ty Y đã khai thác chức năng thông tin của thị trường để tạo nên thành công trong kinh doanh.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào thị trường cụ thể

Bài tập 3: Em hãy xử lý các tình huống sau:

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Nói với mẹ: Trong thời đại ngày nay, thương mại điện tử đã trở thành một xu hướng phổ biến. Phần lớn người tiêu dùng tiếp cận với Internet, ngày càng có nhiều người có thói quen mua sắm qua mạng. Thực tế không phải mặt hàng nào bán trên mạng cũng có chất lượng không cao. Do vậy, để tăng lượng khách hàng nhằm bán được nhiều, bên cạnh việc quảng bá cho sản phẩm, tích cực tương tác với khách hàng, cần bán hàng đúng mẫu mã, chất lượng như quảng cáo, giữ uy tín, tạo thương hiệu cho hàng hoá.

b. Các biện pháp:

- Tìm hiểu nhu cầu tiêu thụ trái cây của quê hương mình trên thị trường thế giới qua Internet và người Việt Nam ở nước ngoài.
- Tư vấn cho nông dân liên hệ với các công ty xuất khẩu trái cây ở Việt Nam.
- Nâng cao chất lượng trái cây đáp ứng chuẩn quốc tế.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào một hoạt động của thị trường

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy tìm hiểu, viết bài phân tích một trường hợp trong thực tiễn về chức năng của thị trường.

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chức năng của thị trường vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết nói về một trường hợp trong thực tiễn vận dụng chức năng của thị trường.

c) **Sản phẩm.** HS xác định rõ được chủ thể đã vận dụng chức năng nào, vận dụng chức năng đó như thế nào và hiệu quả ra sao

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu các hoạt động kinh tế cụ thể để từ đó biết được chủ thể đã vận dụng chức năng nào của thị trường

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết có thể dưới dạng là một câu chuyện, một kinh nghiệm sống hoặc bí quyết vận dụng chức năng của thị trường vào hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình. Hoặc GV yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

GV gợi ý:

Thông tin thị trường là một loại hàng hoá đặc biệt với đầy đủ các yếu tố của một thị trường như: Có quan hệ giữa người mua và người bán, quan hệ cung - cầu, quy luật về giá cả, có cạnh tranh... Bên cạnh chức năng phục vụ cho việc ra quyết định sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin thị trường còn có chức năng quan trọng khác là nâng cao nhận thức xã hội về các quan hệ thị trường, về hội nhập kinh tế quốc tế. Như vậy việc tạo ra cơ sở hạ tầng đủ mạnh cùng với việc sử dụng công nghệ hiện đại, tương thích giữa cơ quan cung cấp dịch vụ và các doanh nghiệp (DN) là hết sức quan trọng, đòi hỏi nguồn đầu tư lớn. Nếu không đáp ứng được yêu cầu này thì việc cung cấp và sử dụng dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin thị trường cho các DN không thể hiện được tốt. Như vậy, mỗi cơ quan, mỗi lĩnh vực trong cả hệ thống cung cấp và sử dụng dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin thị trường cần có những giải pháp và đổi mới một cách toàn diện để có thể thích ứng với tình hình.

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, có 3 xu thế đang tác động sâu sắc và làm biến đổi cả về nội dung, hình thức, cường độ của hoạt động tư vấn và cung cấp thông tin thị trường có thể kể tới, bao gồm :

- Xu thế hội nhập kinh tế trong điều kiện khu vực hóa và toàn cầu hóa
- Thế giới đang dịch chuyển mạnh từ nền kinh tế công nghiệp sang kinh tế dịch vụ
- Xã hội loài người đang phát triển để trở thành một xã hội thông tin

Gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tham gia vào khu vực mậu dịch tự do AFTA/CEPT, AC-FTA, các diễn đàn APEC, ASEM... thực thi các hiệp định th-uơng mại tự do (FTA) song ph-uơng và đa ph-uơng, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, cùng với việc đẩy nhanh tiến trình cải cách, mở cửa, hội nhập đã góp phần làm phong phú, sống động thương mại và thị trường nước ta.

Các FTA đã đưa Việt Nam trở thành một trong những nền k-tế có độ mở lớn và có quan hệ thương mại với trên 200 thị trường, trong đó có FTA với 60 nền k-tế, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các DN của Việt Nam mở rộng tiếp cận thị trường toàn cầu, là cơ hội để Việt Nam kết nối và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu. Với các FTA thế hệ mới, chúng ta sẽ có điều kiện tăng tốc mở cửa với thế giới, tạo lập một nền kinh tế thị trường theo đúng nghĩa của nó - cơ sở để xây dựng một nền k-tế có sức cạnh tranh. Khung khổ pháp lý của các hiệp định sẽ là khuôn mẫu cho việc vận hành các nền k-tế trong thế kỷ XXI, với những quy phạm, quy định cao hơn, toàn diện hơn. Việt Nam sẽ được chơi trên một sân chơi đẳng cấp - sân chơi của các “đại gia”. Đây là một cơ hội thực sự vì chưa bao giờ Việt Nam có được một vị thế tốt như hiện nay. Tác động tổng thể đối với nền kinh tế Việt Nam là rất tích cực, sống không có nghĩa đúng với mọi ngành, mọi DN. Cơ hội có khi lại trở thành thách thức nếu thiếu các c/sách vĩ mô thích hợp và những cải cách bên trong cần thiết.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò, vị trí của từng chủ thể tham gia vào nền kinh tế

Bài tập 2: Em hãy khảo sát một loại thị trường có ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà.

c) Sản phẩm. HS xây dựng báo cáo hoàn chỉnh về kết quả khảo sát thị trường

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Khảo sát một loại thị trường có ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý sau:

- Đối tượng khảo sát: cửa hàng văn phòng phẩm/đồ dùng học tập/đồ ăn/vật liệu xây dựng,...

- Nội dung khảo sát:

+ Giá cả, chất lượng, mẫu mã,...

+ Thái độ, cách bán hàng.

- Phương pháp khảo sát: quan sát, phỏng vấn, điều tra,...

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện
- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng
- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo/

TIẾT 10 – 11 – 12: BÀI 4 CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

a) Kiến thức

Nêu được khái niệm cơ chế thị trường, ưu, nhược điểm của cơ chế thị trường.

Khái niệm giá cả thị trường, các chức năng cơ bản của giá cả thị trường

b) Về phẩm chất

Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu, nắm bắt các diễn biến của thị trường để có những cách ứng xử, hành vi vi diệu dùng hợp lý

Trách nhiệm: Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường

Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

c) Về năng lực.

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tình hình giá cả một loại hàng hoá trên thị trường ở địa phương.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cơ chế thị trường.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Học sinh có thái độ, hành vi, việc làm phù hợp khi tham gia vào các quan hệ thị trường, chủ động thích ứng với những yêu cầu, đòi hỏi của cơ chế thị trường.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Có nhận thức đúng đắn về cơ chế thị trường, tích cực, chủ động, tham gia một cách có hiệu quả vào thị trường.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- Mức độ tích hợp: Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.

- Cách thức thực hiện: Phân tích các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh (thiếu trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ tài sản nhà; vi phạm quy định thuế, ngân sách và quy định về bảo vệ người tiêu dùng ...) để HS nhận diện hành vi sai trái. Giáo dục ý thức trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. Phê phán hành vi vi phạm quy định của pháp luật về PCTN, lãng phí. Giáo dục chuẩn mực của phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính. Giáo dục tinh thần tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint;
- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, clip,... về cơ chế thị trường;
- Báo cáo khảo sát thị trường của HS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Kết nối kiến thức, kỹ năng từ bài học trước với bài học mới; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS để dẫn vào bài mới

b) Nội dung. Học sinh cùng nhau xem video nói về bản tin thị trường giá cả hàng hóa trong nước.

c) Sản phẩm. Chỉ ra được mqh giữa các nhân tố của thị trường như là: *hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán*

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh xem video. Sau thời gian lắng nghe học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở

Sau thời gian làm việc cá nhân, hs trao đổi cặp đôi để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs cùng nhau xem video; suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo

- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi HS đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS):

+ *Giá cả của một loại mặt hàng trên thị trường lên xuống không ổn định.*

+ *Tổng của cầu người td, của việc cung ứng hh trên thị trường,... dẫn tới sự biến động của giá cả hh.*

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Khi tham gia vào thị trường các chủ thể kinh tế cần quan tâm đến những yếu tố nào?, vì sao*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các chủ thể tham gia vào thị trường

GV nhấn mạnh:

Tác động của nhu cầu người tiêu dùng, của việc cung ứng hàng hoá trên thị trường,... dẫn tới sự biến động của giá cả hàng hoá. Nhìn bề ngoài, dường như các chủ thể tham gia thị trường hoàn toàn tự do hoạt động theo ý muốn của mình, song thực tế không phải như vậy. Hoạt động của họ chịu sự chi phối vô hình của các quy luật kinh tế trong cơ chế thị trường. Vậy cơ chế thị trường là gì? Bài học này sẽ làm rõ bản chất, ưu - nhược điểm của cơ chế thị trường, giá cả thị trường để có những ứng xử đúng đắn khi tham gia thị trường.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm cơ chế thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm thị trường

b) Nội dung. Học sinh cùng làm cá nhân, đọc thông tin trong sgk và trả lời câu hỏi sau

1/ *Để đứng vững trên thị trường, anh M phải giải quyết những mối quan hệ nào?*

2/ *Theo em, để kinh doanh thành công, cần phải tuân theo những yêu cầu nào của cơ chế thị trường?*

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được một số nội dung liên quan đến thông tin sgk đưa ra, nêu được khái niệm cơ chế thị trường.

Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc cá nhân. Hết thời gian làm việc, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở	1. Cơ chế thị trường a. Khái niệm cơ chế thị trường Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu

1/ Để đứng vững trên thị trường, anh M phải giải quyết những mối quan hệ nào? 2/ Theo em, để kinh doanh thành công, cần phải tuân theo những yêu cầu nào của cơ chế thị trường? 3/ Cơ chế thị trường là gì? Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - HS làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: 1/ Doanh nghiệp của anh M phải giải quyết mối quan hệ với người tiêu dùng và các đối thủ cạnh tranh. 2/ Các yêu cầu cần giải quyết: - Chấp nhận, tôn trọng đối thủ cạnh tranh, cạnh tranh lành mạnh; - Xuất phát từ nhu cầu của người tiêu dùng, tính toán giảm chi phí sản xuất thấp hơn giá bán hàng hoá trên thị trường. - Học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Cơ chế thị trường điều chỉnh các chủ thể kinh tế như thế nào? Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những yêu cầu của cơ chế thị trường GV nhấn mạnh: <i>Cơ chế thị trường là cách thức vận hành của nền ktế, trong đó các chủ thể ktế tác động qua lại với nhau để phân bổ các nguồn lực, hình thành giá cả, xđịnh khối lượng và cơ cấu sx, td tuân theo yêu cầu của các quy luật ktế</i> - GV mở rộng kiến thức cho HS về bàn tay vô hình (tiếng Anh: invisible hand): Trong nền kttt, các cá nhân tham gia muốn tối đa hóa (p) cho mình. Ai cũng muốn như vậy nên vô hình chung đã thúc đẩy sự ptriển và cùng có lợi ích cho cả cộng đồng. Theo Adam Smith, chính quyền mỗi quốc gia không cần can thiệp vào cá nhân và doanh nghiệp, cứ để nó tự do hoạt động kd; ông kết luận: "Sự giàu có của mỗi quốc gia đạt được không phải do những quy định chặt chẽ của nhà nước, mà do bởi tự do kinh doanh" - Tư tưởng này đã chế ngự trong suốt thế kỉ XIX.	của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.
---	--

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung ưu điểm cơ chế thị trường

a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được ưu điểm của cơ chế thị trường

b) **Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc nhóm, cùng đọc thông tin trong sgk và trả lời được câu hỏi <i>1/ Ngành Dệt may Việt Nam đã chịu tác động gì từ cơ chế thị trường?</i> <i>2/ Điều gì giúp cho ngành Dệt may Việt Nam ngày càng trỗi vừng và phát triển?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: + <i>Tác động từ sự cạnh tranh quyết liệt với những doanh nghiệp mạnh trên thị trường quốc tế; nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế.</i> + <i>Tác động của cơ chế thị trường đã thúc đẩy ngành Dệt may cải kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nắm bắt được nhu cầu của người tiêu dùng tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp, phong phú, đa dạng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng,...</i> - Học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - GV nêu câu hỏi: <i>Em hãy cho biết những ưu điểm cơ chế thị trường là gì?</i> - HS suy nghĩ và trả lời + <i>Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể ktế, thúc đẩy phát triển llsx và tăng trưởng kinh tế.</i> + <i>Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.</i> + <i>Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét bài trả lời của hs, chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm GV nhấn mạnh: <i>Cơ chế thị trường thông qua các quy luật cơ bản góp phần kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể ktế, thúc đẩy phát triển llsx và tăng trưởng kinh tế.</i>	b. Ưu điểm của cơ chế thị trường - Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế. - Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế. - Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Nhược điểm của cơ chế thị trường

a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được nhược điểm của cơ chế thị trường

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sgk và trả được câu hỏi từ đó rút ra được những nhược điểm của cơ chế thị trường.

c) **Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>1/ Hãy nêu những nhược điểm của cơ chế thị trường ở thông tin trên.</i> <i>2/ Theo em, ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có những nhược điểm nào khác?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs cùng đọc thông tin, làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình: + <i>Nhược điểm như mất cân đối cung cầu, cạnh tranh không lành mạnh, hàng giả, lừa dối khách hàng...</i> + <i>Ngoài ra thị trường còn có các nhược điểm khác: Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái; phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sx và td; không tự khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.</i> - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Cơ chế thị trường cũng đem lại những nhược điểm nào mà chủ thể sản xuất kinh doanh cần nắm vững?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật nhược điểm của cơ chế thị trường GV nhấn mạnh: <i>Cơ chế thị trường tự nó cũng nảy sinh một số hạn chế, điều đó đòi hỏi Nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô nền ktế để khắc phục, hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường.</i>	c. Nhược điểm của cơ chế thị trường + Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái. + Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng. + Không tự khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng:**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.

- **Cách thức thực hiện:** Phân tích các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh (thiếu trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ tài sản nhà; vi phạm quy định thuế, ngân sách và quy định về bảo vệ người tiêu dùng ...) để HS nhận diện hành vi sai trái. Giáo dục ý thức trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. Phê phán hành vi vi phạm quy định của pháp luật về PCTN, lãng phí. Giáo dục chuẩn mực của phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính. Giáo dục tinh thần tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính

Ngày 24/6, TAND TP Hà Nội sẽ đưa 41 bị cáo trong vụ án xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn và các đơn vị liên quan ra xét xử theo trình tự sơ thẩm.

Theo tài liệu truy tố, từ năm 2010 đến năm 2023, Nguyễn Văn Hậu (tức Hậu “Pháo”, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn Phúc Sơn) và các đồng phạm đã thực hiện các hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng, lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi, tại các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Quảng Ngãi và Vĩnh Long.

Cụ thể, quá trình thực hiện các dự án, gói thầu tại các tỉnh Vĩnh Phúc, Quảng Ngãi, Phú Thọ, Hậu “Pháo” đã trực tiếp thực hiện, chỉ đạo nhân viên cấp dưới hoặc cấu kết với các đơn vị khác thực hiện các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu, kế toán.

Cáo buộc cho rằng, hành vi sai phạm của Nguyễn Văn Hậu và các đồng phạm, đối tượng liên quan trong vụ án đã gây hậu quả thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho Nhà nước, với tổng số tiền hơn 1.168 tỷ đồng.

TIẾT 3

TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

3.1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Kết nối kiến thức, kỹ năng từ nội dung tiết học trước với bài học mới; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS để dẫn vào bài mới

b) **Nội dung.** Học sinh cùng nhau xem hình ảnh nói về giá cả hàng hóa và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS nhận xét và trả lời được nội dung câu hỏi

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh xem hình ảnh. Sau đó học sinh làm việc cá nhân. Ghi câu trả lời vào vở:

BẢNG GIÁ VÉ XEM PHIM		
	THÀNH VIÊN VÀ KHÁCH LẺ	THÀNH VIÊN DƯỚI 22 TUỔI
Thứ 3, 4, 5 Trước 17:00	80.000	60.000
Thứ 3, 4, 5 Sau 17:00	80.000	60.000
Thứ 6, 7, CN Trước 17:00	90.000	70.000
Thứ 6, 7, CN Sau 17:00	100.000	80.000



Câu hỏi: Hình ảnh trên cho em biết những thông tin gì?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau xem ví dụ.
- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi HS đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên:

Các hình ảnh trên nói đến giá cả hàng hóa và giá cả thị trường.

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày
- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 4: Tìm hiểu khái niệm giá cả thị trường

a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được giá cả thị trường là gì

b) **Nội dung.** Học sinh đóng vai để nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS đóng vai và trả lời được các câu hỏi liên quan đến giá cả và chức năng của giá cả thị trường

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho 2 hs đóng vai đoạn hội thoại trong sgk trang 23-24. - Học sinh đóng vai và trả lời câu hỏi. + Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với	2. Giá cả thị trường a. Khái niệm giá cả thị trường. - Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán.

nhau về điều gì? Kết quả của sự thoả thuận đó là gì? + Dựa vào tình huống và sgk, em hãy cho biết giá cả hàng hóa là gì? Giá cả thị trường là gì? Nêu ví dụ. Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi hs trình bày kết quả đã chuẩn bị + Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về giá cả hàng hoá. + Kết quả của sự thoả thuận đó là hai bên đã thống nhất được giá của hàng hoá, thời gian và địa điểm giao hàng. + Giá cả hàng hoá là số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó. + Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả (H) được thoả thuận giữa người mua và người bán. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được GV nhấn mạnh: Giá cả thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất kinh doanh và cả người tiêu dùng, nắm vững, vận dụng tốt các chức năng của giá cả thị trường sẽ góp phần giúp mỗi chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định phù hợp và thu được nhiều lợi nhuận	
---	--

Nội dung 5: Tìm hiểu chức năng của giá cả thị trường

- a) Mục tiêu.** Học sinh hiểu được chức năng của giá cả thị trường
- b) Nội dung.** Học sinh thảo luận nhóm để nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi
- c) Sản phẩm.** HS làm việc nhóm và trình hình được chức năng của giá cả thị trường
- d) Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho 4 nhóm thảo luận thông tin và trả lời câu hỏi trang 24 ở sgk. Câu hỏi 1. Theo em, g/cả thị trường đã thể hiện c/năng thông tin và c/năng phân bổ nguồn lực như thế nào? Câu hỏi 2. a. Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như thế nào? b. Tại sao giá cả thị trường là một công cụ để nhà nước quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi hs trình bày kết quả đã chuẩn bị + Qua thông tin về giá cả của sản phẩm sữa trên thị trường, người tiêu dùng điều chỉnh, giảm bớt nhu cầu, chuyển sang dùng mặt hàng khác phù hợp hơn với khả	2. Giá cả thị trường b. Chức năng của giá cả thị trường. - Chức năng của giá cả thị trường: + Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng. + Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu. + Là công cụ để nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

năng thanh toán của mình; người cung ứng nhanh chóng tìm biện pháp tăng thêm sản phẩm này trên thị trường để thu nhiều lợi nhuận hơn. Để tăng thêm sản phẩm sữa trên thị trường, nguồn lực về vốn, sức lao động cũng được điều chuyển, phân bổ cho ngành sx, kd sữa nhiều hơn.

+ Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các dn, đại lí sữa phải đăng kí với cơ quan quản lí giá ở địa phương, công khai mức giá bán.

- Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý

Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm:

Giá cả thị trường có chức năng cơ bản nào?

HS trả lời:

Chức năng của giá cả thị trường:

+ Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.

+ Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.

+ Là công cụ để nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được

- Gv trình chiếu một số hình ảnh minh họa cho các chức năng trên.

3.3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống,... về những vấn đề liên quan tới cơ chế thị trường

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

a. Không đồng tình, vì người sản xuất phải chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế, trong đó có quy luật cung - cầu: Phải căn cứ vào nhu cầu của người tiêu dùng để sx hàng hoá với mẫu mã và giá cả hợp lí.

b. Đồng tình, vì cơ chế thị trường luôn tiềm ẩn rủi ro.

c. Không đồng tình, vì sự cạnh tranh là tất yếu trong cơ chế thị trường.

d. Đồng tình, vì đây là một chức năng của giá cả thị trường.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi vận dụng cơ chế thị trường

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về việc hành vi của các chủ thể sau?

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sgk đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Người dân thôn S cần cân nhắc trước khi chuyển đổi sản xuất vì có thể nhu cầu dựa trên thị trường là tự phát, không bền vững,... đồng thời Nhà nước cũng cần tăng cường vai trò quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế.

b. Ông Y đã nắm bắt được n/câu của thị trường và hành động theo sự chi phối của quy luật c- c trên thị trường.

c. Hành vi của siêu thị X vi phạm pháp luật, cần có hình phạt thích đáng.

d. Hành vi của người tiêu dùng hợp lý, dưới sự tác động của giá cả thị trường.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 3: Em hãy xử lý các tình huống sau

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Em sẽ nói với bố mẹ: Vì đó là nghề gia truyền nên bố mẹ đã có kinh nghiệm, uy tín trong kinh doanh. Tuy nhiên, bố mẹ nên tìm hiểu kỹ về hai hàng phở đang hoạt động ở khu phố (giá cả, chất lượng, phương thức bán hàng,...). Nếu hai hàng phở đó có ưu thế cạnh tranh hơn thì bố mẹ không nên mở hàng phở nữa và ngược lại.

b. Nếu là người thân của bà Y, em sẽ nói với bà: Bà không nên làm thế. Việc làm của bà là đầu cơ tích trữ hh, góp phần đẩy giá hàng lên cao hơn, làm mất đi tính k/quan của cơ chế tt, gây bất lợi cho người tiêu dùng.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi cd cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động ktế dựa trên cơ chế thị trường

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy viết và chia sẻ quan điểm của em về nhận định “Thị trường luôn luôn đúng”.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học về cơ chế thị trường vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân

c) Sản phẩm. Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và viết bài viết thể hiện quan điểm của mình về nhận định trên

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các hs hiểu hơn về cơ chế thị trường

Bài tập 2: Em hãy cùng các bạn trong nhóm khảo sát và viết báo cáo về tình hình giá cả thị trường một loại hàng hoá ở địa phương em. sản phẩm: Báo cáo khảo sát giá cả thị trường, video (nếu có); chú ý rút ra nhận xét

a) Mục tiêu. Tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà.

c) Sản phẩm. HS xây dựng báo cáo hoàn chỉnh về tình hình giá cả thị trường một loại hàng hoá ở địa phương em

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Khảo sát tình hình giá cả thị trường một loại hh ở địa phương em và chia sẻ n/xét về thị trường đó theo gợi ý

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện
- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng
- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

GV bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo/

TIẾT 13 – 14 – 15: BÀI 5 NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước; đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cd trong việc thực hiện pháp luật ngân sách.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập về ngân sách nhà nước.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến ngân sách nhà nước.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách nhà nước.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước. Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng.**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nêu được các quy định cơ bản nhà nước về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên lấy các ví dụ về hành vi tham nhũng, lãng phí trong việc quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước với một số vụ án điển hình như: Vụ án 2 bệnh viện ở Hà Nam, các vụ án liên quan đến FLC, vụ án Tân Hoàng Minh.....qua các ví dụ này giáo viên hướng dẫn học sinh hiểu được các quy định của pháp luật về PCTN lãng phí cũng như trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm này gây ra.

***Tích hợp quyền con người.**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách

- **Cách thức thực hiện:**

Gv căn cứ vào nội dung quyền con người dưới đây để yêu cầu hs lấy các ví dụ về hành vi thực hiện đúng và biểu hiện không đúng về thu chi ngân sách nhà nước và giúp hs hiểu rõ những hành vi này đã gián tiếp xâm phạm đến các quyền con người, quyền cơ bản của công dân gây nên bất bình đẳng xã hội, làm giảm đi tính chất nhân văn và mục đích cao đẹp của việc thu ngân sách trong việc thực hiện các quyền con người

***Tích hợp đạo đức lối sống.**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.

- **Cách thức thực hiện:** Phân tích tình huống cá nhân hoặc doanh nghiệp trốn thuế và hệ quả, để đánh giá hành vi và rút ra bài học đạo đức, HS lập danh sách hành vi nên làm/không nên làm liên quan đến nghĩa vụ thuế từ góc độ đạo đức và pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, video clip về ngân sách nhà nước;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. HS huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến ngân sách nhà nước; tạo hứng thú, tâm thế học tập của HS, dẫn vào bài mới.

b) Nội dung. Học sinh cùng nhau đọc thông tin trong sgk – Tr.26, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. Hs bước đầu hiểu được vai trò của NSNN đối với sự phát triển kt - xh của một quốc gia, dân tộc

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc cá nhân, đọc, suy nghĩ và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra

1/ Ngân sách nhà nước góp phần cho sự phát triển của các tỉnh miền núi như thế nào?

2/ Hãy chia sẻ hiểu biết của em về ngân sách nhà nước.

Sau thời gian làm việc cá nhân, hs trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra.
- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.
- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo
- Trong quá trình HS làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ HS phát hiện được vai trò của ngân sách nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.
- Giáo viên tiếp tục đặt câu hỏi thảo luận chung: *Đối với mỗi quốc gia, dân tộc, ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào?*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của ngân sách nhà nước

GV nhấn mạnh:

Ngân sách nhà nước hình thành và phát triển gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của Nhà nước. Đó là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của một quốc gia, vừa là nguồn lực để duy trì bộ máy nhà nước vừa là công cụ hữu ích để Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội. Ngân sách nhà nước có phần đóng góp rất lớn của người dân và được sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm ngân sách nhà nước

- Mục tiêu.** Học sinh hiểu được khái niệm ngân sách nhà nước
- Nội dung.** Học sinh làm việc theo nhóm, nghiên cứu, quan sát sơ đồ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và trả lời câu hỏi
- Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.
- Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm - Các nhóm đọc, quan sát và phân tích các yếu tố cấu thành tổng thu và tổng chi ngân sách nhà nước năm 2018 và trả lời câu hỏi <i>1/ Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu, chi gì?</i> <i>2/ Ai được quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Hs làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: + <i>Nsnn bao gồm tổng thể các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật các khoản bội thu - bội chi trong nsnn</i> - HS nêu được khái niệm ngân sách nhà nước là gì: <i>Nsnn là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước</i> - Hs còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Gv đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Ngân sách nhà nước thường được xác định trong một thời gian là bao nhiêu?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật cơ cấu của ngân sách nhà nước Gv nhấn mạnh: <i>Nsnn là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước</i>	1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước <i>a. Khái niệm ngân sách nhà nước</i> Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung đặc điểm của ngân sách nhà nước

- Mục tiêu.** Học sinh hiểu được đặc điểm của ngân sách nhà nước.
- Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sgk và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

HS trả lời đúng nội dung câu hỏi; rút ra được những đặc điểm của ngân sách nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc nhóm, cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi 1/ Mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì? 2/ Kể tên một số quỹ trong ngân sách nhà nước và chia sẻ hiểu biết của em về quỹ đó. 3/ Người dân đóng góp vào ngân sách nhà nước có được hoàn trả trực tiếp không? Vì sao? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: 1/ Mục đích: giải quyết các lợi ích chung trong xã hội; 2/ Một số quỹ: quỹ dự trữ tài chính, quỹ an sinh xã hội, quỹ bảo vệ môi trường,...; 3/ Không, công dân đóng góp trực tiếp vào ngân sách nhà nước qua thuế, phí, lệ phí nhưng không nhận lợi ích trực tiếp từ sự đóng góp đó; Tuy nhiên có sự hoàn trả gián tiếp thông qua việc Nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ cho các nhu cầu chung của xã hội. - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Ngân sách nhà nước khác với các quỹ tiền tệ khác ở điểm cơ bản nào Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm Gv nhấn mạnh: Ngân sách nhà nước mang tính pháp lý cao, nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước.	b. Đặc điểm của ngân sách nhà nước + Ngân sách nhà nước mang tính pháp lý cao. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước. + Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước. + Ngân sách nhà nước hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội. + Ngân sách nhà nước được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng để chi dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch. + Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp.

TIẾT 2

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của ngân sách nhà nước

a) Mục tiêu. HS nêu được các vai trò của ngân sách nhà nước.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi từ đó rút ra được vai trò của ngân sách nhà nước .

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa
- Học sinh rút ra được những các vai trò của ngân sách nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi 1/ Trong sơ đồ 2, khoản chi nào dành cho hoạt động của bộ máy nhà nước? 2/ Thông tin 1 cho biết ngân sách nhà nước đã góp phần định hướng phát triển sản xuất để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý như thế nào? 3/ Thông tin 2 cho biết ngân sách nhà nước góp phần điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, Idem chế lạm phát như thế nào? 4/ Thông tin 3 cho biết gia đình anh T đã được hỗ trợ từ quỹ phúc lợi của ngân sách nhà nước như thế nào? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình: 1/ Khoản chi thường xuyên; 2/ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thực hiện chính sách ưu đãi để chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý,... 3/ Sử dụng quỹ dự trữ quốc gia để cung ứng đầy đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm cho những người gặp khó khăn trong dịch COVID - 19. 4/ Các con anh T được hỗ trợ kinh phí để đi học, mọi người trong gia đình được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, được hỗ trợ kinh phí chuyển đổi mô hình sản xuất để thoát nghèo. - Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của ngân sách nhà nước GV nhấn mạnh: Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội. Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.	2. Vai trò của ngân sách nhà nước - Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước. - Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng, lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý. - Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát. - Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội. - Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết. - Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

TIẾT 3

1. Ôn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách

a) Mục tiêu. HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm (4 nhóm), cùng nhau đọc thông tin trong sgk và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

- HS rút ra được một số quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã đảm bảo quyền gì của cd trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước?</i> <i>2/ Ngư dân xã Q được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi nội dung yêu cầu - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi đại diện nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình: <i>1/ Quyền được cung cấp thông tin, giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước.</i> <i>2/ Quyền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; nghĩa vụ sử dụng khoản tiền vay đúng mục đích, trả nợ đúng thời hạn và đóng thuế đầy đủ.</i> + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Công dân có quyền và nghĩa vụ như thế nào trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được GV nhấn mạnh: Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách bằng những việc làm cụ thể, thiết thực	3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách Công dân có quyền: - Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. - Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật. Công dân có nghĩa vụ: - Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả. - Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách

- **Cách thức thực hiện:** Gv căn cứ vào nội dung quyền con người dưới đây để yêu cầu hs lấy các ví dụ về hành vi thực hiện đúng và biểu hiện không đúng về thu chi nsnn và giúp hs hiểu rõ những hành vi này đã gián tiếp xâm phạm đến các quyền con người, quyền cơ bản của cd gây nên bất bình đẳng xã hội, làm giảm đi tính chất nhân văn và mục đích cao đẹp của việc thu ngân sách trong việc thực hiện các quyền con người:

Theo Điều 18 Luật Ngân sách nhà nước 2015, các hành vi bị cấm trong lĩnh vực nsnn bao gồm:

- (1) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu nsnn.
- (2) Thu sai quy định của các luật thuế và quy định khác của pháp luật về thu ngân sách; phân chia sai quy định nguồn thu giữa ngân sách các cấp; giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước sai chế độ; tự đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.
- (3) Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước 2015; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.
- (4) Quyết định đầu tư chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách không đúng thẩm quyền, không xác định rõ nguồn vốn để thực hiện.
- (5) Thực hiện vay trái với quy định của pháp luật; vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách.
- (6) Sử dụng ngân sách nhà nước để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái với quy định của pháp luật.
- (7) Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm các điều kiện chi theo quy định của pháp luật.
- (8) Hạch toán sai chế độ kế toán nhà nước và mục lục ngân sách nhà nước.
- (9) Lập, trình dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước chậm so với thời hạn quy định.
- (10) Phê chuẩn, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật
- (11) Xuất quỹ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau quy định tại Điều 51 và Điều 57 Luật Ngân sách nhà nước 2015.
- (12) Các hành vi bị cấm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước theo quy định của các luật có liên quan.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nêu được các quy định cơ bản nhà nước về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên lấy các ví dụ về hành vi tham nhũng, lãng phí trong việc quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước với một số vụ án điển hình như: Vụ án 2 bệnh viện ở Hà Nam, các vụ án liên quan đến FLC, vụ án Tân Hoàng Minh.....qua các ví dụ này giáo viên hướng dẫn học sinh hiểu được các quy định của pháp luật về PCTN lãng phí cũng như trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm này gây ra.

***Tích hợp đạo đức lối sống:**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.

- **Cách thức thực hiện:** Phân tích tình huống cá nhân hoặc doanh nghiệp trốn thuế và hệ quả, để đánh giá hành vi và rút ra bài học đạo đức, HS lập danh sách hành vi nên làm/không nên làm liên quan đến nghĩa vụ thuế từ góc độ đạo đức và pháp luật.

Giáo viên sử dụng thông tin sau: Chiều 23-6, Công an TP Hà Nội cho biết Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố bị can đối với Vũ Nam Phương (tức Vũ Hồng Phúc "Cún Bông"), Nguyễn Nam Thắng (chồng Phương) và Chu Thị Mỹ Nhung (kế toán) về tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng. Theo đó, TikToker Vũ Hồng Phúc - 'Cún Bông' cùng chồng bị khởi tố với cáo buộc kê khai khống doanh thu nhằm trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế, gây thiệt hại hơn 10 tỉ đồng cho nhà nước.

Em hãy chia sẻ quan điểm, thái độ của mình về sự việc trên. Hành vi đó đã gây ra những hậu quả gì?

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy cho biết ý kiến nào sau đây là đúng hoặc không đúng? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức về khái niệm, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

a. *Đúng: Mặc dù định nghĩa về ngân sách nhà nước viết là "... toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định..." song trên thực tế ngân sách nhà nước thường được tính trong một năm.*

b. *Không đúng: Có những khoản thu của người dân không phải nộp vào ngân sách nhà nước; mặt khác, ngân sách nhà nước còn có những khoản thu khác ngoài những khoản thu của người dân.*

c. *Đúng, đây là vai trò thứ nhất của ngân sách nhà nước.*

d. *Không đúng: Ngân sách nhà nước do nhân dân đóng góp nên nhân dân được ưu tiên và có nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc Nhà nước sử dụng ngân sách như thế nào.*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi cd cần lưu ý khi tìm hiểu về ngân sách nhà nước

Bài tập 2: Theo em, trong các tình huống sau, ai thực hiện đúng, ai vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước? Vì sao?

a) **Mục tiêu.** Hs vận dụng được các kiến thức cơ bản về nsnn để lý giải các hiện tượng ktế đang diễn ra trong xh

b) **Nội dung.** Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sgk đưa ra

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức hs làm việc nhóm, cùng n/cứu 3 trường hợp sgk và đưa ra q/điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. *Ông M sai khi lợi dụng chức vụ để đưa người thân có điều kiện tốt hơn nhiều người khác vào danh sách hộ nghèo để được nhận hỗ trợ của Chính phủ. Ông N đúng, có lòng tự trọng và nhân văn khi tự nguyện xin không nhận sự hỗ trợ, nhường cho người khác có hoàn cảnh khó khăn hơn.*

b. *Cán bộ xã sai khi: 1/ Bắt người dân phải nộp nhiều khoản không đúng theo quy định của pháp luật; 2/ Vi phạm quy chế dân chủ và quyền lợi của người dân khi không giải trình công khai các khoản thu chi. Người dân đúng khi quan tâm tới vấn đề thu chi ngân sách nhà nước, có ý thức bảo vệ quyền lợi của mình khi yêu cầu cán bộ xã phải giải trình công khai các khoản thu chi.*

c. *Các cơ quan nhà nước trong tỉnh A đã có các việc làm đúng góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế có liên quan đến ngân sách nhà nước

Bài tập 3: Em hãy giải đáp thắc mắc giúp các bạn trong những tình huống sau

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí.

c) **Sản phẩm.** HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức cho học sinh làm việc nhóm, cùng n/cứu 2 trường hợp sgk và thể hiện những hiểu biết của mình qua việc lý giải vai trò của ngân sách nhà nước trong 2 tình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs cùng nhau làm việc nhóm, đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. *Nguồn để trợ cấp cho người cao tuổi từ ngân sách nhà nước.*

b. Nhà nước đã dùng ngân sách để làm đường, xây cầu. Vì vậy, nộp phí khi đi trên đường cao tốc để bù đắp khoản chi đó từ ngân sách nhà nước.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi đánh giá vai trò của ngân sách nhà nước.

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương em và ý nghĩa của công trình đó.

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học về ngân sách nhà nước vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân tại nhà, viết về một công trình sử dụng nsnn ở địa phương mình và ý nghĩa của công trình đó: Tên công trình, được xây dựng khi nào và như thế nào, nguồn vốn từ đâu? Người dân đã sử dụng công trình đó như thế nào? Công trình đó có ý nghĩa như thế nào đối với địa phương em đang sinh sống?

c) **Sản phẩm.** Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương mình và ý nghĩa của công trình đó: Tên công trình, được xây dựng khi nào và như thế nào, nguồn vốn từ đâu? Người dân đã sử dụng công trình đó như thế nào? Công trình đó có ý nghĩa như thế nào đối với địa phương em đang sinh sống?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm người thật việc thật

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các hs hiểu hơn về cơ chế thị trường

Bài tập 2: Gia đình em đã thực hiện nghĩa vụ gì và được hưởng những quyền lợi gì từ ngân sách nhà nước? Hãy thống kê theo mẫu

a) **Mục tiêu.** HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoàn thiện bài tập vào bảng theo mẫu trong sách giáo khoa

c) **Sản phẩm.** Liệt kê được các quyền và nghĩa vụ mà gia đình mình đã thực hiện hoặc được hưởng lợi từ nsnn

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Liệt kê được các quyền và nghĩa vụ mà gia đình mình đã thực hiện hoặc được hưởng lợi từ ngân sách nhà nước

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cá nhân, có sự tư vấn hỗ trợ của bố mẹ và các thành viên trong gia đình

- Hoàn thành bảng thống kê

Báo cáo kết quả và thảo luận

GV bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo./

TIẾT 16 – 17 BÀI 6: THUẾ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm thuế. Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.

- Kể được tên một số loại thuế phổ biến.

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thuế.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.
- Năng lực đặc thù:
- + Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.
- + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế. Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến thuế.

3. Về phẩm chất

- Trung thực, có trách nhiệm công dân trong việc tham gia một số hoạt động liên quan tới thuế.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

***Tích hợp quyền con người.**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Cách thức thực hiện:

Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người dưới đây để yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về hành vi thực hiện đúng và biểu hiện không đúng về thuế và giúp học sinh hiểu rõ những hành vi này đã gián tiếp xâm phạm đến các quyền con người, quyền cơ bản của công dân gây nên bất bình đẳng xã hội, làm giảm đi tính chất nhân văn và mục đích cao đẹp của việc thu thuế trong việc thực hiện các quyền con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, video clip về thuế;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- HS trả lời, góp ý.
- GV nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. HS huy động những kiến thức, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến thuế; tạo hứng thú, tâm thế học tập để dẫn vào bài mới.

b) Nội dung. Học sinh cùng tham gia trò chơi “Tiếp sức”: Kể tên các loại thuế có ở Việt Nam

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu nêu được một số loại thuế có ở Việt Nam

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV chọn 2 đội chơi. Lần lượt từng thành viên trong mỗi đội viết lên bảng một loại thuế. Trong cùng một khoảng thời gian (3-5 phút), đội nào viết được nhiều loại thuế hơn sẽ thắng. Sau khi chơi, HS trả lời câu hỏi: *Em biết gì về các loại thuế trên?*

Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời đại diện 2 đội chơi trò chơi và trả lời câu hỏi:
- + *Thuế thu nhập doanh nghiệp: là thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến thu nhập của đối tượng nộp thuế.*
- + *Thuế giá trị gia tăng: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.*
- + *Thuế thu nhập cá nhân: là khoản tiền mà người có thu nhập phải trích nộp trong một phần tiền lương, hoặc từ các nguồn thu khác vào ngân sách nhà nước sau khi đã được giảm trừ.*

- + **Thuế xuất nhập khẩu:** là thuế gián thu, thu vào các loại hàng hóa được phép xuất, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam, độc lập trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam và các nước trên thế giới.
- + **Thuế tài nguyên:** là loại thuế gián thu, đây là số tiền mà tổ chức, cá nhân phải nộp cho nhà nước khi khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- + **Thuế bảo vệ môi trường:** là khoản thu của ngân sách nhà nước. Nhằm điều tiết các hoạt động có ảnh hưởng tới môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường.
- + **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là thuế gián thu đánh vào một số hàng hóa đặc biệt do các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ tại.
- + **Thuế môn bài:** là mức thuế doanh nghiệp phải đóng hàng năm dựa vào vốn điều lệ được ghi trên giấy phép kinh doanh.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét ý thức tham gia, kết quả tham gia của các đội

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Thuế là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Mỗi loại thuế mà Nhà nước ban hành đều nhằm mục đích tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thuế gắn liền với tăng trưởng kinh tế, công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Bài học này sẽ giúp các em hiểu bản chất, vai trò của thuế, nhận diện được một số loại thuế cơ bản, hiểu được việc nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Chúng ta cùng vào Bài 6: Thuế.*

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm thuế

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm thuế

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo cá nhân, HS đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được vì sao công dân phải nộp thuế và cách thức nộp như thế nào

- HS nêu được khái niệm thuế là gì

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt: + <i>Thuế là gì? Cho đến nay vẫn chưa có một khái niệm nào trên thế giới thống nhất về thuế. Đứng ở các góc độ khác nhau của các nhà kinh tế khác nhau lại có một khái niệm khác nhau về thuế.</i> + <i>Thuế được áp dụng lần đầu tiên ở Ai Cập cổ đại vào khoảng năm 3000-2900 TCN, nếu không trả tiền hoặc trốn thuế chống lại việc nộp thuế sẽ bị phạt theo quy định của Pháp luật.</i> - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp SGK tr.33 và trả lời câu hỏi: + <i>Vì sao ông X phải nộp thuế?</i> + <i>Ông X nộp thuế cho ai?</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và cho biết: Thuế là gì? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Hs làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: <i>1/ Ông X phải nộp thuế theo quy định tại Điều 14 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm</i>	1. Thuế và vai trò của thuế a. Thuế là gì Thuế là một khoản ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế

2012, 2015 vì có thu nhập từ việc chuyển nhượng bất động sản.

2/ Ông X phải nộp thuế cho ngân sách nhà nước.

- HS còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.
- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Những chủ thể nào có nghĩa vụ phải nộp thuế?*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét bài trả lời của hs đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét
- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm thuế
- GV mở rộng kiến thức:
 - + Ngoài ra còn có khái niệm khác “Thuế là một khoản phí tài chính bắt buộc hoặc một số loại thuế khác áp dụng cho người nộp thuế (một cá nhân hoặc pháp nhân) phải trả cho một tổ chức chính phủ để tài trợ cho các khoản chi tiêu công khác nhau”.
 - + Khi xã hội loài người được hình thành cần có một tổ chức lãnh đạo được lập ra và hoạt động nhằm đem đến lợi ích cho tất cả mọi người. Điều này đặt ra phải có một quỹ chung để thực hiện và chi cho các công việc cần thiết thuế được hình thành. Hiện nay, thuế đã trở thành một công cụ không thể thiếu dù ở bất cứ xã hội nào. Nhà nước đặt ra chế độ thuế khóa do dân cư đóng góp để có tiền chi tiêu cho sự tồn tại và hoạt động của mình.

GV nhấn mạnh:

Thuế là khoản thu bắt buộc mang tính cưỡng chế bằng sức mạnh của nhà nước mà các chủ thể kinh tế có nghĩa vụ phải nộp vào ngân sách nhà nước khi có đủ những điều kiện nhất định.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: vai trò của thuế

a) **Mục tiêu.** HS nêu được vai trò cơ bản của thuế.

b) **Nội dung.** HS cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sgk, quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra

- HS rút ra được vai trò của thuế.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm - Các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi: <i>Vì sao Nhà nước phải thu thuế?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: <i>Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.</i> - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.	b. Vai trò của thuế Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Nhà nước sử dụng thuế để thực hiện nhiệm vụ gì?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm GV mở rộng kiến thức: + Thuế được coi là khoản thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định lâu dài và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng. + Thuế góp phần thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát, quản lý hướng dẫn và khuyến khích phát triển sx, mở rộng lưu thông đối với tất cả các thành phần kt theo hướng phát triển của kế hoạch nhà nước, góp phần tích cực vào việc điều chỉnh các mặt mắt cân đối lớn trong nền kt quốc dân. GV nhấn mạnh: Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xh, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xh.	
--	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Một số loại thuế phổ biến

a) **Mục tiêu.** HS nêu được một số loại thuế phổ biến.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi từ đó liệt kê được một số loại thuế phổ biến ở Việt Nam

c) **Sản phẩm.**

- HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa; liệt kê được một số loại thuế phổ biến ở Việt Nam.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>Theo em, ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp loại thuế nào khác? Chia sẻ hiểu biết của em về những loại thuế đó.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình: <i>Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp loại thuế nào khác như thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường.....</i> - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Việc quy định các loại thuế có ý nghĩa như thế nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm	2. Một số loại thuế phổ biến Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế. Thuế trực thu có: + Thuế thu nhập doanh nghiệp + Thuế thu nhập cá nhân. + ... Thuế gián thu là thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ. Thuế gián thu có: + Thuế giá trị gia tăng + Thuế tiêu thụ đặc biệt + Thuế xuất khẩu, nhập khẩu + Thuế bảo vệ môi trường.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để thấy được tính cần thiết của việc nhà nước ban hành các loại thuế

- GV mở rộng kiến thức:
Ngoài ra, thuế còn được phân loại theo:
 + *Tính chất hành chính gồm:*
Thuế nhà nước (quốc gia): nộp vào ngân sách trung ương
Thuế địa phương: nộp vào ngân sách chính quyền địa phương.
Cách phân loại này thường được sử dụng trong kế toán quốc gia, dựa vào cách tổ chức quản lý thu và cấp ngân sách thụ hưởng chúng.
 + *Tính chất kinh tế:*
Dựa theo yếu tố kinh tế bị đánh thuế: Thuế được chia thành thuế đánh vào thu nhập, thuế đánh vào tài sản tiêu dùng, thuế đánh vào tài sản, thuế đánh vào doanh nghiệp
Dựa theo yếu tố và tác nhân kinh tế chịu thuế: Thuế có các loại gồm thuế đánh vào doanh nghiệp như: Thuế môn bài, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt, phí, lệ phí khác, tiền thuế đất, thuế đánh vào hộ gia đình, thuế đánh vào sản phẩm.
Dựa theo lĩnh vực, thuế được phân chia theo các lĩnh vực kinh tế bị đánh thuế: Ví dụ thuế đánh vào bảo hiểm, thuế đánh vào tiết kiệm, thuế đánh vào bất động sản...

TIẾT 2

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

1. Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế

a) Mục tiêu. HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sgk và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sgk; rút ra được một số quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Vì sao nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của công dân?</i> <i>2/ Hãy nêu ví dụ về một số quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập	3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế. Công dân có nghĩa vụ khai và nộp thuế đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn. Công dân được hưởng lợi ích từ thuế qua các hàng hoá, dịch vụ công cộng do nhà nước cung cấp.

- Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi nội dung yêu cầu

- Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm

+ Gọi đại diện nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình:

Nộp thuế là quyền và nghĩa vụ vì thông qua nộp thuế chủ thể nộp thuế thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng và phát triển đất nước

+ Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý

Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm

Công dân có quyền và nghĩa vụ như thế nào trong việc thực hiện pháp luật về thuế

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.

- Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được

GV nhấn mạnh: Mọi cd đều có quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về thuế bằng những việc làm cụ thể, thiết thực

Những thông tin về thuế có trong Luật Quản lý thuế năm 2019 và các luật, nghị định về thuế có liên quan.

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Liên hệ với yêu cầu cần đạt ở nội dung sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

Các hành vi vi phạm về thuế được quy định tại Nghị định 129/2013/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 125/2020/NĐ-CP bao gồm:

- + Hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế so với thời hạn quy định
- + Hành vi khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế
- + Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định
- + Hành vi vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế
- + Hành vi vi phạm quy định về chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế
- + Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn
- + Hành vi trốn thuế, gian lận thuế
- + Hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ

- Cách thức thực hiện:

Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người dưới đây để yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về hành vi thực hiện đúng và biểu hiện không đúng về thuế và giúp học sinh hiểu rõ những hành vi này đã gián tiếp xâm phạm đến các quyền con người, quyền cơ bản của công dân gây nên bất bình đẳng xã hội, làm giảm đi tính chất nhân văn và mục đích cao đẹp của việc thu thuế trong việc thực hiện các quyền con người

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em đồng tình/không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức đã khám phá về các loại thuế; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. HS trả lời được nội dung câu hỏi của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

- Không đồng tình, vì chủ thể chịu thuế có thể nộp thuế gián tiếp, ví dụ thuế gián thu.*
- Không đồng tình, vì đó là vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt.*
- Không đúng, vì có nhiều loại thuế và Nhà nước chỉ giảm thuế, giãn thuế cho doanh nghiệp làm ăn thua lỗ do nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch bệnh,...*
- Không đồng tình, vì thuế giá trị gia tăng là thuế gián thu được cộng vào giá hàng hoá, dịch vụ do người tiêu dùng trả khi sử dụng sản phẩm đó. Mặc dù người tiêu dùng mới chính là người chi trả thuế giá trị gia tăng, nhưng chủ thể sản xuất kinh doanh mới là người trực tiếp nộp thuế cho Nhà nước.*
- Đồng tình, vì đó là vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt.*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về ngân sách nhà nước

Bài tập 2: Em hãy gọi tên loại thuế mà các chủ thể phải đóng và cho biết vai trò của thuế đó trong những trường hợp sau:

- Mục tiêu.** Hs vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng ktế đang diễn ra trong xh
- Nội dung.** Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sgk đưa ra
- Sản phẩm.** HS trả lời được nội dung câu hỏi của bài tập
- Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm; cùng nghiên cứu 4 trường hợp sgk đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp. Vai trò: Chiếm tỉ trọng lớn trong các loại thuế, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước, phân phối thu nhập, thúc đẩy đầu tư ở Việt Nam.*
- Thuế thu nhập cá nhân. Vai trò: Góp phần điều tiết thu nhập trong xã hội.*
- Thuế tiêu thụ đặc biệt. Vai trò: Góp phần điều tiết sản xuất và tiêu dùng xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.*
- Thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Vai trò: Góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 3: Em có nhận xét gì về các việc làm sau?

- Mục tiêu.** Hs vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng ktế đang diễn ra trong xh
- Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí.
- Sản phẩm.** HS trả lời được nội dung câu hỏi của bài tập
- Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải việc vi phạm pháp luật về thuế trong 3 tình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

- Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.*
- Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.*
- Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về thuế

Bài tập 4: Em hãy giải đáp thắc mắc giúp các bạn sau đây:

- Mục tiêu.** Hs vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng kể đang diễn ra trong xh
- Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý.
- Sản phẩm.** HS trả lời được nội dung câu hỏi của bài tập
- Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm; cùng nghiên cứu 4 trường hợp sgk đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải vai trò của thuế trong 4 tình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs cùng nhau làm việc nhóm, cùng đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

- Người nộp thuế phải bỏ tiền ra nộp nhưng nộp thuế vẫn là quyền lợi của công dân vì thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước. Nhà nước sử dụng ngân sách để quản lý và xây dựng đất nước, đem lại lợi ích cho người dân. Tuy nhiên, nhiều người vẫn trốn thuế là vì họ chỉ lo vun vén cho lợi ích trước mắt của bản thân.*
- Thuế thu nhập cá nhân giúp Nhà nước có thêm khoản thu để có thể đảm bảo thực hiện các chế độ phúc lợi theo quy định cũng như đầu tư xây dựng các công trình công cộng phục vụ các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống của nhân dân; góp phần điều tiết thu nhập, giảm khoảng cách giàu nghèo, thực hiện công bằng xã hội; góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.*
- Biển là tài nguyên của đất nước, nhân dân. Người khai thác cá từ biển thì phải nộp thuế. Mặt khác, người khai thác cá nộp thuế để Nhà nước có ngân sách quản lý đất nước, trong đó có biển.*
- Ca sĩ khi biểu diễn đã sử dụng công trình công cộng được xây dựng từ ngân sách nhà nước. Mặt khác, lí do người thu nhập cao phải nộp thuế thu nhập cá nhân*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi cd cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về thuế.

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Hãy viết một bài tuyên truyền về nghĩa vụ nộp thuế của công dân

- Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học về thuế vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân
- Nội dung.** HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân
- Sản phẩm.** Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân
- Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và viết bài viết thể hiện quan điểm của mình về nhận định trên

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc GV yêu cầu HS chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các HS hiểu hơn về thuế.

Bài tập 2: Em hãy tìm hiểu và tự đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của những người thân trong gia đình em.

a) Mục tiêu. HS Tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, tự đánh giá những việc làm được những việc chưa được của người thân trong gia đình trong việc thực hiện pháp luật về thuế

c) Sản phẩm. HS biết đánh giá việc thực hiện pháp luật về thuế của người thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, tự đánh giá những việc làm được những việc chưa được của người thân trong gia đình trong việc thực hiện pháp luật về thuế

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, có thể tham khảo ý kiến của các thành viên trong gia đình
- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

GV bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo./

Tiết 18

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

a. Kiến thức

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

c. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền ktế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động ktế đó
- *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về ktế sau này

b. Phẩm chất

- *Trung thực:* Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao
- *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được n/vụ học tập của bản thân.
- *Chăm chỉ:* Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

Bài 2: Các chủ thể của nền ktế

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Ngân sách nhà nước

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Kiểm tra tập trung tại lớp

- Kiểm tra theo hình thức : Theo cấu trúc đề tham khảo của Bộ,
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả
- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề (đề 1 và đề 2)

IV. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

TT	Chủ đề	Bài	Mức độ và năng lực được đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % Điểm
			Nhiều lựa chọn			Đúng sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	
1	Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	C01 C02			2B						3			7,5
2		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	C03 C04			1A 2A 3A	3B			TL1		5	2		25
3	Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 3: Thị trường	C05 C06 C11				2C	1B				3	1	1	12,5
4		Bài 4: Cơ chế thị trường	C07 C08				1D 3C 3D	1C 2D				2	3	2	17,5
5	Ngân sách nhà nước và thuế	Bài 5: Ngân sách nhà nước	C09 C10 C12				4A 4B 4C	4D			TL2	3	3	2	37,5
Tổng số câu			12			4	8	4		1	1	16	9	5	100
Tổng số điểm			3			1	2	1		1	2	4,0	3,0	3,0	10
Tỷ lệ %			30			40			30			40	30	30	100

V. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

TT	Chủ đề	Bài	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Thứ tự câu	Mức độ và năng lực được đánh giá								
						Nhiều lựa chọn			Đúng sai			Tự luận		
						Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận
1	Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	Biết	Nêu được khái niệm phân phối là gì	C01	NL.1								
2		Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	Biết	Chỉ ra được vai trò của hoạt động sản xuất	C02	NL.1								

3		Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	Biết	Xác định được các hoạt động kinh tế trong đời sống	2B				NL.1				
4		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Biết	Nhận biết được một số chủ thể tham gia trong nền kinh tế	C03	NL.1							
5		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Biết	Nhận biết được vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế	C04	NL.1							
6		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Biết	Chỉ ra được các chủ thể cơ bản trong nền kinh tế	1A				NL.1				
7		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Biết	Chỉ ra được các chủ thể cơ bản trong nền kinh tế	2A				NL.1				
8		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Biết	Nêu được vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế	3A				NL.1				
9		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Hiểu	Xác định được các chủ thể cơ bản trong nền kinh tế	3B					NL.1			
10		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Hiểu	Xác định được trách nhiệm của các chủ thể trong nền kinh tế	TL1							NL.1	
11	Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 3: Thị trường	Biết	Nêu được khái niệm thị trường là gì	C05	NL.1							
12		Bài 3: Thị trường	Biết	Liệt kê được các chức năng cơ bản của thị trường	C06	NL.1							

13		Bài 3: Thị trường	Biết	Liệt kê được các loại thị trường cơ bản	C11	NL.1							
14		Bài 3: Thị trường	Vận	Biết vận dụng các chức năng cơ bản của thị trường một cách phù hợp	1B					NL.3			
15		Bài 3: Thị trường	Hiểu	Phân biệt được các loại thị trường	2C				NL.1				
16		Bài 4: Cơ chế thị trường	Biết	Nêu được khái niệm giá cả, giá cả thị trường	C07	NL.1							
17		Bài 4: Cơ chế thị trường	Biết	Nêu được khái niệm cơ chế thị trường	C08	NL.1							
18		Bài 4: Cơ chế thị trường	Vận	Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường	1C					NL.3			
19		Bài 4: Cơ chế thị trường	Hiểu	Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường	1D				NL.1				
20		Bài 4: Cơ chế thị trường	Vận	Vận dụng tốt các quy luật của thị trường	2D					NL.3			
21		Bài 4: Cơ chế thị trường	Hiểu	Phân biệt được khái niệm giá cả thị trường	3C				NL.1				
22		Bài 4: Cơ chế thị trường	Hiểu	Xác định được chức năng của giá cả thị trường	3D				NL.1				
23	Ngân sách nhà nước	Bài 5: Ngân sách nhà nước	Biết	Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước	C09	NL.1							

24	và thuế	Bài 5: Ngân sách nhà nước	Biết	Nêu được vai trò, đặc điểm của ngân sách nhà nước	C10	NL.1							
25		Bài 5: Ngân sách nhà nước	Biết	Chỉ ra được vai trò của ngân sách nhà nước	C12	NL.1							
26		Bài 5: Ngân sách nhà nước	Hiểu	Nêu được đặc điểm của ngân sách nhà nước	4A					NL.1			
27		Bài 5: Ngân sách nhà nước	Hiểu	Chỉ ra được đặc điểm của ngân sách nhà nước	4B					NL.1			
28		Bài 5: Ngân sách nhà nước	Hiểu	Đánh giá được vai trò của ngân sách nhà nước	4C					NL.1			
29		Bài 5: Ngân sách nhà nước	Vận	Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách	4D					NL.3			
30		Bài 5: Ngân sách nhà nước	Vận	Đánh giá được vai trò và đặc điểm của ngân sách nhà nước trong một số trường hợp cụ thể	TL2								NL.3
Tổng số câu						12			4	8	4	1	1
Tổng số điểm						3			1	2	1	1	2
Tỷ lệ %						30			40			30	

VI. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Quá trình phân chia các tư liệu sản xuất cho các ngành sản xuất để tạo ra sản phẩm là nội dung của khái niệm

- A. sản xuất. B. phân phối. C. tiêu dùng. D. trao đổi.

Câu 2: Trong nền kinh tế, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

- A. ít quan trọng. B. bình thường nhất. C. thiết yếu nhất. D. cơ bản nhất.

Câu 3: Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây thực hiện nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội?

A. Chủ thể phân phối. B. Chủ thể sản xuất. C. Chủ thể nhà nước. D. Chủ thể tiêu dùng.

Câu 4: Trong nền kinh tế, chủ thể tiêu dùng có vai trò nào sau đây?

A. Tạo động lực cho nền sản xuất. B. Chia đều của cải trong xã hội.
C. Phục hồi nền sản xuất tự nhiên. D. Quyết định mọi quy trình sản xuất.

Câu 5: Nơi diễn ra các hoạt động trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Thị trường. B. Ngân sách. C. Chứng khoán. D. Tín dụng.

Câu 6: Cung cấp những thông tin, quy mô cung cầu, chất lượng, cơ cấu, chủng loại hàng hóa, điều kiện mua bán là chức năng nào dưới đây của thị trường?

A. Chức năng thông tin. B. Chức năng thừa nhận.
C. Chức năng mã hóa. D. Chức năng điều tiết.

Câu 7: Số tiền phải trả cho một hh để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

A. giá trị sử dụng. B. tiêu dùng sản phẩm.
C. phân phối sản phẩm. D. giá cả hàng hoá.

Câu 8: Hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Xúc tiến thị trường. B. Cơ chế thị trường. C. Giá cả thị trường. D. Kinh tế thị trường.

Câu 9: Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Tài chính nhà nước. B. Kho bạc nhà nước.
C. Tiền tệ nhà nước. D. Ngân sách nhà nước.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là **sai** về vai trò của ngân sách nhà nước?

A. Ngân sách nhà nước đảm bảo nền kinh tế phát triển ổn định, bền vững.
B. Ngân sách nhà nước cung cấp tài chính duy trì hoạt động của nhà nước.
C. Ngân sách nhà nước điều tiết thị trường, bình ổn giá cả hàng hóa
D. Ngân sách nhà nước trả lương cho lao động trong doanh nghiệp tư nhân.

Câu 11: Việc phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản là căn cứ vào

A. phạm vi hoạt động. B. đối tượng hàng hoá.
C. tính chất vận hành. D. vai trò của mua bán

Câu 12: Một trong những vai trò cơ bản của ngân sách nhà nước là góp phần

A. xóa bỏ cạnh tranh. B. xóa bỏ giàu nghèo.
C. gia tăng độc quyền. D. điều tiết thị trường.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Một nhóm các bạn sinh viên đã quyết định khởi nghiệp bằng việc làm và bán các sản phẩm đồ Handmade, nhờ nắm bắt được thị hiếu của giới trẻ kết hợp với ý tưởng quảng cáo phong phú trên nền tảng mạng xã hội mà nhiều khách hàng đã tin tưởng và sử dụng. Nhận thấy tiềm năng kinh doanh dòng sản phẩm này, một thời gian sau đó các bạn đã quyết định vay vốn để đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại. Để nâng tầm thương hiệu cho sản phẩm của mình các bạn đã sử dụng thương hiệu của các hãng nổi tiếng để gắn vào sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

a) Nhóm các bạn sinh viên trong thông tin trên vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể tiêu dùng trong nền kinh tế. *Sai, ở đây các bạn sinh viên đóng vai trò là chủ thể sản xuất.*

b) Nắm bắt được thị hiếu của giới trẻ để tạo ra các sản phẩm phù hợp là đã vận dụng chức năng thông tin của thị trường. *Đúng, ở đây các bạn trẻ đã nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.*

c) Việc các bạn sinh viên quyết định vay vốn để mở dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm tăng sức cạnh tranh là phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường. *Đúng, vì chỉ có đầu tư máy móc để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm mới giúp hàng hóa tạo ra có sức cạnh tranh.*

d) Quyết định dùng các thương hiệu uy tín để gắn vào sản phẩm do mình làm ra là phù hợp và tiết kiệm chi phí. *Sai, đây là việc làm vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức kinh doanh.*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Do tác động của cuộc chiến thuế quan dẫn đến việc xuất khẩu nông sản của người nông dân bị suy giảm, hàng hóa tồn đọng nhiều. Nắm bắt được thông tin người trồng cây ăn quả ở địa phương X có nguy cơ phải vứt bỏ hàng trăm tấn hoa quả do không thể xuất khẩu. Siêu thị T đã đứng ra “giải cứu” nông dân, bên cạnh việc kêu gọi nhân viên trong công ty, doanh nghiệp đã kết nối với các siêu thị trong toàn hệ thống để bao tiêu một phần nông sản, khuyến mại cho các khách hàng mua số lượng lớn. Nhờ các hoạt động này mà một phần lớn nông sản của địa phương X đã được bán kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại cho bà con.

a) Siêu thị T là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế. *Sai, siêu thị T đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế.*

b) Hoạt động của người nông dân trong thông tin trên là hoạt động sản xuất. *Đúng, đây là những người trực tiếp tạo ra sản phẩm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng.*

c) Trong thông tin trên, nông sản của người nông dân ngoài việc tiêu thụ tại thị trường trong nước còn tiêu thụ cả thị trường quốc tế. *Đúng, ngoài việc xuất khẩu ra thị trường thế giới, nông sản còn được tiêu thụ tại thị trường trong nước*

d) Chuyển đổi thị trường tiêu thụ sản phẩm là hướng đi phù hợp cho người nông dân nhằm phát triển bền vững. *Đúng, việc đa dạng hóa các thị trường sẽ giúp người nông dân chủ động trong tiêu thụ sản phẩm*

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Giá lợn hơi ngày 26/4/2025, miền Bắc giảm mạnh xuống 66.000 - 67.000 đồng/kg, trong khi miền Trung và miền Nam giữ mức 67.000 - 76.000 đồng/kg. Giá thịt heo mát Meat Deli vẫn lặn sóng trong khoảng 119.922 - 163.122 đồng/kg, giá ba rọi heo với mức 163,722 đồng/kg. Các sản phẩm còn lại duy trì giá bán từ 122.320 - 157.520 đồng/kg. Đề bình ổn thị trường, giá thịt heo tại Công ty H tiếp tục không ghi nhận biến động mới trong sáng nay. Hiện tại, các sản phẩm thịt heo được bán với giá trong khoảng 85.000 - 181.000 đồng/kg. Trên cơ sở giá này, Cục chăn nuôi đã khuyến cáo người dân thận trọng trong việc tăng đàn trong thời gian tới nhằm đảm bảo cân bằng cung cầu tránh ồ ạt tái đàn sẽ gây hậu quả xấu sau này.

a) Việc khuyến cáo người dân thận trọng trong việc tăng đàn lợn nuôi là thể hiện vai trò của chủ thể sản xuất. *Sai, ở đây chủ thể nhà nước đã chủ động thực hiện vai trò quản lý của mình trong việc cung cấp thông tin cho chủ thể sản xuất.*

b) Công ty Meat Deli đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế. *Đúng, ở đây công ty là nhiệm vụ phân phối sản phẩm tới tay người tiêu dùng.*

c) Mức giá từ 85.000 - 181.000 đồng/kg do công ty H niêm yết là mức giá cả thị trường của hàng hóa thịt lợn. *Sai, đây là giá niêm yết của 1 công ty, không đại diện cho mức giá cả thị trường của hàng hóa.*

d) Mức giá 66.000 - 67.000 đồng/kg là giá cả thị trường. *Đúng, đây là mức giá cả được hình thành trên thị trường do sự tác động của các quan hệ kinh tế cơ bản*

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Chính phủ đã có nhiều giải pháp nhằm thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Tổng chi từ ngân sách giai đoạn 2012 - 2022 cho người có công và an sinh xã hội ước khoảng 1,96 triệu tỷ đồng. Các chương trình an sinh xã hội lớn được đảm bảo bởi ngân sách nhà nước gồm: chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người nghỉ hưu trước 1995, hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng, chương trình mục tiêu quốc gia về xóa nhà tạm, nhà dột nát đã phát huy hiệu quả tích cực. Nhờ sự hỗ trợ này, người dân đã tích cực vươn lên thoát nghèo và dần có cuộc sống ổn định.

a) Chi cho chính sách an sinh xã hội được lấy từ nguồn ngân sách địa phương. *Sai, ngoài nguồn ngân sách địa phương còn lấy từ nguồn ngân sách trung ương.*

b) Mọi người dân đều được nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện an sinh xã hội. *Sai, chỉ những đối tượng có đủ điều kiện mới được hưởng chính sách an sinh xã hội từ ngân sách.*

c) Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các đối tượng từ nguồn ngân sách nhà nước là phù hợp với nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp. *Đúng, đây là một hình thức tái đầu tư trở lại xã hội từ ngân sách nhà nước.*

d) Sử dụng hiệu quả các chương trình hỗ trợ là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước. *Đúng, ngân sách nhà nước hỗ trợ người dân, bản thân người dân cũng cần thực hiện có hiệu quả sự hỗ trợ này.*

PHẦN III. Tự luận

Câu 1 (1 điểm): Chị Q là chủ cửa hàng kinh doanh áo dài, một lần, nhận được thông tin của người khách nước ngoài không hài lòng về chất lượng áo mới may tại cửa hàng, dù đã muộm, chị vẫn đến ngay khách sạn, gặp gỡ

vị khách để giải quyết vướng mắc. Cảm kích trước thái độ phục vụ của chị Q, vị khách này đã viết bài giới thiệu, quảng bá cửa hàng của chị Q lên trang cá nhân của mình, nhờ đó, cửa hàng của chị Q trở thành một thương hiệu uy tín, ngày càng có đông du khách nước ngoài đến tham quan và mua áo dài, doanh thu và lợi nhuận của cửa hàng ngày càng tăng.

Trong thông tin trên đề cập các chủ thể nào trong nền kinh tế? Các chủ thể đó khi tham gia vào thị trường có mối quan hệ với nhau như thế nào?

Câu 2 (2 điểm): Ngày 20/5/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Nhờ khoản vay này, doanh nghiệp H đã chủ động đổi mới công nghệ, áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành và tăng sức cạnh tranh cho hàng hóa. Hưởng ứng phong trào “xóa nhà tạm, nhà dột nát” của Chính phủ, doanh nghiệp đã tích cực tham gia, cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp H đã trích kinh phí để xây dựng và bàn giao được 5 căn nhà cho các hộ nghèo trên địa bàn.

Ngân sách nhà nước đã thể hiện vai trò như thế nào đối với hoạt động của doanh nghiệp? Việc hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp thể hiện nguyên tắc cơ bản nào trong hoạt động thu chi của ngân sách nhà nước

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 2

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia các tư liệu sản xuất cho các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm được gọi là

- A. trao đổi trong sản xuất.
- B. tiêu dùng cho sản xuất.
- C. sản xuất của cải vật chất.
- D. phân phối cho sản xuất.

Câu 2: Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào sau đây đóng vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội?

- A. Hoạt động sản xuất.
- B. Hoạt động trao đổi.
- C. Hoạt động phân phối.
- D. Hoạt động tiêu dùng.

Câu 3: Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây thực hiện vai trò là cầu nối giữa chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

- A. Chủ thể trung gian.
- B. Nhà đầu tư chứng khoán.
- C. Chủ thể doanh nghiệp.
- D. Chủ thể nhà nước.

Câu 4: Chủ thể nào sau đây đóng vai trò điều tiết hoạt động của các chủ thể khác trong nền kinh tế?

- A. Chủ thể nhà nước.
- B. Chủ thể tiêu dùng.
- C. Chủ thể sản xuất.
- D. Chủ thể trung gian.

Câu 5: Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các chủ thể kinh tế là

- A. thị trường.
- B. ngân sách.
- C. tài chính.
- D. tín dụng.

Câu 6: Trong nền kinh tế, hoạt động luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác thông qua sự biến động của giá cả thị trường là thể chức năng nào dưới đây của thị trường?

- A. Chức năng thông tin.
- B. Chức năng thừa nhận.
- C. Chức năng mã hóa.
- D. Chức năng điều tiết.

Câu 7: Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm nhất định được gọi là

- A. giá cả cá biệt.
- B. giá cả thị trường.
- C. giá trị thặng dư.
- D. giá trị sử dụng.

Câu 8: Trong nền kinh tế, khi các quan hệ kinh tế tự điều chỉnh theo yêu cầu của các quy luật kinh tế cơ bản là đề cập đến nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Xúc tiến thị trường.
- B. Cơ chế thị trường.
- C. Giá cả thị trường.
- D. Kinh tế thị trường.

Câu 9: Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Tài chính nhà nước.
- B. Kho bạc nhà nước.
- C. Tiền tệ nhà nước.
- D. Ngân sách nhà nước.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là sai về đặc điểm của ngân sách nhà nước?

- A. Ngân sách nhà nước là các khoản thu chi không được dự toán.

B. Ngân sách nhà nước phải do Quốc hội thông qua và quyết định.

C. Ngân sách nhà nước do Chính phủ tổ chức thực hiện.

D. Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi vì lợi ích chung.

Câu 11: Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên vai trò của đối tượng giao dịch, mua bán?

A. Thị trường gạo, cà phê, thép.

B. Thị trường tiêu dùng, lao động.

C. Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.

D. Thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 12: Một trong những vai trò của ngân sách nhà nước được thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Công cụ để Nhà nước điều tiết thị trường.

B. Tạo lập quỹ phòng chống thiên tai.

C. Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia.

D. Công cụ để đẩy mạnh xuất khẩu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Một nhóm các bạn sinh viên đã khởi nghiệp bằng việc làm và bán các sản phẩm đồ Handmade, nhờ nắm bắt được thị hiếu của giới trẻ kết hợp với ý tưởng quảng cáo phong phú trên nền tảng mạng xã hội mà nhiều khách hàng đã tin tưởng và sử dụng. Nhận thấy tiềm năng kinh doanh dòng sản phẩm này, một thời gian sau đó các bạn đã quyết định vay vốn để đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại. Để nâng tầm thương hiệu cho sản phẩm của mình các bạn đã sử dụng thương hiệu của các hãng nổi tiếng để gắn vào sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

- a) Nhóm các bạn sinh viên trong thông tin trên là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế. *Đúng, các bạn là chủ thể sản xuất, đóng vai trò là người tạo ra hàng hóa.*
- b) Đa dạng các hình thức quảng cáo trên nền tảng mạng xã hội là vận dụng chức năng thông tin của thị trường. *Đúng, điều này thể hiện khả năng nắm bắt cơ hội kinh doanh của các chủ thể kinh doanh*
- c) Việc các bạn sinh viên quyết định vay vốn để mở dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm tăng sức cạnh tranh là chưa phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường. *Sai, làm như vậy là phù hợp vì chỉ có đầu tư máy móc để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm mới giúp hàng hóa tạo ra có sức cạnh tranh.*
- d) Quyết định dùng các thương hiệu uy tín để gắn vào sản phẩm do mình làm ra là vận dụng những điểm tích cực của cơ chế thị trường. *Sai, đây là việc làm vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức kinh doanh.*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Do tác động của cuộc chiến thuế quan dẫn đến việc xuất khẩu nông sản của người nông dân bị suy giảm, hàng hóa tồn đọng nhiều. Nắm bắt được thông tin người trồng cây ăn quả ở địa phương X có nguy cơ phải vứt bỏ hàng trăm tấn hoa quả do không thể xuất khẩu. Siêu thị T đã đứng ra “giải cứu” nông dân, bên cạnh việc kêu gọi nhân viên trong công ty, doanh nghiệp đã kết nối với các siêu thị trong toàn hệ thống để bao tiêu một phần nông sản, khuyến mại cho các khách hàng mua số lượng lớn. Nhờ các hoạt động này mà một phần lớn nông sản của địa phương X đã được bán kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại cho bà con.

- a) Siêu thị T là chủ thể trung gian trong nền kinh tế. *Đúng, hoạt động của siêu thị T là làm nhiệm vụ phân phối và trao đổi sản phẩm.*
- b) Người nông dân trong thông tin trên gắn liền với hoạt động sản xuất và phân phối. *Sai, người nông dân trong thông tin trên chỉ gắn liền với hoạt động sản xuất*
- c) Trong thông tin trên, nông sản của người nông dân chỉ được tiêu thụ tại thị trường quốc tế. *Sai, ngoài việc xuất khẩu ra thị trường thế giới, nông sản còn được tiêu thụ tại thị trường trong nước*
- d) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng là hướng đi phù hợp cho người nông dân trong giai đoạn này. *Đúng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng giúp người nông dân đa dạng sản phẩm.*

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Giá lợn hơi hôm nay 26/4/2025, miền Bắc giảm mạnh xuống 66.000 - 67.000 đồng/kg, trong khi miền Trung và miền Nam giữ mức 67.000 - 76.000 đồng/kg. Giá thịt heo mát Meat Deli vẫn lửng sóng trong khoảng 119.922 - 163.122 đồng/kg, giá ba rọi heo với mức 163,722 đồng/kg. Các sản phẩm còn lại duy trì giá bán từ 122.320 - 157.520 đồng/kg. Để bình ổn thị trường, giá thịt heo tại Công ty H tiếp tục không ghi nhận biến động mới trong sáng nay. Hiện tại, các sản phẩm thịt heo được bán với giá trong khoảng 85.000 - 181.000 đồng/kg. Trên cơ sở giá này, Cục chăn nuôi đã khuyến cáo người dân thận trọng trong việc tăng đàn trong thời gian tới nhằm đảm bảo cân bằng cung cầu tránh ồ ạt tái đàn sẽ gây hậu quả xấu sau này.

- a) Việc khuyến cáo người dân thận trọng trong việc tăng đàn lợn nuôi là thể hiện vai trò quản lý của chủ thể nhà nước. *Đúng, ở đây chủ thể nhà nước đã chủ động thực hiện vai trò quản lý của mình trong việc cung cấp thông tin cho chủ thể sản xuất.*

b) Công ty H đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế. *Đúng, ở đây công ty là nhiệm vụ phân phối sản phẩm tới tay người tiêu dùng.*

c) Mức giá từ 122.320 - 157.520 đồng/kg do công ty Meat Deli niêm yết là mức giá cả thị trường của hàng hóa thịt lợn. *Sai, đây là giá niêm yết của 1 công ty, không đại diện cho mức giá cả thị trường của hàng hóa.*

d) Mức giá 67.000 - 76.000 đồng/kg là giá cả thị trường. *Đúng, đây là mức giá cả được hình thành trên thị trường do sự tác động của các quan hệ kinh tế cơ bản*

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Chính phủ đã có nhiều giải pháp nhằm thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Tổng chi từ ngân sách giai đoạn 2012 - 2022 cho người có công và an sinh xã hội ước khoảng 1,96 triệu tỷ đồng. Các chương trình an sinh xã hội lớn được đảm bảo bởi ngân sách nhà nước gồm: chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người nghỉ hưu trước 1995, hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng, chương trình mục tiêu quốc gia về xóa nhà tạm, nhà dột nát đã phát huy hiệu quả tích cực. Nhờ sự hỗ trợ này, người dân đã tích cực vươn lên thoát nghèo và dần có cuộc sống ổn định.

a) Chi cho chính sách an sinh xã hội được lấy từ nguồn ngân sách trung ương. *Sai, ngoài nguồn ngân sách trung ương còn lấy từ nguồn ngân sách địa phương.*

b) Mọi người dân đều được nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện an sinh xã hội. *Sai, chỉ những đối tượng có đủ điều kiện mới được hưởng chính sách an sinh xã hội từ ngân sách.*

c) Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng từ nguồn ngân sách nhà nước là phù hợp với nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp. *Đúng, đây là một hình thức tái đầu tư trở lại xã hội từ ngân sách nhà nước.*

d) Sử dụng hiệu quả các chương trình hỗ trợ là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước. *Đúng, ngân sách nhà nước hỗ trợ người dân, bản thân người dân cũng cần thực hiện có hiệu quả sự hỗ trợ này.*

PHẦN III: Tự luận

Câu 1 (1 điểm): Chị Q là chủ cửa hàng kinh doanh áo dài, một lần, nhận được thông tin của người khách nước ngoài không hài lòng về chất lượng áo mới may tại cửa hàng, dù đã muộn, chị vẫn đến ngay khách sạn, gặp gỡ vị khách để giải quyết vướng mắc. Cảm kích trước thái độ phục vụ của chị Q, vị khách này đã viết bài giới thiệu, quảng bá cửa hàng của chị Q lên trang cá nhân của mình, nhờ đó, cửa hàng của chị Q trở thành một thương hiệu uy tín, ngày càng có đông du khách nước ngoài đến tham quan và mua áo dài, doanh thu và lợi nhuận của cửa hàng ngày càng tăng.

Chị Q và vị khách nước ngoài khi tham gia vào thị trường có mối quan hệ với nhau như thế nào? Họ đóng vai trò là những chủ thể nào trong nền kinh tế?

Câu 2 (2 điểm): Ngày 20/5/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Nhờ khoản vay này, doanh nghiệp H đã chủ động đổi mới công nghệ, áp dụng chuyên đổi số trong sản xuất để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành và tăng sức cạnh tranh cho hàng hóa. Hưởng ứng phong trào “xóa nhà tạm, nhà dột nát” của Chính phủ, doanh nghiệp đã tích cực tham gia, cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp H đã trích kinh phí để xây dựng và bàn giao được 5 căn nhà cho các hộ nghèo trên địa bàn.

Ngân sách nhà nước đã thể hiện vai trò như thế nào đối với việc thực hiện các mục tiêu về quyền con người và phát triển xã hội? Việc hỗ trợ kinh phí để xóa nhà tạm, nhà dột nát thể hiện nguyên tắc cơ bản nào trong hoạt động thu chi của ngân sách nhà nước

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1

ĐỀ SỐ 01

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	7	D
2	D	8	B
3	B	9	D
4	A	10	D
5	A	11	B
6	A	12	D

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	S	a) Nhóm các bạn sinh viên trong thông tin trên vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể tiêu dùng trong nền kinh tế. <i>Sai, ở đây các bạn sinh viên đóng vai trò là chủ thể sản xuất.</i>
	b	Đ	b) Nắm bắt được thị hiếu của giới trẻ để tạo ra các sản phẩm phù hợp là đã vận dụng chức năng thông tin của thị trường. <i>Đúng, ở đây các bạn trẻ đã nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.</i>
	c	Đ	c) Việc các bạn sinh viên quyết định vay vốn để mở dây chuyền sx hiện đại nhằm tăng sức cạnh tranh là phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường. <i>Đúng, vì chỉ có đầu tư máy móc để tăng năng suất và chất lượng sp mới giúp hàng hóa tạo ra có sức cạnh tranh.</i>
	d	S	d) Quyết định dùng các thương yêu uy tín để gắn vào sp do mình làm ra là phù hợp và tiết kiệm chi phí. <i>Sai, đây là việc làm vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức kinh doanh.</i>
2	a	S	a) Siêu thị T là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế. <i>Sai, siêu thị T đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế.</i>
	b	Đ	b) Hoạt động của người nông dân trong thông tin trên là hoạt động sản xuất. <i>Đúng, đây là những người trực tiếp tạo ra sản phẩm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng</i>
	c	Đ	c) Trong thông tin trên, nông sản của người nông dân ngoài việc tiêu thụ tại thị trường trong nước còn tiêu thụ cả thị trường quốc tế. <i>Đúng, ngoài việc xuất khẩu ra thị trường thế giới, nông sản còn được tiêu thụ tại thị trường trong nước</i>
	d	Đ	d) Chuyển đổi thị trường tiêu thụ sản phẩm là hướng đi phù hợp cho người nông dân nhằm phát triển bền vững. <i>Đúng, việc đa dạng hóa các thị trường sẽ giúp người nông dân chủ động trong tiêu thụ sản phẩm</i>
3	a	S	a) Việc khuyến cáo người dân thận trọng trong việc tăng đàn lợn nuôi là thể hiện vai trò của chủ thể sản xuất. <i>Sai, ở đây chủ thể nhà nước đã chủ động thực hiện vai trò quản lý của mình trong việc cung cấp thông tin cho chủ thể sản xuất.</i>
	b	Đ	b) Công ty Meat Deli đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế. <i>Đúng, ở đây công ty là nhiệm vụ phân phối sản phẩm tới tay người tiêu dùng.</i>
	c	S	c) Mức giá từ 85.000 - 181.000 đồng/kg do công ty H niêm yết là mức giá cả thị trường của hàng hóa thịt lợn. <i>Sai, đây là giá niêm yết của 1 công ty, không đại diện cho mức giá cả thị trường của hàng hóa.</i>
	d	Đ	d) Mức giá 66.000 - 67.000 đồng/kg là giá cả thị trường. <i>Đúng, đây là mức giá cả được hình thành trên thị trường do sự tác động của các quan hệ kinh tế cơ bản</i>
4	a	S	a) Chi cho chính sách an sinh xã hội được lấy từ nguồn ngân sách địa phương. <i>Sai, ngoài nguồn ngân sách địa phương còn lấy từ nguồn ngân sách trung ương.</i>
	b	S	b) Mọi người dân đều được nhận hỗ trợ từ NSNN để thực hiện an sinh xã hội. <i>Sai, chỉ những đối tượng có đủ điều kiện mới được hưởng chính sách an sinh xã từ ngân sách.</i>
	c	Đ	c) Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các đối tượng từ nguồn ngân sách nhà nước là phù hợp với nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp. <i>Đúng, đây là một hình thức tái đầu tư trở lại xã hội từ ngân sách nhà nước.</i>
	d	Đ	d) Sử dụng hiệu quả các chương trình hỗ trợ là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước. <i>Đúng, ngân sách nhà nước hỗ trợ người dân, bản thân người dân cũng cần thực hiện có hiệu quả sự hỗ trợ này.</i>

Phần III: Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Thông tin trên đề cập đến các chủ thể cơ bản của nền kinh tế là: + Chủ thể sản xuất: Chi Q là chủ thể sản xuất	1 điểm

	+ Chủ thể tiêu dùng: Vị khách nước ngoài. - Các chủ thể đó khi tham gia vào thị trường có mối quan hệ cụ thể + Chi Q với vai trò là người bán hàng, vị khách nước ngoài là người mua hàng. Các chủ thể này tác động qua lại với nhau để từ đó hình thành quan hệ mua và bán hàng hóa	
Câu 2	Vai trò của ngân sách nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp Ngân sách nhà nước góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Giúp ổn định sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế. Việc hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc hoàn trả không trực tiếp trong hoạt động thu và chi của ngân sách nhà nước.	2 điểm

ĐỀ SỐ 02

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	7	B
2	A	8	B
3	A	9	D
4	A	10	A
5	A	11	B
6	D	12	A

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	Đ	a) Nhóm các bạn sinh viên trong thông tin trên là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế. <i>Đúng, các bạn là chủ thể sản xuất, đóng vai trò là người tạo ra hàng hóa.</i>
	b	Đ	b) Đa dạng các hình thức quảng cáo trên nền tảng mạng xã hội là vận dụng chức năng thông tin của thị trường. <i>Đúng, điều này thể hiện khả năng nắm bắt cơ hội kinh doanh của các chủ thể kinh doanh</i>
	c	S	c) Việc các bạn sinh viên quyết định vay vốn để mở dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm tăng sức cạnh tranh là chưa phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường. <i>Sai, làm như vậy là phù hợp vì chỉ có đầu tư máy móc để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm mới giúp hàng hóa tạo ra có sức cạnh tranh.</i>
	d	S	d) Quyết định dùng các thương hiệu uy tín để gắn vào sản phẩm do mình làm ra là vận dụng những điểm tích cực của cơ chế thị trường. <i>Sai, đây là việc làm vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức kinh doanh.</i>
2	a	Đ	a) Siêu thị T là chủ thể trung gian trong nền kinh tế. <i>Đúng, hoạt động của siêu thị T là làm nhiệm vụ phân phối và trao đổi sản phẩm.</i>
	b	S	b) Người nông dân trong thông tin trên gắn liền với hoạt động sản xuất và phân phối. <i>Sai, người nông dân trong thông tin trên chỉ gắn liền với hoạt động sản xuất</i>
	c	S	c) Trong thông tin trên, nông sản của người nông dân chỉ được tiêu thụ tại thị trường quốc tế. <i>Sai, ngoài việc xuất khẩu ra thị trường thế giới, nông sản còn được tiêu thụ tại thị trường trong nước</i>
	d	Đ	d) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng là hướng đi phù hợp cho người nông dân trong giai đoạn này. <i>Đúng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng giúp người nông dân đa dạng sản phẩm</i>
3	a	Đ	a) Việc khuyến cáo người dân thận trọng trong việc tăng đàn lợn nuôi là thể hiện vai trò quản lý của chủ thể nhà nước. <i>Đúng, ở đây chủ thể nhà nước đã chủ động thực hiện vai trò quản lý của mình trong việc cung cấp thông tin cho chủ thể sản xuất</i>

	b	Đ	b) Công ty H đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế. <i>Đúng, ở đây công ty là nhiệm vụ phân phối sản phẩm tới tay người tiêu dùng.</i>
	c	S	c) Mức giá từ 122.320 - 157.520 đồng/kg do công ty Meat Deli niêm yết là mức giá cả thị trường của hàng hóa thịt lợn. <i>Sai, đây là giá niêm yết của 1 công ty, không đại diện cho mức giá cả thị trường của hàng hóa.</i>
	d	Đ	d) Mức giá 67.000 - 76.000 đồng/kg là giá cả thị trường. <i>Đúng, đây là mức giá cả được hình thành trên thị trường do sự tác động của các quan hệ kinh tế cơ bản</i>
4	a	S	a) Chi cho chính sách an sinh xã hội được lấy từ nguồn ngân sách trung ương. <i>Sai, ngoài nguồn ngân sách trung ương còn lấy từ nguồn ngân sách địa phương.</i>
	b	S	b) Mọi người dân đều được nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện an sinh xã hội. <i>Sai, chỉ những đối tượng có đủ điều kiện mới được hưởng chính sách an sinh xã hội từ ngân sách.</i>
	c	Đ	c) Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng từ nguồn ngân sách nhà nước là phù hợp với nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp. <i>Đúng, đây là một hình thức tái đầu tư trở lại xã hội từ ngân sách nhà nước.</i>
	d	Đ	d) Sử dụng hiệu quả các chương trình hỗ trợ là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước. <i>Đúng, ngân sách nhà nước hỗ trợ người dân, bản thân người dân cũng cần thực hiện có hiệu quả sự hỗ trợ này.</i>

Phần III: Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Chi Q và vị khách nước ngoài khi tham gia vào thị trường có mqh với nhau rất chặt chẽ: + Chi Q với vai trò là người bán hàng, vị khách nước ngoài là người mua hàng. Các chủ thể này tác động qua lại với nhau để từ đó hình thành quan hệ mua và bán hàng hóa - Chi Q và vị khách nước ngoài đều là các chủ thể của nền kinh tế trong đó + Chủ thể sản xuất: Chi Q là chủ thể sản xuất + Chủ thể tiêu dùng: Vị khách nước ngoài.	1 điểm
Câu 2	Vai trò của ngân sách nhà nước đối với việc thực hiện các mục tiêu về quyền con người và phát triển xã hội Ngân sách nhà nước góp phần điều tiết thu nhập thông qua quỹ phúc lợi xã hội. Việc hỗ trợ tiền từ ngân sách để xóa nhà tạm, nhà dột nát chính là góp phần thực hiện quyền con người một cách bình đẳng, người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội để phát triển toàn diện Việc hỗ trợ kinh phí để xóa nhà tạm, nhà dột nát phù hợp với nguyên tắc hoàn trả không trực tiếp trong hoạt động thu và chi của ngân sách nhà nước.	2 điểm

TIẾT 19 – 20 – 21 – 22 – 23: BÀI 7

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.
- Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sxkd.

- Năng lực đặc thù:

- + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của cd trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sxkd; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động sxkd; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và

chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động sxkd trong xã hội.

+ Năng lực phát triển bản thân: Có ý tưởng trong việc lựa chọn mô hình hoạt động kinh tế và lựa chọn được mô hình sxkd phù hợp với bản thân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động sxkd phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi trong việc lựa chọn mô hình và tham gia sxkd.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động sxkd phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

*Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định.

- **Cách thức thực hiện:** Kết hợp với nội dung chủ đề về thuế giáo viên giúp học sinh hiểu được khi tiến hành sản xuất kinh doanh các chủ thể kinh tế thực hiện các quyền con người liên quan đến Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định.

*Tích hợp phòng chống tham nhũng

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức cho hs thực hiện dự án: Học sinh xây dựng “mô hình kinh doanh học sinh” và tự đánh giá mức độ thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh

Thiết kế mô hình kinh doanh lý tưởng: HS trình bày mô hình kinh doanh phù hợp với bản thân, có yếu tố đạo đức, trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí.- Phân tích mô hình thực tế: So sánh mô hình kinh doanh có đạo đức và mô hình vi phạm quy định của pháp luật (hủy hoại môi trường, trốn thuế...), từ đó định hướng lựa chọn đúng đắn.

*Tích hợp đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào một số mô hình sản xuất kinh doanh như: Công ty cổ phần, công ty tư nhân, để giúp học sinh hiểu rõ được các mô hình sản xuất kinh doanh này vừa góp phần mang lại lợi ích cho cá nhân họ, nhưng các chủ thể này cũng cần thể hiện tốt vai trò đạo đức kinh doanh, kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Có thể yêu cầu học sinh xây dựng “mô hình kinh doanh học sinh” và tự đánh giá mức độ thể hiện lý tưởng, trách nhiệm, đạo đức; chia sẻ truyền cảm hứng: Mời doanh nhân trẻ hoặc cựu HS thành công chia sẻ con đường lập nghiệp gắn với lý tưởng cống hiến cho cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về mô hình sản xuất kinh doanh;

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Giới thiệu mục tiêu bài học, nd chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về vai trò của sxkd và các mô hình sxkd; tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, các em tìm hiểu và kể lại một số hoạt động sản xuất, kinh doanh của gia đình và chỉ ra được vai trò, đóng góp của hoạt động đó cho xã hội.

c) **Sản phẩm.** Nhận biết, phân biệt được các mô hình sản xuất kinh doanh đang diễn ra cũng như xác định rõ vai trò của từng hoạt động

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS kể một số hoạt động sản xuất kinh doanh của gia đình hoặc những cơ sở sản xuất kinh doanh nơi em sinh sống và cho biết các hoạt động đó có đóng góp gì trong đời sống xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ vào vở, chia sẻ với các bạn xung quanh về nhiệm vụ được giao.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Nhiều người trong chúng ta đã và đang tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không phải ai cũng nhận thức được đầy đủ vai trò của sản xuất kinh doanh cũng như biết lựa chọn cho mình một mô hình phù hợp để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, thành công. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn vai trò của sản xuất kinh doanh, biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh để có thể lựa chọn cho bản thân và gia đình trong hiện tại và tương lai.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của sản xuất kinh doanh

a) **Mục tiêu.** HS nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, cùng nhau tìm hiểu và phân tích trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.**

- HS giải thích được mục đích việc làm của anh T cũng như vai trò của hoạt động này
- HS nêu được vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt HS: <i>Đối với nền kế qđân, hiệu quả của nền kế qđân phụ thuộc vào hiệu quả sxkd của các dn. Nếu hiệu quả sxkd của từng dn được nâng cao sẽ góp phần ncao hiệu quả của nền kế qđân, góp phần tạo sự tăng trưởng kế, nâng cao mức sống xh, giữ vững trật tự an ninh xh. Vậy sxkd có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?</i> - Hs làm việc nhóm, cùng nhau tìm hiểu và phân tích trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>1/ Anh T đã cung cấp dịch vụ để phục vụ để bà con địa phương với mục đích gì? Hoạt động này có điểm gì khác so với hoạt động sx trước đây?</i> <i>2/ Hoạt động sản xuất kinh doanh của anh T đã mang lại lợi ích gì cho gia đình và xã hội?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs đọc thông tin, làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv gọi hs đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: + <i>Anh T đã cung cấp dịch vụ để giúp bà con địa phương tổ chức các hoạt động sản xuất cũng như góp phần mang lại thu nhập cho bà con và thu lợi nhuận cho bản thân.</i> + <i>Hoạt động sản xuất của anh T vừa góp phần tạo ra sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của gia đình, vừa góp phần mang lại lợi ích chung cho xã hội: tạo việc làm, tăng thu nhập, ..</i>	1. Vai trò của sản xuất kinh doanh - Sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội: là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh, đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- HS còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.
- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung:
 - + *Kinh doanh là gì? Nêu ví dụ.*
 - + *Thế nào là hoạt động sản xuất kinh doanh?*
 - + *Sản xuất kinh doanh có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của xã hội*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh

Gv nhấn mạnh:

Kd là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sx, tiêu thụ sp hoặc cung ứng dvụ trên thị trường nhằm mục đích thu được (p). Sxkd là hoạt động sx ra sp (H), dvụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được (p).

GV lưu ý cho HS:

+ *Ở nghĩa phổ thông, kd không chỉ là buôn bán mà bao gồm cả sx. Hơn nữa, không phải tất cả các hoạt động sx, buôn bán đều là kd mà chỉ có những hoạt động sx, buôn bán nào có sinh lợi mới được coi là kd.*

+ *Ở Việt Nam, thuật ngữ kd được sử dụng trong Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990. Hoạt động kinh doanh được nhận biết thông qua các dấu hiệu:*

Hoạt động phải mang tính nghề nghiệp, nghĩa là chúng được tiến hành một cách chuyên nghiệp, thường xuyên, liên tục và hoạt động này mang lại nguồn thu nhập chính cho người thực hiện chúng;

Hoạt động phải được thực hiện một cách độc lập. Các chủ thể nhân danh mình để tiến hành hoạt động kinh doanh. Họ tự quyết định mọi vấn đề có liên quan và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình;

Hoạt động được các chủ thể tiến hành với mục đích kiếm lời thường xuyên. Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì để thực hiện hoạt động kinh doanh, các chủ thể phải tiến hành đăng kí kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là cơ quan đăng kí kinh doanh.

TIẾT 2

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Một số mô hình hộ sản xuất kinh doanh

a) Mục tiêu. HS nhận biết được mô hình hộ sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mô hình này.

b) Nội dung. HS cùng làm việc theo nhóm, tiếp tục suy nghĩ về thông tin đã đọc ở mục 1 để trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh

Học sinh cùng làm việc theo nhóm, tiếp tục suy nghĩ về thông tin đã đọc ở mục 1 để trả lời câu hỏi

1/ Việc sxkd của hộ gia đình anh T do ai chịu trách nhiệm sx và tiêu thụ sp? Số lao động tham gia là bao nhiêu?

2/ Em có nhận xét gì về quy mô kinh doanh, khả năng huy động vốn của hộ gia đình anh T?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.

- Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra:

+ *Việc sxkd của gđ anh T do gđ anh chịu trách nhiệm sx và tổ chức hđộng tiêu thụ sp, với số lượng lđ khá khiêm tốn lao động chính là anh T*

+ *Vì vậy quy mô kd của hộ gia đình anh T khá khiêm tốn, nhỏ và bé, khả năng huy động vốn không cao*

- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Hộ sản xuất kinh doanh có ưu điểm và hạn chế gì*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

GV nhấn mạnh:

Hộ sxkd là mô hình sxkd do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sxkd theo định hướng phát triển ktế của Nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

- GV mở rộng kiến thức:

Trong những năm qua ktế hộ sxkd đã có chuyển biến tích cực cả về quy mô, tốc độ và cơ cấu. Nhiều hộ kd đã đứng vững trong nền kttt, có tác động tích cực đến công tác xóa đói giảm nghèo, chuyển mình từ ktế hộ gia đình sang ktế doanh nghiệp tư nhân.

+ *Tuy nhiên, thực tế hoạt động hộ sxkd của các cơ sở cá thể chỉ mang tính chất tự phát. Kết cấu hạ tầng kt - xh tuy đang được tiếp tục đầu tư và có những kết quả bước đầu nhưng nhìn chung vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ nên cũng gây hạn chế cho hoạt động sxkd chung. Quy mô nhỏ, sx manh mún cả về lao động, nguồn vốn, tài sản và sp, nhất là đối với cơ sở sx thuộc ngành công nghiệp, thị trường tiêu thụ không ổn định dễ bị ảnh hưởng khi có biến động thị trường.*

a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh

- Hộ sản xuất kinh doanh là do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

- Hộ kinh doanh chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

- Có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh

a) Mục tiêu. HS nhận biết được mô hình hợp tác xã, liên hiệp HTX và đặc điểm của mô hình này.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sgk và trả được câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

- Học sinh nêu được khái niệm mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và đặc điểm của nó

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi <i>1/ Hợp tác xã Đoàn Kết gồm mấy thành viên? Hoạt động của hợp tác xã dựa trên nguyên tắc nào?</i> <i>2/ Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh là gì? Theo em, tại sao anh T phải liên kết với các hộ gia đình khác?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs cùng đọc thông tin, làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình: + Htx Đoàn kết gồm 9 thành viên, hợp tác dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý. + Ưu điểm của mô hình này là các thành viên có thể hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau, phát huy được thế mạnh của nhau. Thông qua liên kết này giúp các thành viên có thể mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh - Các nhóm còn lại động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Việc tổ chức mô hình hợp tác xã và liên minh hợp tác xã có ưu điểm gì?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề: Htx là tổ chức ktế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 5 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sxkd, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã. Liên hiệp htx là tổ chức ktế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 3 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý liên hiệp hợp tác xã.	b. Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh * HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác Đặc điểm của HTX: có hình thức sở hữu tập thể; các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh; có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý HTX. * Liên hiệp HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau Đặc điểm của liên hiệp hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu; có tư cách pháp nhân; các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý.

TIẾT 3

1. Ổn định lớp

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Mô hình doanh nghiệp

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm doanh nghiệp, các đặc điểm của doanh nghiệp

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo cá nhân, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của doanh nghiệp

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra
- HS rút ra được khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Học sinh làm việc theo cá nhân, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của doanh nghiệp <i>Em hãy nêu những biểu hiện tính hợp pháp và tính tổ chức của doanh nghiệp X</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sách giáo khoa - Viết kết quả ra vở ghi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận + Gọi một số học sinh trình bày kết quả chuẩn bị của mình: <i>Tính hợp pháp thể hiện ở việc được Nhà nước cấp phép hoạt động, tính tổ chức thể hiện trong việc có trụ sở, có cơ cấu nhân sự, có bộ máy điều hành</i> + Các học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp <i>Để được gọi là doanh nghiệp cần các điều kiện như thế nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được Gv nhấn mạnh: <i>Doanh nghiệp là kiểu tổ chức sxkd được tổ chức bài bản, khoa học và được nhà nước và pháp luật bảo vệ</i>	c. Mô hình doanh nghiệp *Tìm hiểu khái niệm doanh nghiệp: Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh Doanh nghiệp có đặc điểm; + Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ,... + Có tính hợp pháp; đã đăng kí và được cấp phép kinh doanh. + Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Mô hình doanh nghiệp tư nhân

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm doanh nghiệp tư nhân, các đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, tiếp tục tìm hiểu thông tin ở mục c sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra
- HS rút ra được khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt HS: <i>Theo Luật doanh nghiệp 2020, có 6 loại hình dn chính. Mỗi loại hình dn lại có ưu nhược điểm khác nhau, phụ thuộc vào nhu cầu, khả năng của cá nhân, tổ chức để lựa chọn mô hình thành lập phù hợp.</i> - HS làm việc cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra k/n, đặc điểm của doanh nghiệp <i>Ông Q có quyền sở hữu, quản lý thực hiện nghĩa vụ đối với doanh nghiệp X trước pháp luật như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập	* Doanh nghiệp tư nhân - Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. - Đặc điểm: + Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là cá nhân chủ doanh nghiệp, có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư, không tách bạch tài sản của chủ

- Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sách giáo khoa - Viết kết quả ra vở ghi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận + Gọi một số học sinh trình bày kết quả chuẩn bị của mình: <i>Ông Q là chủ đại diện theo pháp luật, có trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động của dn X cũng như thực hiện nghĩa vụ với nhà nước theo quy định của pháp luật</i> + Các học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp <i>Doanh nghiệp tư nhân có đặc điểm gì?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được GV nhấn mạnh: <i>Dn tư nhân có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là về vốn, năng lực quản lý, khoa học công nghệ....</i>	doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân. + Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô hạn toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp.
--	--

Nội dung 6: Tìm hiểu nội dung: Công ty hợp danh

- a) Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm doanh nghiệp, các đặc điểm của doanh nghiệp
- b) Nội dung.** Hs làm việc nhóm, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm về công ty hợp danh
- c) Sản phẩm.**
- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra
 - HS rút ra được khái niệm, đặc điểm của công ty hợp danh
- d) Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hs làm việc nhóm, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm về công ty hợp danh <i>1/ Công ty hợp danh QT được thành lập bởi những ai? Các thành viên hợp danh có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty? Các thành viên góp vốn có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?</i> <i>2. Theo em, công ty hợp danh có ưu điểm gì so với công ty tư nhân?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sách giáo khoa - Viết kết quả ra vở ghi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận + Gọi một số học sinh trình bày kết quả chuẩn bị của mình: <i>Công ty QT được thành lập bởi ông Q và ông T, các thành viên có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc quản lý và điều hành công ty.</i> <i>Công ty hợp danh có ưu điểm tận dụng được nguồn vốn, kinh nghiệm quản lý... để có thể mở rộng công ty để có điều kiện phát triển mạnh</i> + Các học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp <i>Công ty hợp danh có ưu điểm gì so với công ty tư nhân</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	*Công ty hợp danh Công ty hợp danh là doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên, chung - Đặc điểm: + Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lý công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty. + Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỉ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lý công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. + Do kết hợp được uy tín cá nhân của thành viên hợp danh nên tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lý công ty không quá phức tạp do số lượng các thành viên ít và tin tưởng nhau.

Gv nhận xét, chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được GV nhấn mạnh: Công ty hợp danh là doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn. Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.	
---	--

Nội dung 7: Tìm hiểu nội dung: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- a) Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm đn, các đặc điểm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- b) Nội dung.** Hs làm việc theo cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- c) Sản phẩm.**
- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra
 - HS rút ra được khái niệm, đặc điểm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- d) Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên <i>Em có nhận xét gì về mục đích thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sách giáo khoa - Viết kết quả ra vở ghi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận + Gọi một số học sinh trình bày kết quả chuẩn bị của mình: <i>Việc thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N sẽ nâng cao ý thức trách nhiệm trong quá trình sản xuất kinh doanh, mang lại ít rủi ro cho chủ thể, anh N có toàn quyền quyết định việc hoạt động của công ty.</i> + Các học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có đặc điểm gì?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được GV nhấn mạnh: Công ty TNHH MTV là đn do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.	*Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; - Đặc điểm: + Vốn điều lệ tại thời điểm đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. + ít rủi ro hơn công ty tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

TIẾT 4

1. Ổn định lớp

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

Nội dung 8: Tìm hiểu nội dung: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

a) **Mục tiêu.** Hs nêu được khái niệm đn, các đặc điểm của Công ty TNHH HTV trở lên.

b) **Nội dung.** Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của Công ty TNHH HTV trở lên.

c) **Sản phẩm.**

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

- HS rút ra được khái niệm, đặc điểm của Công ty TNHH HTV trở lên.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. <i>Công ty TNHH MTV của anh N được chuyển đổi thành công ty TNHH HTV trở lên như thế nào? Cơ chế tổ chức và hoạt động ra sao?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sách giáo khoa - Viết kết quả ra vở ghi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận + Gọi một số học sinh trình bày kết quả chuẩn bị của mình: <i>Anh N đã liên hệ với một số người bạn của mình để góp vốn hợp tác cùng kinh doanh với mô hình công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, theo nguyên tắc hoạt động cùng quản lý và cùng chịu trách nhiệm</i> + Các học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp <i>Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được GV nhấn mạnh: <i>Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.</i>	*Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên - Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50. + Công ty có tư cách pháp nhân, không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn. + Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, vốn điều lệ của công ty khi đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty. + Ít gây rủi ro cho người góp vốn, việc quản lí, điều hành công ty không quá phức tạp.

Nội dung 9: Tìm hiểu nội dung: Công ty cổ phần

a) **Mục tiêu.** Hs nêu được khái niệm, đặc điểm của công ty cổ phần

b) **Nội dung.** Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của công ty cổ phần.

c) **Sản phẩm.**

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

- HS rút ra được khái niệm, đặc điểm của công ty cổ phần

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	*Công ty cổ phần - Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn

Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của công ty cổ phần. <i>Công ty cổ phần A được hình thành như thế nào? Em hãy nêu phương thức hoạt động của công ty cổ phần.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sách giáo khoa - Viết kết quả ra vở ghi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận + Gọi một số học sinh trình bày kết quả chuẩn bị của mình <i>Công ty cổ phần A được hình thành từ nguồn vốn góp của hàng trăm cổ đông, việc hoạt động của công ty được tiến hành theo quy định của pháp luật</i> + Các học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp <i>Em hãy kể một số công ty cổ phần mà em biết</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được GV nhấn mạnh: Người đóng cổ phần gọi là các cổ đông. Cơ quan tối cao của công ty cổ phần là Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị sau đó Hội đồng quản trị sẽ thuê, bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc Giám đốc điều hành. Công ty có quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. - Đặc điểm: + Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán, phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. + Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn của công ty cổ phần linh hoạt, khả năng huy động vốn cao thông qua phát hành cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu ra công chúng.
--	--

Nội dung 10: Tìm hiểu nội dung: Doanh nghiệp nhà nước

a) Mục tiêu. Hs nêu được khái niệm, đặc điểm của Doanh nghiệp nhà nước

b) Nội dung. Hs làm việc theo cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của Doanh nghiệp nhà nước.

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra
- HS rút ra được khái niệm, đặc điểm của Doanh nghiệp nhà nước

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin sgk đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của DNNN. <i>Em hãy phân tích số vốn của doanh nghiệp K trước và sau khi cổ phần hoá</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sách giáo khoa - Viết kết quả ra vở ghi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận + Gọi một số học sinh trình bày kết quả chuẩn bị của mình: <i>Trước khi cổ phần hóa dn A có vốn 100% nhà nước, sau cổ phần hóa nhà nước chỉ chiếm 54%</i> + Các học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp <i>Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ bao nhiêu % vốn trong các công ty và nắm giữ như vậy nhằm mục đích gì?</i>	*Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lý hoặc tham gia quản lý với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật. - Doanh nghiệp nhà nước gồm có hai loại: + Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. + Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được

GV nhấn mạnh: DNNN có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, được coi là công cụ để nhà nước quản lý và điều hành trong một số lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định.

Gợi ý: Ý nghĩa về việc đóng thuế của các doanh nghiệp

Những năm gần đây, trước thách thức về môi trường và những hậu quả tiêu cực về xã hội do các doanh nghiệp gây ra, vấn đề trách nhiệm xã hội được đặt ra một cách cấp bách. Ở Việt Nam, việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của chiến lược phát triển bền vững. Để thúc đẩy các doanh nghiệp ở Việt Nam thực hiện trách nhiệm xã hội của họ, thì việc tuyên truyền, giáo dục trách nhiệm xã hội và việc hoàn thiện hành lang pháp lý để thực hiện nó là những việc làm cấp thiết”.

- **Cách thức thực hiện:** Kết hợp với nội dung chủ đề về thuế giáo viên giúp học sinh hiểu được khi tiến hành sản xuất kinh doanh các chủ thể kinh tế thực hiện các quyền con người liên quan đến Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức cho hs thực hiện dự án: Học sinh xây dựng “mô hình kinh doanh học sinh” và tự đánh giá mức độ thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh

Thiết kế mô hình kinh doanh lý tưởng: HS trình bày mô hình kinh doanh phù hợp với bản thân, có yếu tố đạo đức, trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí.- Phân tích mô hình thực tế: So sánh mô hình kinh doanh có đạo đức và mô hình vi phạm quy định của pháp luật (hủy hoại môi trường, trốn thuế...), từ đó định hướng lựa chọn đúng đắn.

TIẾT 5**1. Ôn định lớp.**

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Tìm hiểu nội dung bài học*****Hoạt động: Luyện tập****Bài tập 1: Em đồng tình/không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?**

a) **Mục tiêu.** Hs củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; liên hệ thực tế liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

b) **Nội dung.** Hs làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) **Sản phẩm.** Hs trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

a. *Đồng tình, vì phát triển sản xuất kinh doanh sẽ tạo được nhiều việc làm, thu nhập ổn định, giảm bớt đi nguyên nhân dẫn đến những tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc,...*

b. *Không đồng tình, vì phát triển sản xuất kinh doanh ở địa phương tạo cơ hội cho những ngành nghề truyền thống được phát huy vì có sẵn kinh nghiệm, thị trường,...*

c. Ý kiến này có ý đúng, vì kinh doanh trực tuyến không cần nhiều nhà xưởng nhưng có ý chưa đúng, vì vẫn rất cần phải có trí tuệ, kinh doanh dưới hình thức nào cũng cần có trí tuệ.

d. Đồng tình, vì sản xuất kinh doanh có vai trò tạo ra của cải thoả mãn nhu cầu xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống xã hội,...

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi cd cần lưu ý khi tìm hiểu về sxkd, các mô hình sxkd

Bài tập 2: Em hãy cùng các bạn trong nhóm thảo luận để nhận biết điểm khác nhau của các mô hình sản xuất, kinh doanh

a) **Mục tiêu.** HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

b) **Nội dung.** Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 5 trường hợp sách giáo khoa đưa ra

c) **Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm, cùng nghiên cứu 4 trường hợp sgk đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. **Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân**

- **Chủ thể thành lập:** Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có thể là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài còn hộ kinh doanh do cá nhân là công dân Việt Nam, một nhóm người, một hộ gia đình.

b. **Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và hợp tác xã**

- **Đối tượng được đăng ký tham gia:** Hộ kinh doanh gồm cá nhân, hộ gia đình là công dân Việt Nam còn hợp tác xã có thêm tổ chức, người nước ngoài.

c. **Mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

- **Quyền và trách nhiệm tài sản:** Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (trách nhiệm hữu hạn) còn chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp (trách nhiệm vô hạn).

d. **Mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh**

- Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ sở hữu và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về hoạt động của doanh nghiệp, còn công ty hợp danh do ít nhất hai cá nhân là đồng chủ sở hữu công ty và được gọi là thành viên hợp danh, cùng nhau chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về nghĩa vụ của công ty. Ngoài thành viên hợp danh, công ty có thể có thành viên góp vốn. Thành viên góp vốn có thể là cá nhân, tổ chức và chỉ phải chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp.

e. **Mô hình công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có số lượng thành viên từ 02 đến 50 người trong khi công ty cổ phần phải có tối thiểu 03 thành viên là chủ sở hữu và không giới hạn số lượng thành viên tối đa.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi cd cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 3: Em hãy tìm hiểu các mô hình sản xuất kinh doanh ở địa phương theo gợi ý sau:

a) **Mục tiêu.** HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

b) **Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung theo yêu cầu sau đó các nhóm hoàn thành bài tập là sản phẩm hoàn chỉnh

GV phân công theo nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một loại mô hình theo những gợi ý trong SGK, quy định thời gian thực hiện, sản phẩm cần có (ví dụ: bản báo cáo, hình ảnh, video, ghi âm lời giới thiệu của chủ cơ sở,...).

c) Sản phẩm. HS hoàn thành sản phẩm là bản báo cáo, hình ảnh, video, ghi âm lời giới thiệu của chủ cơ sở,...).

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm, cùng nghiên cứu 3 gợi ý sgk đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc chỉ ra được một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả .

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về mô hình sản xuất kinh doanh

Bài tập 4: Em có lời khuyên gì cho các nhân vật trong những tình huống sau?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý.

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải vai trò của ngân sách nhà nước trong 2 tình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

- *Tình huống a là tình huống mở, có thể có ý kiến trái chiều, song gợi ý mong muốn là nên làm theo lời khuyên đó để thực hiện nguyên lý “li nông bất li hương” có thể không theo đuổi nghề nông nhưng không bỏ quê hương, vẫn có thể tìm được một mô hình kinh doanh phù hợp với bản thân và gia đình.*

- *Trường hợp b là tình huống mở, HS có nhiều ý kiến khác nhau, có thể là bạn theo học đại học ngành có liên quan để phát huy sở trường làm bánh, hoặc theo đuổi giấc mơ kinh doanh mở tiệm làm bánh không nhất thiết phải đi học đại học,...*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy viết bài giới thiệu dự định mô hình kinh doanh trong tương lai của bản thân hoặc gia đình và giới thiệu với các bạn.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm nhận biết vai trò của sx, kd và lựa chọn mô hình sx, kd doanh một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân

***Tích hợp đạo đức lối sống:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào một số mô hình sản xuất kinh doanh như: Công ty cổ phần, công ty tư nhân, để giúp học sinh hiểu rõ được các mô hình sản xuất kinh doanh này vừa góp phần mang lại lợi ích cho cá nhân họ, nhưng các chủ thể này cũng cần thể hiện tốt vai trò đạo đức kinh doanh, kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Có thể lấy thêm ví dụ về một số công ty làm ăn hiệu quả để minh họa

Để thể hiện tốt vai trò đạo đức kinh doanh, kinh doanh đúng pháp luật và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, các doanh nghiệp có thể thực hiện các hành động sau:

+ Đạo đức kinh doanh:

Trung thực và minh bạch: Đảm bảo thông tin chính xác về sản phẩm/dịch vụ.

Công bằng: Đối xử công bằng với tất cả khách hàng, nhân viên và đối tác.

Tôn trọng quyền lợi: Bảo vệ quyền lợi của khách hàng, nhân viên và cổ đông.

+ Kinh doanh đúng pháp luật:

Tuân thủ pháp luật: Đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Giấy phép và chứng nhận: Đảm bảo có đầy đủ giấy phép và chứng nhận cần thiết.

Kê khai và nộp thuế: Thực hiện kê khai và nộp thuế đúng quy định.

+ Trách nhiệm xã hội:

Bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Hỗ trợ cộng đồng: Tham gia các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng địa phương.

An toàn lao động: Đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho nhân viên.

Phát triển bền vững: Đầu tư vào phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích lâu dài cho xã hội và môi trường.

+ Một số ví dụ cụ thể về thực hiện trách nhiệm xã hội bao gồm:

Chương trình đào tạo và phát triển nhân viên: Đầu tư vào đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên.

Hỗ trợ giáo dục: Tài trợ cho các chương trình giáo dục hoặc học bổng.

Bảo vệ sức khỏe: Tổ chức các chương trình sức khỏe cho nhân viên và cộng đồng.

Hoạt động bảo vệ môi trường: Thực hiện các dự án về năng lượng tái tạo, giảm thiểu rác thải, tái chế.

Việc thực hiện tốt vai trò đạo đức kd, kd đúng pháp luật và thực hiện trách nhiệm xã hội không chỉ giúp doanh nghiệp xây dựng uy tín mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội và môi trường.

c) **Sản phẩm.** Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

HS, viết bài giới thiệu dự định mô hình kinh doanh trong tương lai của bản thân hoặc gia đình, trong đó nêu rõ lý do vì sao em chọn mô hình đó và giới thiệu với các bạn trong lớp. Quy định dung lượng bài viết (trong hai trang), thời gian nộp bài. Khuyến khích bài giới thiệu có hình ảnh minh họa.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh

Bài tập 2: Em hãy viết bài và chuẩn bị tham gia cuộc thi thuyết trình về sự đóng góp của sản xuất kinh doanh đối với đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương

a) **Mục tiêu.** HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nhận biết vai trò của sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh một cách chủ động, sáng tạo.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân

c) **Sản phẩm.** Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV tổ chức cuộc thi thuyết trình về sự đóng góp của sản xuất kinh doanh đối với đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương. GV hướng dẫn HS viết bài và đăng kí tham gia cuộc thi.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh./

TIẾT 24 – 25, BÀI 8

TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.

- Nhận biết được vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tín dụng.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hoạt động tín dụng.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động tín dụng.

+ Năng lực phát triển bản thân: Nhận thức được vai trò và đặc điểm của tín dụng để chủ động tham gia hoạt động tín dụng thích hợp trong tương lai để phát triển bản thân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Hiểu về vai trò của tín dụng đối với đời sống.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người ở nhóm quyền về kinh tế, như quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh và yêu cầu học sinh thảo luận nội dung “*Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trả trước hoặc trả sau hay không*” để thể hiện việc thực hiện dịch vụ tín dụng một cách lành mạnh cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Hiểu về vai trò của tín dụng đối với đời sống.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đồng thời lồng ghép nội dung tích hợp Quyền con người để thực hiện nội dung tích hợp đạo đức lối sống. HS thảo luận nhóm: “*Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trước - trả sau. Từ tình huống này giáo viên nhấn mạnh để học sinh hiểu được ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong tiêu dùng.*”

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về tín dụng

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, qua việc tìm hiểu về việc vay và gửi tiền ở ngân hàng hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về việc đó.

c) Sản phẩm. Thấy được tác dụng của việc vay và gửi tiền ở ngân hàng

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, qua việc tìm hiểu về việc vay và gửi tiền ở ngân hàng hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về việc đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ vào vở, chia sẻ với các bạn xung quanh về nhiệm vụ được giao.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình:

Thấy được tác dụng của việc vay và gửi tiền ở ngân hàng như

+ *Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng mang lại cho người gửi một khoản tiền lãi, đồng thời cung cấp vốn cho người đang cần tiền trong xã hội để sản xuất, kinh doanh, đầu tư hoặc tiêu dùng,...*

+ *Gửi và vay ở ngân hàng sẽ yên tâm vì ngân hàng là một tổ chức tín dụng có uy tín.*

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

GV nhấn mạnh:

Tín dụng có vai trò là cầu nối đáp ứng những nhu cầu vay và cho vay của các chủ thể trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy mọi mặt đời sống xã hội phát triển. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn đặc điểm và vai trò của tín dụng, biết tham gia, sử dụng các dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả và trách nhiệm.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm và đặc điểm của tín dụng

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm, đặc điểm của tín dụng.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

c) Sản phẩm. HS giải thích được mối quan hệ giữa anh A và ngân hàng; nêu được khái niệm, đặc điểm của tín dụng

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi: <i>1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là gì? Căn cứ vào những điều gì để ngân hàng quyết định cho anh A vay tiền?</i> <i>2/ Trong hợp đồng vay tiền, anh A cam kết phải hoàn trả lại ngân hàng với nội dung như thế nào? Việc hoàn trả này có bắt buộc không? Vì sao?</i>	1. Khái niệm và đặc điểm - Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi. - Tín dụng có đặc điểm cơ bản là: Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay
Thực hiện nhiệm vụ học tập	

- Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm cặp đôi: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: <i>1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là: ngân hàng cho anh A vay 100 triệu để thực hiện dự án trồng rau sạch trong 2 năm với lãi suất ưu đãi.</i> <i>Ngân hàng chỉ cho vay sau khi xem xét và tin tưởng anh A vì chỉ có tin anh A là người có uy tín, có khả năng trả nợ đúng hạn ngân hàng mới giao tiền cho anh A vay, nếu không rủi ro mất tiền là rất lớn. Sự tin tưởng dựa trên lịch sử tín dụng tốt của anh A trước đây nếu có vay đều trả nợ đúng hạn, mục đích vay và hiệu quả sử dụng vốn cho dự án trồng rau sạch là tốt, anh A có thể trả nợ được khi đến hạn. Ngân hàng cho anh A vay tiền trong 2 năm.</i> <i>2/ Trong hợp đồng, anh A cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay cộng thêm phần tiền lãi đúng kì hạn như đã thỏa thuận. Việc hoàn trả này là bắt buộc vì nếu không ngân hàng sẽ không thu hồi được tiền vay và bị thua lỗ.</i> - Hs còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Tín dụng phản ánh mối quan hệ nào, đặc điểm của mối quan hệ này là gì</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh GV nhấn mạnh: <i>Nói đến tín dụng là nói đến quan hệ giữa người đi vay và người cho vay, quan hệ này dựa trên quy định của pháp luật và đặc biệt là dựa trên chữ tín của nhau</i> - GV mở rộng kiến thức: <i>Trong quan hệ tín dụng, người nhận chuyển giao vốn sau một thời gian sử dụng vốn theo thỏa thuận phải hoàn trả lại cho người đã chuyển giao cho mình. Về bản chất pháp lí, quan hệ tín dụng là một dạng quan hệ vay tài sản nhưng khác với các quan hệ vay tài sản thông thường ở chỗ, đối tượng hoàn trả không phải là vật cùng loại mà là tiền.</i>	đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn; Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định; Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.
---	---

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của tín dụng

a) Mục tiêu. HS nêu được vai trò của tín dụng

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được 3 câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra.

- HS rút ra được vai trò của tín dụng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV chia lớp học thành các nhóm từ 4 - 6 HS. Phân công mỗi nhóm thảo luận một trong số ba thông tin ở SGK và trả lời câu hỏi:	2. Vai trò của tín dụng Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người đang cần

1/ Thông tin 1 cho thấy tín dụng có vai trò tập trung, cung cấp nguồn vốn và đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả cho nền kinh tế như thế nào? 2/ Thông tin 2 cho thấy tín dụng giúp Nhà nước thực hiện việc điều tiết kinh tế - xã hội như thế nào? 3/ Thông tin 3 cho thấy tín dụng thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng phát triển, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân như thế nào? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: 1/ Thông tin 1: Cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn vay. 2/ Thông tin 2: Chính sách trợ vốn ngân hàng của Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên đã giúp nhiều em có hoàn cảnh khó khăn thực hiện được ước mơ đến với giảng đường đại học. Nhờ được vay ưu đãi, các em có kinh phí để hoàn thành khoá học, có thêm cơ hội tìm được việc làm và phát triển bản thân, có thu nhập để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn vay cho ngân hàng. 3/ Thông tin 3: Nhờ chương trình cho vay vốn đóng mới và nâng cấp tàu cá của Chính phủ triển khai ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, các đội đánh bắt cá đã có thêm những chiếc tàu công suất lớn bám biển vươn khơi, tạo nguồn lực cho ngư dân làm kinh tế, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo của quốc gia. - Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Trong sự phát triển của xã hội, tín dụng đóng vai trò như thế nào? Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm GV nhấn mạnh: Như vậy, tín dụng góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư vốn trong xã hội. Ngoài ra, tín dụng còn có vai trò là công cụ điều tiết kt - xh của Nhà nước; đồng thời còn có vai trò thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.	vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả. - Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.
---	---

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Hiểu về vai trò của tín dụng đối với đời sống.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người ở nhóm quyền về kinh tế, như quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh và yêu cầu học sinh thảo luận nội dung “*Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trả trước hoặc trả sau hay không*” để thể hiện việc thực hiện dịch vụ tín dụng một cách lành mạnh cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Hiểu về vai trò của tín dụng đối với đời sống.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đồng thời lồng ghép nội dung tích hợp Quyền con người để thực hiện nội dung tích hợp đạo đức lối sống. HS thảo luận nhóm: “Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trước - trả sau. Từ tình huống này giáo viên nhấn mạnh để học sinh hiểu được ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong tiêu dùng. Hoặc tổ chức trò chơi tài chính

Tạo tình huống: Giáo viên tạo ra một tình huống tài chính giả định, chẳng hạn như một người có thu nhập hàng tháng và cần quản lý chi tiêu và nợ nần.

Phân vai: Học sinh sẽ đóng vai người quản lý tài chính và đưa ra quyết định về việc sử dụng tín dụng và quản lý nợ nần.

Trò chơi: Học sinh sẽ chơi trò chơi và đưa ra quyết định, sau đó giáo viên sẽ cung cấp thông tin về kết quả của quyết định đó.

Thảo luận: Sau khi kết thúc trò chơi, học sinh sẽ thảo luận về kết quả và rút ra bài học về quản lý tín dụng và nợ nần.

Mục tiêu

Mục tiêu của cả phiên tòa giả định và trò chơi tài chính là giúp học sinh hiểu về tầm quan trọng của việc quản lý tín dụng và nợ nần một cách có trách nhiệm, cũng như hậu quả của việc thiếu trách nhiệm trong việc sử dụng tín dụng.

TIẾT 2

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- HS trả lời, góp ý.
- GV nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài

***Hoạt động: Luyện tập**

Bài tập 1: Em đồng tình/không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

a. Ý kiến này không đúng vì đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhượng quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định, không giao quyền sở hữu.

b. Ý kiến này không đúng vì đặc điểm của tín dụng là người vay phải trả đủ cả tiền vay (tiền gốc) lẫn lãi như đã thỏa thuận lúc cho vay.

c. Ý kiến này chưa thật đúng vì khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay là một cơ sở để người cho vay tin tưởng người vay nhưng như thế chưa đủ để ra quyết định cho vay mà thường phải dựa vào tài sản thế chấp hoặc những cơ sở tin tưởng khác.

d. Ý kiến này không đúng vì tuy khi cho vay có thể gặp rủi ro vì người vay có thể không trả nợ được đúng hạn nhưng cũng không nên giữ tiền mà không cho vay vì như vậy sẽ làm cho lượng tiền nhàn rỗi không vận động, trong khi rất nhiều người khác có nhu cầu cần tiền để sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Tuy nhiên, chỉ cho vay khi có cơ sở cho thấy người vay có khả năng chi trả đúng hạn.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tín dụng

Bài tập 2: Em hãy cho biết các nhân vật trong các tình huống sau đây nhận thức về vai trò và đặc điểm của tín dụng đúng hay sai? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS biết liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm. HS trả lời được nội dung đã yêu cầu

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức cho học sinh làm việc nhóm, cùng nghiên cứu 3 trường hợp sgk đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Bác M thể hiện sự nhận biết về vai trò của tín dụng chưa thật đúng. Tín dụng tạo điều kiện cho người dân vay vốn để sản xuất kinh doanh. Các thủ tục vay vốn được hướng dẫn cụ thể để người vay thực hiện. Vì vậy, cần mạnh dạn sử dụng dịch vụ tín dụng của ngân hàng nhưng cũng cần chú ý sử dụng vốn hiệu quả để có thể trả nợ được ngân hàng và tăng thêm thu nhập cho bản thân.

b. Không ít sinh viên đã lựa chọn để vay tiền từ quỹ tín dụng đen nhưng việc vay từ các quỹ tín dụng đen này rất nguy hiểm, tuy thủ tục đơn giản, dễ vay nhưng lãi suất rất cao, kèm theo điều kiện gấn với tài sản, nếu không trả đúng hạn sẽ bị nhiều bất lợi.

c. Hành vi này không đúng vì người vay không được phép để nghị gia hạn trả nợ mà phải thực hiện đúng như cam kết theo hợp đồng vay

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các quan hệ tín dụng

Bài tập 3: Em hãy cho biết các hoạt động tín dụng sau đã tác động như thế nào đến đời sống xã hội?

a) Mục tiêu. HS biết liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

b) Nội dung. GV cho HS tự nghiên cứu, sau đó mời HS phát biểu ý kiến, các HS khác nhận xét.

c) Sản phẩm. HS nhận biết và trả lời được nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv tổ chức cho hs làm việc cá nhân, nghiên cứu 3 trường hợp sgk đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc chỉ ra được một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả .

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Các tổ chức tín dụng đồng loạt tăng lãi suất cho vay: sẽ tác động đến người đi vay, các doanh nghiệp sẽ giảm bớt nhu cầu vay làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh bị thu hẹp hơn.

b. Việc các ngân hàng thương mại giảm lãi suất tiền gửi sẽ khiến người dân giảm lượng tiền mang đi gửi tiết kiệm tại ngân hàng, số tiền để chi tiêu sẽ nhiều hơn, kích thích sản xuất phát triển.

c. Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ nghèo để tổ chức kinh doanh sẽ góp phần xóa đói giảm nghèo, giúp cho sản xuất phát triển.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét phần trả lời của hs, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về sử dụng dịch vụ tín dụng

Bài tập 4: Em hãy xử lý tình huống sau.

a) Mục tiêu. HS biết liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

b) Nội dung. GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.

- GV hướng dẫn các nhóm đọc tình huống, xây dựng kịch bản, phân công vai diễn sau đó thể hiện đoạn kịch ngắn trước lớp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Chị B nên gửi tiền ở ngân hàng, không nên cho bà T vay vì việc cho người quen vay nhiều khi không có ràng buộc về pháp lý nên dễ gặp rủi ro khi bên vay không trả được nợ.

b. Nếu là H, em sẽ nói với mẹ rằng không nên vì lãi suất cho vay cao mà cho bà Y vay vì rủi ro rất cao, lỡ bà Y làm ăn thua lỗ hoặc vì mục đích khác không trả tiền vay thì có thể bị mất tiền.

c. Nếu là D, em sẽ khuyên mẹ nên vay tiền từ ngân hàng chính sách xã hội, sẽ được hưởng lãi suất thấp và thời gian hoàn trả dài. Trong quá trình học đại học và sau khi tốt nghiệp, em có thể kiếm việc làm để trả dần khoản vay đó.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi sử dụng dịch vụ tín dụng

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy tìm hiểu và viết bài về sự hỗ trợ của tín dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hay tiêu dùng trong đời sống xã hội và chia sẻ với các bạn.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tín dụng một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân

c) Sản phẩm.

Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS chọn một ví dụ về việc hỗ trợ của tín dụng đối với sản xuất kinh doanh hoặc tiêu dùng để viết bài. Ví dụ: nhờ được vay vốn mà hộ gia đình có thể phát triển chăn nuôi, trồng trọt, kinh doanh dịch vụ nào đó hay nhờ vay vốn tín dụng mà mua được nhà, mua được xe,...

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi sử dụng dịch vụ tín dụng

Bài tập 2: Em hãy viết một đoạn văn ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định: "Tín dụng là quan hệ vay mượn dựa trên chữ tín".

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tín dụng một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân

c) Sản phẩm.

Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS khai thác đặc điểm tín dụng dựa trên sự tin tưởng để phân tích câu nhận định trong SGK

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các hs khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn dịch vụ tín dụng./

TIẾT 26 – 27 – 28 – 29, BÀI 9

DỊCH VỤ TÍN DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng.
- Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.
- Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng.

2. Về năng lực

- *Năng lực chung:*

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các dịch vụ tín dụng.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sử dụng dịch vụ tín dụng.

- *Năng lực đặc thù:*

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dịch vụ tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các dịch vụ tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

+ Năng lực phát triển bản thân: Lựa chọn được dịch vụ tín dụng phù hợp đối với bản thân và gia đình.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức cho hs thực hiện

Bài tập thực hành: Lập kế hoạch vay và hoàn trả khoản vay nhỏ (ví dụ vay mua laptop học tập), kèm theo phân tích chi phí – lợi ích và cam kết đạo đức sử dụng tín dụng.- Thực hành trải nghiệm: Tổ chức phiên tòa giả định hoặc trò chơi tài chính với tình huống vỡ nợ vì tín dụng thiếu trách nhiệm.

Thảo luận nhóm: “Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trước – trả sau?” → HS trao đổi và đưa ra nguyên tắc cá nhân về sử dụng tín dụng đúng đắn, tiết kiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về dịch vụ tín dụng
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các dịch vụ tín dụng, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ của bản thân về trách nhiệm khi mỗi cá nhân thực hiện vay tiền

c) Sản phẩm. Học sinh chỉ ra được trách nhiệm của bản thân khi thực hiện vay tiền.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về việc phải có trách nhiệm khi vay tiền để khai thác trải nghiệm của HS về dịch vụ tín dụng, dẫn dắt các em tiếp cận đến nội dung bài học.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ vào vở, chia sẻ với các bạn xung quanh về nhiệm vụ được giao.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình:
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong cuộc sống không tránh khỏi có lúc cần một số tiền để chi cho một việc cần thiết mà bản thân không có hoặc không đủ tiền, do đó phải vay mượn người khác. Nếu được người nào đó cho vay, em cần cảm ơn họ và chi tiêu số tiền vay đúng mục đích đồng thời phải tìm cách trả lại số tiền đó đúng như đã hẹn. Trên thị trường có nhiều dịch vụ tín dụng khác nhau hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức,... giải quyết những vấn đề liên quan đến tiền vốn. Bài học này giúp em trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sử dụng những dịch vụ tín dụng chính thức, đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình mỗi khi tham gia các dịch vụ tín dụng. Chúng ta cùng vào **Bài 9: Dịch vụ tín dụng**.*

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

GV nhấn mạnh:

Trên thị trường có nhiều dịch vụ tín dụng khác nhau hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức,... giải quyết những vấn đề liên quan đến tiền vốn. Bài học này giúp em trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sử dụng những dịch vụ tín dụng chính thức, đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình mỗi khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của tín dụng ngân hàng

a) Mục tiêu. Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng ngân hàng.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được hoạt động tín dụng của ngân hàng D
- HS nêu được đặc điểm của tín dụng ngân hàng

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi: <i>1/ Em hãy cho biết hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện như thế nào?</i> <i>2/ Trong trường hợp trên, dịch vụ tín dụng của ngân hàng D đang gặp khó khăn gì? Nếu nhiều người vay vốn nhưng không trả nợ như đã cam kết thì điều gì sẽ xảy ra với ngân hàng D?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: <i>1/ Hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện: là người đi vay khi nhận những khoản tiền nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, đồng thời là người cho vay khi cung cấp vốn cho người vay để sản xuất kinh doanh, đầu tư, tiêu dùng,...</i> <i>2/ Tín dụng ngân hàng D đang bị nhiều doanh nghiệp là đối tác sử dụng vốn vay không thực hiện được nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và lãi cho ngân hàng khi đến hạn nên ngân hàng D đã gia hạn trả nợ thêm 6 tháng. Nếu nhiều người vay không trả nợ, ngân hàng sẽ bị thua lỗ và phá sản.</i> - Hs tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Tín dụng ngân hàng được hình thành dựa trên nguyên tắc nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh GV nhấn mạnh: Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn. - GV mở rộng kiến thức: + <i>Tín dụng ngân hàng là mối quan hệ tín dụng giữa ngân hàng (NH), các tổ chức tín dụng (TCTD) với các doanh nghiệp hay các cá nhân (bên đi vay). Trong đó, NH hay TCTD sẽ chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một thời gian nhất định, khi đến hạn, bên đi vay phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi cho TCTD.</i> + <i>Ưu điểm nổi bật của tín dụng ngân hàng:</i>	1. Tín dụng ngân hàng a. Đặc điểm của tín dụng ngân hàng - Theo nghĩa thông thường, tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn. - Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro

Hình thức phổ biến của tín dụng ngân hàng là cho vay tiền tệ, rất linh hoạt và đáp ứng đúng nhu cầu của mọi đối tượng trong nền kinh tế.
 Thỏa mãn gần như tối đa về vốn trong nền kinh tế.
 Thời hạn vay phong phú, có thể là ngắn hạn, trung hạn hay dài hạn đều được.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Một số hình thức tín dụng ngân hàng

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng ngân hàng; nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng ngân hàng.

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

- HS rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng ngân hàng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. Nhóm 1 + 2: Tìm hiểu hình thức tín dụng ngân hàng – Cho vay tín chấp. - Đọc trường hợp của anh S SGK tr.53 và trả lời câu hỏi: + Vì sao ngân hàng chấp nhận cho anh S vay tiền không cần tài sản bảo đảm? + Anh S có trách nhiệm gì khi vay tín chấp ở ngân hàng? → Rút ra kết luận: + Cho vay tín chấp là gì? + Nêu đặc điểm của cho vay tín chấp. + Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm gì? Nhóm 3 + 4: Tìm hiểu hình thức tín dụng ngân hàng – Cho vay thế chấp - Đọc trường hợp của chị N và trả lời câu hỏi: + Ngân hàng yêu cầu chị N phải đáp ứng những điều kiện gì để được vay thế chấp? + Theo em, chị N có trách nhiệm gì khi thực hiện vay thế chấp của ngân hàng? → Rút ra kết luận: + Cho vay thế chấp là gì? + Nêu đặc điểm của cho vay thế chấp. + Người vay có trách nhiệm gì khi vay thế chấp? Nhóm 5 + 6: Tìm hiểu hình thức tín dụng ngân hàng - Cho vay trả góp - Đọc trường hợp của anh H và trả lời câu hỏi: + Ngân hàng đã tiến hành cho anh H vay trả góp như thế nào? + Theo em, anh H có trách nhiệm gì khi vay trả góp của ngân hàng? + Hãy so sánh sự chênh lệch giữa thanh toán một lần và mua trả góp. → Rút ra kết luận: + Cho vay trả góp của ngân hàng là gì?	b) Một số hình thức tín dụng ngân hàng * Cho vay tín chấp - Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm. - Đặc điểm của cho vay tín chấp là: Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao. * Cho vay thế chấp - Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay. - Đặc điểm của vay thế chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Thủ tục vay phức tạp. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài. * Cho vay trả góp - Cho vay trả góp của ngân hàng là hoạt động ngân hàng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay. - Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.

+ *Nêu đặc điểm của cho vay trả góp.*

+ *Người vay có trách nhiệm gì khi cho vay trả góp?*

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.

- Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV gọi một số HS đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sgk đưa ra:

Biết phân biệt được sự giống và khác nhau ở mỗi hình thức tín dụng ngân hàng:

- Cho vay tín chấp

1/ Ngân hàng cho anh S vay tiền không cần tài sản thế chấp vì anh là công chức nhà nước có thu nhập ổn định, có lịch sử tín dụng tốt, nhu cầu vốn vay nhỏ.

2/ Khi vay tín chấp, anh S có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

- Cho vay thế chấp

1/ Ngân hàng yêu cầu chị N phải có tài sản thế chấp như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô,... có giá trị tương đương với lượng tiền cần vay để trong trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng chị sẽ phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đó để ngân hàng thanh lí thu hồi vốn.

2/ Khi vay thế chấp, chị N có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng xử lí tài sản thế chấp, thu hồi vốn.

- Cho vay trả góp

1/ Ngân hàng yêu cầu anh H sẽ trả dần theo các kì, thường sẽ là gốc cộng với lãi hằng tháng. Số tiền trả gốc mỗi tháng được thoả thuận sẽ chia đều theo số tháng vay, mức lãi 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

2/ Khi vay trả góp, anh H có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

3/ So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng ngân hàng

GV nhấn mạnh:

Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Khi vay thế chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp về ngân hàng thanh lý.

TIẾT 2**1. Ổn định lớp.**

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng thương mại**

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng thương mại; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng thương mại.

b) Nội dung. Hs cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. Hs nêu và ghi được vào vở khái niệm tín dụng thương mại.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt: <i>Tín dụng thương mại là thuật ngữ không hề xa lạ trong giới doanh nghiệp. Về bản chất, tín dụng phải được hiểu như thế nào? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua trường hợp dưới đây.</i> Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi 1/ Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại này là ai? Đối tượng giao dịch là gì? Cách sử dụng dịch vụ như thế nào? 2/ Tiện ích dịch vụ tín dụng thương mại mang lại cho người sử dụng là gì? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: <i>Biết phân biệt được sự giống và khác nhau ở mỗi hình thức tín dụng ngân hàng</i> - Cho vay tín chấp 1/ Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại là các doanh nghiệp có quan hệ hiểu biết lẫn nhau, đối tượng giao dịch là hàng hoá, dịch vụ. 2/ Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận,	2. Tín dụng thương mại Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ. - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng ngân hàng GV nhấn mạnh: Tín dụng thương mại là gắn liền với quan hệ giữa các doanh nghiệp, giữ vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội. - GV mở rộng kiến thức: + Một số khái niệm khác về tín dụng thương mại: Là một hình thức nợ ngắn hạn. Phát sinh từ doanh thu tín dụng và được coi là một khoản phải thu của người bán và khoản phải trả của người mua. Thực chất nó là một nguồn tài trợ ngắn hạn không cho vay mượn. Là nguồn ngân quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là do một nhà sản xuất cấp cho một hãng buôn, hãng phân phối hay bán lẻ. Hoặc do hãng bán buôn cấp cho người bán lẻ hoặc do nhà sản xuất hay hãng phân phối cấp cho một hãng tiêu dùng công nghiệp. + Ưu, nhược điểm của tín dụng thương mại: Ưu điểm : - Góp phần đẩy nhanh lưu thông hàng hóa và sản xuất. - Tham gia vào quá trình điều tiết vốn giữa các doanh nghiệp một cách trực tiếp. - Góp phần làm giảm khối lượng tiền mặt trong lưu thông, làm giảm chi phí lưu thông xã hội. Nhược điểm : - Về quy mô: lượng giá trị cho vay bị hạn chế, chỉ giới hạn trong khả năng vốn hàng hoá mà họ có. - Về thời gian: ngắn thường là dưới 1 năm. - Về điều kiện kinh doanh, chu kỳ sản xuất: Thời gian doanh nghiệp muốn bán chịu không phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp cần mua chịu thì tín dụng thương mại cũng không xảy ra. - Về phạm vi: bị hạn chế chỉ xảy ra giữa các doanh nghiệp với nhau, và phải quen biết và tin tưởng nhau. - Về sự phù hợp: Được cấp dưới hình thức hàng hoá.	
--	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng tiêu dùng

- a) Mục tiêu.** Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng tiêu dùng.
- b) Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm.** HS nêu và ghi được vào vở khái niệm, đặc điểm và một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng.
- d) Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt: <i>Tín dụng tiêu dùng ra đời cùng với sự phát triển của hệ thống ngân hàng. Đây là một hình thức khá phổ biến hiện nay đặc biệt là ở một số nước phát triển trên thế giới. Tuy nhiên hình thức này còn khá mới mẻ ở Việt Nam.</i> - GV chia HS thành các nhóm, đọc trường hợp của anh K SGK tr.55 và trả lời câu hỏi:	3. Tín dụng tiêu dùng a. Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng - Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá). - Đặc điểm: mục đích vay để tiêu dùng; nguồn

Hoạt động dịch vụ tín dụng tiêu dùng thể hiện thế nào? Hoạt động này có đặc điểm gì?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Hs đọc thông tin, làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo kết quả và thảo luận

Gv gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra:

- *Hoạt động dịch vụ tín dụng được thể hiện qua việc:*

+ *Anh K có thể sử dụng dịch vụ tín dụng cho vay tiêu dùng của các tổ chức tín dụng như ngân hàng thương mại hay công ty tài chính.*

+ *Anh có thể chứng minh khoản thu nhập hàng tháng hoặc kí kết với tổ chức tín dụng một hợp đồng vay tài sản.*

+ *Anh K sẽ được vay một khoản tiền để mua xe và đăng kí quyền sở hữu, sau đó thế chấp chính chiếc xe đó để đảm bảo khoản vay, tổ chức tín dụng giữ giấy tờ xe và giao cho anh văn bản xác nhận việc giữ giấy tờ xe, đồng thời giao xe cho anh sử dụng.*

Như vậy:

- *Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kt giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá/dịch vụ).*

- *Đặc điểm:*

+ *Mục đích vay để tiêu dùng, nguồn trả nợ là thu nhập của người vay, người vay là cá nhân, hộ gia đình.*

+ *Người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,...*

+ *Lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.*

- Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Tín dụng tiêu dùng được hình thành dựa trên quan hệ nào?*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật đặc điểm của tín dụng tiêu dùng

GV nhấn mạnh: TD tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kt giữa người cho vay là các tổ chức TD và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng

trả nợ là thu nhập của người vay; người vay là cá nhân, hộ gia đình; người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,...; lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng tiêu dùng; nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng tiêu dùng.

b) Nội dung. Hs cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi.

- HS rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng ngân hàng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hs làm việc nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sgk và trả lời câu hỏi.	b) Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng <i>* Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.</i> Cho vay trả góp là: tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải

Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.

Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra:

Nhóm 1, 2:

1/ Chị Y đã thương lượng với nhân viên tư vấn trả trước 40% số tiền mua xe, phần còn lại thông qua công ty tài chính liên kết với cửa hàng để trả góp. Dịch vụ cho vay trả góp là việc tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

2/ Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; tuy nhiên, quy định về thời gian trả hằng tháng và mức phạt cao nếu không trả đúng hạn nên người vay cần cân nhắc; tùy trường hợp cụ thể, công ty tài chính sẽ cho vay dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp.

3/ Khi vay trả góp, chị Y có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

4/ So với hình thức thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng chưa kể chi phí phát sinh nếu không thực hiện đúng thời hạn thanh toán hay trả hết tiền vay trước thời hạn. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

Nhóm 3, 4:

1/ Ngân hàng đã cung cấp thẻ tín dụng chi tiêu trước, trả sau cho chị C căn cứ vào mức lương hằng tháng của chị.

Thẻ tín dụng ngân hàng (Credit Card) là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Căn cứ vào tài chính và lịch sử tín dụng của chủ thẻ, ngân hàng cấp một số tiền cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hoá, dịch vụ và quy định hạn quyết toán cho khoản tiền đã chi trong một khoảng thời gian nhất định. Đến hạn quyết toán, chủ thẻ phải hoàn lại tiền đã chi cho ngân hàng, nếu không trả hết số tiền đã vay, khách hàng phải chịu lãi.

2/ Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân chị C: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng

tra cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.

**Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.*

Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành.

Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn.

Không nên đề nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

thời còn được hoàn lại một khoản tiền nhỏ theo giá trị hoá đơn mỗi khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không có được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn.

3/ Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chị C có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

- Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng tiêu dùng

GV nhấn mạnh: Khi sử dụng các dịch vụ này đòi hỏi chủ thẻ phải có trách nhiệm thực hiện đúng các cam kết với bên cho vay, tránh việc bị phạt cũng như không thực hiện đúng cam kết

TIẾT 3

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng nhà nước

a) **Mục tiêu.** Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng nhà nước.

b) **Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS giải thích được mục đích cũng như hình thức thể hiện trong thông tin trên; nêu được đặc điểm của tín dụng nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu mục đích và đặc điểm của tín dụng nhà nước được thể hiện trong thông tin trên.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs đọc thông tin, làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: + <i>Mục đích:</i> Góp phần xây dựng đất nước + <i>Hình thức:</i> Huy động thông qua việc phát hành công trái.... - Hs còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	4. Tín dụng nhà nước a. Đặc điểm của tín dụng nhà nước + Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của Nhà nước để xây dựng Tổ quốc và Nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững. + Đặc điểm: cho vay với lãi suất ưu đãi, theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của Nhà nước; lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật đặc điểm của tín dụng nhà nước GV nhấn mạnh: Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước	
---	--

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Một số dịch vụ tín dụng nhà nước

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng nhà nước; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng nhà nước

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra; rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hs cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung dịch vụ phát hành trái phiếu chính phủ.</i> <i>Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs đọc thông tin và thảo luận, làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: <i>Học sinh chỉ ra được những đặc điểm của phát hành trái phiếu chính phủ và cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội chủ thể là ai, đối tượng vay là ai, mục đích và thủ tục như thế nào</i> + <i>Đối với trái phiếu chính phủ: Ở nước ta, trái phiếu chính phủ do Bộ Tài chính phát hành dưới ba hình thức: tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc và công trái xây dựng Tổ quốc là phương thức nhà nước vay vốn cho ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng những công trình quan trọng, thiết yếu, thực hiện những chương trình, dự án phục vụ sản xuất, đời sống tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho đất nước. Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại nên đây là kênh đầu tư an toàn đối với những ai đang có tiền nhàn rỗi.</i> + <i>Đối với tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội</i> <i>Vì A là sinh viên chuẩn bị nhập học và gia đình thuộc diện khó khăn được ủy ban xác nhận</i> <i>Đại diện gia đình em phải đứng ra vay, chịu trách nhiệm trả nợ đồng thời phải là thành viên tổ tiết kiệm nơi cư trú để được tổ này xem xét đủ điều kiện vay, lập danh sách đề nghị vay</i>	b) Một số hình thức tín dụng nhà nước * Phát hành trái phiếu chính phủ + Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: Nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ. + Thời hạn của trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm. + Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán. + Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại. * Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.

vốn ở ngân hàng chính sách xã hội, gửi uỷ ban nhân dân xã xác nhận. Hồ sơ còn phải có giấy báo nhập học của trường. Hạn trả nợ bắt đầu khi ra trường và thời hạn hết trả nợ bằng số thời gian theo học.

- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng nhà nước

GV nhấn mạnh: Tín dụng nhà nước là kênh tín dụng quan trọng trong nền kinh tế vừa thực hiện mục tiêu quản lý vĩ mô nền kinh tế vừa góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng:**

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào nội dung: Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm

- Cách thức thực hiện: Giáo viên tổ chức cho HS thực hiện

Bài tập thực hành: Lập kế hoạch vay và hoàn trả khoản vay nhỏ (ví dụ vay mua laptop học tập), kèm theo phân tích chi phí – lợi ích và cam kết đạo đức sử dụng tín dụng.- Thực hành trải nghiệm: Tổ chức phiên tòa giả định hoặc trò chơi tài chính với tình huống vỡ nợ vì tín dụng thiếu trách nhiệm.

Thảo luận nhóm: “Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trước – trả sau?” → HS trao đổi và đưa ra nguyên tắc cá nhân về sử dụng tín dụng đúng đắn, tiết kiệm.

TIẾT 4

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Hoạt động 1: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy nhận xét việc thực hiện các dịch vụ tín dụng của các tổ chức tín dụng trong những trường hợp dưới đây:

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống những vấn đề liên quan đến các dịch vụ tín dụng; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến đề lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

a. Điều này đúng, khi làm thủ tục vay trả góp ngân hàng yêu cầu người vay để lại giấy chứng nhận quyền sở hữu sản phẩm mua như vật thế chấp.

b. Điều này đúng, khi làm thủ tục vay, đại diện gia đình phải đứng ra vay và chịu trách nhiệm với ngân hàng về khoản tiền vay.

c. Điều này đúng, vì số vốn đóng góp của chủ doanh nghiệp lớn sẽ khiến chủ doanh nghiệp trách nhiệm hơn với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như chứng tỏ được khả năng tài chính của chủ doanh nghiệp.

d. Điều này sai, vì việc đánh giá điểm tín dụng của người sử dụng tín dụng được đánh giá trên toàn hệ thống chứ không phải chỉ thực hiện với một số ngân hàng lớn.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tín dụng

Bài tập 2: Phân biệt các dịch vụ tín dụng

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng thực hiện 2 yêu cầu sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm. HS trả lời đúng nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm. Các nhóm cùng nghiên cứu 2 nội dung sách giáo khoa đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

+ *Cho vay tín chấp là việc cho vay dựa trên uy tín của người vay không cần có tài sản bảo đảm. Chỉ được vay số tiền ít, lãi suất cao hơn so với vay thế chấp. Vay tín chấp khi cần vay số tiền ít, nhanh chóng.*

+ *Vay thế chấp cần có tài sản bảo đảm, phải làm nhiều thủ tục, được vay số tiền lớn, lãi suất thấp hơn so với vay tín chấp.*

+ *Điểm khác biệt giữa tín dụng ngân hàng và tín dụng thương mại:*

1/ Chủ thể: ở tín dụng ngân hàng phải có một bên là ngân hàng, còn tín dụng thương mại giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp.

2/ Đối tượng giao dịch: Ở tín dụng ngân hàng đó là tiền, còn với tín dụng thương mại đó là hàng hoá.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các quan hệ tín dụng

Bài tập 3: Em hãy tìm hiểu việc sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống qua các trường hợp sau:

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b) Nội dung. GV yêu cầu các nhóm thảo luận hoặc có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung các tình huống trong SGK. Các nhóm thể hiện ý kiến của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

c) Sản phẩm. HS nhận biết và chỉ ra đúng nội dung đã yêu cầu.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm cá nhân

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc chỉ ra được một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả .

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Hiện nay, trên thực tế các ngân hàng có mức lãi suất huy động tiết kiệm khác nhau nhưng ngân hàng có lãi suất thấp hơn vẫn có người mang tiền đến gửi xuất phát từ đặc điểm của tín dụng ngân hàng đó là sự tin tưởng, tín nhiệm, tiện lợi. Ngân hàng có lãi suất cao nhất không có nghĩa đây là nơi gửi tiền an toàn nhất so với các ngân hàng khác, vì vậy N cần cân nhắc.

b. Khi thoả thuận với ngân hàng vay trả góp để mua nhà, vợ chồng chị Y muốn kéo dài thời gian trả góp để không có sức ép phải lo khoản tiền lớn để trả nợ hằng tháng. Điều này là sai lầm, càng kéo dài thời gian trả góp càng bất lợi vì giai đoạn cuối ngân hàng thường quy định mức lãi suất cao.

c. Mặc dù có đủ tiền để mua nhà nhưng vợ chồng chị Y vẫn chọn hình thức mua trả góp để dành ra một khoản tiền để kinh doanh. Đây là tình huống mở. Nếu việc kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận cao hơn so với khoản tiền lãi phải trả góp thì có thể chọn phương án này.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về mô hình sản xuất kinh doanh

Hoạt động 2: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn tham gia trải nghiệm tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (ví dụ: điện thoại, xe máy, máy vi tính,...) và cho biết các thủ tục cần có để thực hiện mua trả góp mặt hàng đó.

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học

b) **Nội dung.** HS thực hiện bài tập này theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết để mua trả góp mặt hàng đó.

c) **Sản phẩm.** Biết được quy trình mua hàng dựa trên một hình thức tín dụng cụ thể

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập này theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết để mua trả góp mặt hàng đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc ở nhà cùng nhau tìm hiểu

Báo cáo kết quả và thảo luận

GV bố trí thời gian để các HS có thời gian chia sẻ bài viết của mình. Hoặc GV yêu cầu HS chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các HS khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các hs hiểu hơn về việc sử dụng

Câu 2. Em hãy tìm hiểu, viết bài giới thiệu ý nghĩa của một loại công trái hoặc trái phiếu chính phủ mà em biết trong đời sống xã hội.

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ tín dụng.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chia sẻ ý nghĩa về một loại công trái chính phủ

c) **Sản phẩm.** Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về ý nghĩa của công trái đó

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS khai thác được ý nghĩa của một loại công trái cụ thể để từ đó viết bài về nội dung, mục đích và ý nghĩa ban hành công trái đó

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

GV bố trí thời gian để các HS có thời gian chia sẻ bài viết của mình. Hoặc GV yêu cầu HS chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các HS khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các HS hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh./

TIẾT 30 – 31 – 32 – 33, BÀI 10
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân; các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch tài chính cá nhân.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc quản lý tài chính cá nhân; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch tài chính cá nhân cho bản thân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác thực hiện việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

3. Về phẩm chất

Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Kiểm soát được tài chính cá nhân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức cho hs thực hiện

Tình huống phân tích: So sánh hai HS – một người tiêu dùng không kế hoạch, người còn lại biết kiểm soát chi tiêu → đánh giá tác động đến kết quả học tập, cuộc sống, các mối quan hệ.

+ Ghi nhật kí chi tiêu cá nhân: HS theo dõi chi tiêu thực tế trong một tuần, sau đó tự đánh giá và đề xuất điều chỉnh hành vi.

+ Thảo luận nhóm: “Tiết kiệm có phải là keo kiệt?” → giúp HS hiểu giá trị của tiêu dùng hợp lý gắn với tiết kiệm, chống lãng phí.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. Kiểm soát được tài chính cá nhân.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên yêu cầu học sinh lập kế hoạch theo dõi chi tiêu cá nhân trong một tuần, sau đó tự đánh giá và đề xuất điều chỉnh hành vi, so sánh 2 HS tiêu dùng có/không có kế hoạch và đánh giá tác động đến học tập, cuộc sống. Trên cơ sở đó giáo viên nhấn mạnh đến ý thức trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về kế hoạch tài chính cá nhân;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: mở đầu

- a) Mục tiêu.** Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề lập kế hoạch tài chính cá nhân, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.
- b) Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ của bản thân về HS chia sẻ suy nghĩ về việc chi tiêu có kế hoạch và chi tiêu không có kế hoạch
- c) Sản phẩm.** Học sinh chỉ ra được những việc làm thể hiện việc chi tiêu có kế hoạch và những việc làm thể hiện chi tiêu không có kế hoạch của bản thân hoặc người thân

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV đưa ra chủ đề: *Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về việc chi tiêu có kế hoạch và chi tiêu không có kế hoạch.*
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.
- Dẫn dắt HS tiếp cận đến nội dung bài học.

Thực hiện nhiệm vụ

Một đến hai HS lên chia sẻ:

- + *Chi tiêu có kế hoạch là một việc làm thông minh. Việc này sẽ giúp chúng ta chi tiêu hợp lý, tiết kiệm chi phí và để dành được tiền cho các sự việc phát sinh ngoài ý muốn, đầu tư sinh lời,...*
- + *Chi tiêu không hợp lý sẽ khiến tiền bạc cạn dần dù kiếm được nhiều đến bao nhiêu. Và dần đến một lúc nào đó, khi một việc phát sinh xảy ra mà yêu cầu cần tiền để giải quyết sẽ không thể làm được.*

- HS khác nhận xét

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

GV nhấn mạnh:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Mỗi chúng ta ai cũng sẽ phải giải quyết những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm....phần đầu cho các mục tiêu tài chính khác nhau và đối mặt với những rủi ro trong cuộc sống. Để thực hiện tốt được những vấn đề đó, kiểm soát được tình hình tài chính của bản thân và gia đình, mỗi người cần biết lập kế hoạch tài chính cá nhân. Bài học này sẽ giúp em biết được những kiến thức cơ bản về kế hoạch tài chính cá nhân, tầm quan trọng phải lập kế hoạch tài chính cá nhân và các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. Chúng ta cùng vào Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân.*

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân

- a) Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.
- b) Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm.**
- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra
 - HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt: + <i>Tại Việt Nam, vấn đề lập kế hoạch tài chính cá nhân chưa được đại đa số công chúng nhận thức và quan tâm đúng mức hay nói cách khác là “Được bữa nào xào bữa ấy”. Thực tại xã hội Việt Nam có rất nhiều cá nhân, gia đình thuộc dạng nghèo, mặc dù họ tự nhận thấy hiện tại có thể sống đủ. Tuy nhiên, đa số chỉ nhìn vào nhu cầu trước mắt chứ không phải là câu trả lời cho tương lai, thậm chí là tương lai gần.</i>	1. Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân - Tài chính cá nhân là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... của mỗi người. - Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.

+ Một kế hoạch tài chính cá nhân tốt cho phép chúng ta phát triển mà không có bất kỳ sự lãng phí và trì hoãn nào. Vậy tài chính cá nhân và kế hoạch tài chính cá nhân là gì?

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Những vấn đề tài chính cá nhân H phải giải quyết là gì?

2/ H đã có kế hoạch tài chính cá nhân để giải quyết các vấn đề đó như thế nào?

Thực hiện nhiệm vụ

Hs đọc thông tin, làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra:

1/ Những vấn đề tài chính cá nhân H phải quyết là: làm thế nào để cân đối thu chi với khoản tiền bố mẹ chu cấp và làm thế nào để có thể tiết kiệm được một số tiền để thực hiện những mục tiêu của cá nhân?

2/ H đã có kế hoạch tài chính như: học tốt để có học bổng, làm thêm, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

- Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Kế hoạch tài chính cá nhân cần đảm bảo các yêu cầu gì

Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân

GV nhấn mạnh: Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân có vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân, nó giúp chúng ta biết chi tiêu hợp lý, chủ động các công việc trong sinh hoạt

TIẾT 2

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các loại kế hoạch tài chính cá nhân

a) Mục tiêu. HS nêu được các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra.
- HS rút ra được đặc điểm của từng loại kế hoạch tài chính cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt: Trong cuộc sống, có nhiều loại kế hoạch tài chính khác nhau. Xét về thời gian thực hiện, có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Độ dài thời gian của các loại kế	2. Các loại kế hoạch cá nhân Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn + Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện

hoạch này cũng khác nhau tùy vào điều kiện cụ thể của mỗi người. Đối với lứa tuổi học sinh, thời gian phân định các loại kế hoạch này cũng ngắn hơn.

- HS cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sgk và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn:

+ Đọc câu chuyện kế hoạch tài của M và trả lời câu hỏi:

Kế hoạch tài chính cá nhân của M nhằm đạt mục tiêu gì?

Thời gian thực hiện bao lâu?

Cách thực hiện như thế nào?

+ Rút ra kết luận:

Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn là gì?

Nêu đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

Nhóm 3,4: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn:

+ Đọc câu chuyện của H và trả lời câu hỏi:

Kế hoạch tài chính của H trong 5 tháng tới nhằm thực hiện mục tiêu tài chính gì?

Thời gian thực hiện có đặc điểm gì khác so với kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn?

Cách thực hiện như thế nào?

+ Rút ra kết luận:

Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là gì?

Nêu đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.

Nhóm 5,6: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn:

+ Đọc câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

Kế hoạch tài chính cá nhân của M trong suốt năm học lớp 9 nhằm mục tiêu gì?

Thời gian thực hiện so với kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn có điểm gì khác biệt?

Cách thực hiện như thế nào?

+ Rút ra kết luận:

Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là gì?

Nêu đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.

- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra:

a) Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn

- Kế hoạch tài chính cá nhân của M nhằm mục tiêu tiết kiệm tiền để mua bộ vợt cầu lông làm món quà tặng em trai.

- Thời gian M thực hiện là 20 ngày.

- M thực hiện bằng cách tiết kiệm từ khoản tiền tiêu vặt mẹ cho và mỗi ngày phải tiết kiệm được 10.000 đồng.

Như vậy:

- Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn.

- Đặc điểm:

một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng).

+ Đặc điểm: mục tiêu ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ,...; thời gian thực hiện ngắn.

Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn

+ Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 - 6 tháng.

+ Đặc điểm: thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ... thời gian thực hiện từ 3 - 6 tháng.

Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn

+ Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên.

+ Đặc điểm: mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai, thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên, bao gồm kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn để từng bước đạt được mục tiêu dài hạn.

+ Mục tiêu ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ.

+ Thời gian thực hiện ngắn.

b) Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn

- Kế hoạch tài chính của H trong 5 tháng tới nhằm thực hiện mục tiêu về thăm gia đình.

- Thời gian thực hiện dài hơn so với kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

- Cách thực hiện của H là ghi chép cẩn thận các khoản thu chi, xem xét cắt giảm những khoản chi tiêu không cần thiết đồng thời nhận thêm công việc làm thêm theo giờ.

□ Như vậy:

+ Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 đến 6 tháng.

+ Đặc điểm:

+ Thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ.

+ Thời gian thực hiện từ 3 đến 6 tháng.

c) Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn

- Kế hoạch tài chính cá nhân của M: trong suốt năm học lớp tiết kiệm 1,5 triệu đồng để tham gia khóa học bồi dưỡng tiếng Anh trong dịp hè.

- Thời gian thực hiện dài hơn so với kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn và gồm nhiều mục tiêu ngắn hạn và trung hạn.

- M thực hiện bằng cách thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, tiết kiệm tiền từ các khoản mẹ cho hàng tháng. Ngoài ra M thực hiện mục tiêu trung hạn là nuôi 5 con gà xin được từ mẹ trong vòng 4 tháng.

Như vậy:

- Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn: bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm

thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên.

- Đặc điểm:

+ Mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai.

+ Thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên

- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của từng loại kế hoạch

GV nhấn mạnh:

Các kế hoạch này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, việc thực hiện tốt kế hoạch ngắn hạn là cơ sở để hoàn thành kế hoạch trung và dài hạn. Kế hoạch dài hạn muốn đạt được chúng ta phải hoàn thành các kế hoạch ngắn hạn.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

a) Mục tiêu. HS nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi:

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau
- HS rút ra được vai trò của lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt vấn đề: + <i>Hầu như không ai có thể dự đoán chính xác những gì sẽ xảy ra với mình trong tương lai. Tuy nhiên, chúng ta có thể chuẩn bị trước để đón đầu mọi thứ bằng mọi khả năng của bản thân.</i> + <i>Thông thường, những người có ý định lập kế hoạch tài chính sẽ vạch ra từng bước trong hàng chục năm tới với các mục tiêu tiết kiệm và đầu tư cụ thể. Số còn lại, không có kế hoạch chi tiết thường nghĩ rằng mọi thứ sẽ ổn nếu dành một ít tiền mỗi tháng cho việc nghỉ hưu. Tuy nhiên, nếu gặp phải những rủi ro bất ngờ, số tiền đó sẽ không thể nào đảm bảo cho chúng ta.</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc câu chuyện của H SGK tr.và trả lời câu hỏi: <i>1/ Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân đã giúp H rèn luyện được kĩ năng chi tiêu để đảm bảo cuộc sống như thế nào?</i> + <i>H đã tự chủ trong cuộc sống ra sao và được bạn bè tôn trọng như thế nào?</i> <i>2/ Việc không có kế hoạch tài chính cá nhân đã mang lại những hậu quả gì cho Q?</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: <i>Nêu tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi gv đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: - Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân đã giúp H rèn luyện được kĩ năng chi tiêu để đảm bảo cuộc sống: chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không thâm hụt, nợ nần mà còn có tiền tiết kiệm. - H đã tự chủ trong cuộc sống: + Tự tính toán, cân nhắc chi phí thiết. + <i>Nắm rõ tình hình tài chính cá nhân để điều chỉnh cho phù hợp.</i> H đã được Q nhắc nhở và noi theo việc xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân. <i>Việc không có kế hoạch đã khiến Q chi tiêu không hợp lý. Như vậy: Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người:</i> + <i>Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập.</i> + <i>Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp.</i> + <i>Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các</i>	3. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người: + Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập. + Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp. + Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống. + Được mọi người tôn trọng, quý mến.

mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống.

+ Được mọi người tôn trọng, quý mến.

- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

GV nhấn mạnh:

Cá nhân không có kế hoạch tài chính cá nhân sẽ luôn luôn bị động trong quá trình chi tiêu, cũng như rất khó đạt được những mục tiêu đề ra.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Kiểm soát được tài chính cá nhân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức cho hs thực hiện

Tình huống phân tích: So sánh hai HS – một người tiêu dùng không kế hoạch, người còn lại biết kiểm soát chi tiêu → đánh giá tác động đến kết quả học tập, cuộc sống, các mối quan hệ.

+ Ghi nhật kí chi tiêu cá nhân: HS theo dõi chi tiêu thực tế trong một tuần, sau đó tự đánh giá và đề xuất điều chỉnh hành vi.

+ Thảo luận nhóm: “Tiết kiệm có phải là keo kiệt?” → giúp HS hiểu giá trị của tiêu dùng hợp lý gắn với tiết kiệm, chống lãng phí.

TIẾT 3

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

a) **Mục tiêu.** HS biết các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) **Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau thực hành lập kế hoạch tài chính cá nhân của nhóm mình qua 4 bước cụ thể

c) **Sản phẩm.** HS xác định được các bước, yêu cầu của từng bước để lập được kế hoạch tài chính cá nhân

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: - GV dẫn dắt: Để lập được kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện kế hoạch này, cần thực hiện 4 bước cơ bản : <i>Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện</i> <i>Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân</i> <i>Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân</i> <i>Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân</i> - GV chia HS thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận xuyên suốt các nội dung từ Bước 1 đến Bước 4. - GV hướng dẫn các nhóm đọc câu chuyện của M trong SGK tr.64 và trả lời câu hỏi :	4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân <i>Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện</i> + Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. Nó có thể liên quan đến những mong muốn cân đối chi tiêu, tiết kiệm, kiếm tiền tăng thu nhập,... <i>Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân</i> + Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu - chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu (những thứ em cần) và những khoản không thiết yếu (những thứ em muốn) để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép.

+ Trong một năm học phải xa nhà, M đã xác định các mục tiêu tài chính cần thực hiện là gì? Thời gian thực hiện các mục tiêu đó trong bao lâu?

+ Theo em, việc xác định mục tiêu tài chính đó có ý nghĩa như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận:

+ Mục tiêu tài chính là gì ?

+ Để xác định mục tiêu tài chính, chúng ta cần làm gì?

- GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

+ M đã làm thế nào để theo dõi và kiểm soát được thu chi tài chính của mình?

+ Theo em, việc theo dõi và kiểm soát thu chi có vai trò thế nào trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận:

+ Theo dõi và kiểm soát thu chi là bước đi quan trọng để có căn cứ xác định các định mức cho các khoản chi khi phân bổ tài chính, kiểm soát được việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đã đề ra.

+ Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu và những khoản không thiết yếu để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép.

+ Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu.

- GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

+ M đã thiết lập quy tắc thu chi cá nhân như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

+ Theo em, việc thiết lập quy tắc thu chi cá nhân có ý nghĩa như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- GV nhận xét: Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả kế hoạch

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: *Nêu một số quy tắc thu chi cá nhân.*

- GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

+ M đã thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào?

+ Theo em, việc tuân thủ thực hiện theo kế hoạch tài chính đã đề ra có ý nghĩa như thế nào?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: *Em cần phải làm gì để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân?*

=> GV chốt lại:

+ Với những người mới bắt đầu quản lý tài chính cá nhân sẽ còn khá bỡ ngỡ. Chúng ta sẽ phải làm quen với nhiều khoản, mục liên quan đến việc này.

+ Tuy nhiên, mỗi người cần lên kế hoạch tài chính ngay từ bây giờ để không gặp phải vấn đề thiếu hụt nguồn tiền, cân đối trong thu - chi và đạt được sự thịnh vượng về kinh tế.

Thực hiện nhiệm vụ

Nếu chi vượt quá mức phải nhanh chóng có phương án điều chỉnh, để cân đối.

Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

+ Đó là các quy tắc: đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi và có tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu, tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

+ Nếu có những khoản chi đột xuất cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.

Học sinh đọc thông tin và làm việc theo nhóm.

Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cử đại diện trình bày:

Nhóm 1: Bước 1: Xác định mục đích tài chính và thời gian thực hiện

- Trong thời gian một năm học phải xa nhà, M đã xác định:
+ Cân đối thu chi từng tháng sao cho không vượt quá số tiền cho phép.

+ Tiết kiệm trong 3 tháng được 400.000 đồng để mừng tuổi ông bà, bố mẹ.

+ Tiết kiệm trong 9 tháng được 800.000 đồng để mua xe đạp mới khi kết thúc năm học.

□ Việc xác định các mục tiêu tài chính giúp cho M có động lực và định hướng rõ ràng trong việc xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân.

Như vậy:

- *Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân.*

- *Để xác định mục tiêu tài chính, cần:*

+ *Đánh giá năng lực tài chính của cá nhân.*

+ *Nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống.*

+ *Xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cân nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được.*

Nhóm 2: Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân

- M đã theo dõi và kiểm soát thu chi tài chính của mình bằng cách ghi chép lại đầy đủ các khoản thu chi và đặc biệt là các khoản chi tiêu. M đã tách ra những khoản chi thiết yếu và không thiết yếu.

Đây là căn cứ để xác định các định mức cho các khoản chi khi phân bổ tài chính đồng thời kiểm soát được việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đề ra.

Nhóm 3: Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

- M đã thiết lập quy tắc thu chi cá nhân là 80/13/7 thu nhập hàng tháng. Trong đó có quy tắc tiết kiệm chủ yếu dựa trên tiết giảm các khoản chi tiêu không thiết yếu, không cắt giảm các khoản chi tiêu thiết yếu gây ảnh hưởng tới sức khỏe và kết quả học tập.

□ Giúp thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đề ra, có hướng đi chính xác và phù hợp nhất để đạt được mục tiêu.

Như vậy, *một số quy tắc thu chi cá nhân:*

+ *Đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi.*

+ *Tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu.*

+ *Tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập.*

Nhóm 4: Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

- Để thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân, M đã:

+ Quyết tâm làm theo kế hoạch đề ra.

+ Cập nhập và điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp. Việc tuân thủ thực hiện theo kế hoạch tài chính đã đề ra có ý nghĩa: đạt được mục tiêu đề ra, trở thành người sống tiết kiệm và có nguyên tắc hơn,... Như vậy, để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân chúng ta cần: + Thực hiện đúng các định mức chi tiêu đã đề ra trong kế hoạch. + Nếu có những khoản chi đột xuất, cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. + Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế. - Các HS còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề cần lưu ý khi thực hiện từng bước GV nhấn mạnh: Bước 1 cần lưu ý: Để xác định mục tiêu tài chính, cần đánh giá năng lực tài chính của cá nhân, nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống, từ đó xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cân nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được. Bước 2 cần lưu ý: Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu: Không vì mục tiêu tiết kiệm cũng như mục tiêu cân đối thu chi mà cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện học tập. Không vì theo đuổi mục tiêu Idem tiền tăng thu nhập mà quên mục tiêu quan trọng nhất là phải học tập tốt. Bước 3 cần lưu ý: Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của kế hoạch Bước 4 cần lưu ý: Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân, cần tuân thủ thực hiện đúng các định mức chi tiêu như đã đề ra trong kế hoạch	
---	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy cho biết những ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) **Mục tiêu.** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) **Sản phẩm.** HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

d) **Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

- a. Sai, vì mục tiêu lập kế hoạch tài chính cá nhân trước hết là cân đối thu chi, trên cơ sở đó thực hiện được mục tiêu tiết kiệm.
- b. Sai, vì lập kế hoạch tài chính cá nhân nhiều khi không đặt ra mục tiêu tăng thu nhập mà chủ yếu là cân đối thu chi và tiết kiệm.
- c. Đúng, vì nếu có thói quen lập kế hoạch tài chính cá nhân thì sẽ rèn luyện được thói quen chi tiêu đúng mức, có phương án tiết kiệm để dự phòng cho tương lai.
- d. Đúng, vì lập kế hoạch tài chính cá nhân nghĩa là luôn có phương án cân đối thu chi, kiểm soát chi tiêu và tiết kiệm, đó là những biện pháp bảo vệ tài chính của mỗi người.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tài chính cá nhân.

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của các nhân vật trong các trường hợp dưới đây?

- a) **Mục tiêu.** HS liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- b) **Nội dung.** HS đọc từng trường hợp trong SGK, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu nhận xét của mình về hành vi của các nhân vật
- c) **Sản phẩm.** HS chỉ ra đúng nội dung câu hỏi đã nêu
- d) **Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS đọc từng trường hợp trong SGK, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu nhận xét của mình về hành vi của các nhân vật

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

- a. Việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của K là chưa đúng, vì phạm nguyên tắc chi tiêu vì cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe.
- b. Đây là một biểu hiện tiêu cực vì không chỉ lập kế hoạch mà quan trọng hơn là phải thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân.
- c. Đây là một thói quen tốt vì làm như vậy sẽ xác định chính xác những thứ cần mua, tránh được việc chi tiêu tùy tiện, vừa tiết kiệm thời gian mua sắm.
- d. Đây là thói quen tốt, luôn lên kế hoạch cho mọi khoản chi tiêu sẽ kiểm soát tài chính tốt.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân

Bài tập 3: Em hãy cùng các bạn thảo luận các chủ đề sau:

- a) **Mục tiêu.** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- b) **Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lần lượt các chủ đề:

c) Sản phẩm.

HS nhận biết và chỉ ra được những việc cần làm nhằm thực hiện tốt được kế hoạch tài chính của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lần lượt các chủ đề:

- a. Tiết kiệm chi tiêu nhưng vẫn bảo đảm tốt cuộc sống.
- b. Thực hiện tiêu dùng thông minh để thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân.
- Tùy theo thời gian, GV cho HS thảo luận cả hai chủ đề, nếu không có thể chọn một trong hai chủ đề để thảo luận.

GV gợi ý cho HS suy nghĩ về những quy tắc trong chi tiêu và tiết kiệm, đặc biệt là quy tắc chi tiêu tiết kiệm bằng việc cắt giảm những khoản chi tiêu không thực sự thiết yếu. Ngoài ra còn có những biện pháp tiêu dùng

thông minh đảm bảo được nhu cầu thiết yếu nhưng vẫn tiết kiệm được tiền ví dụ như: mua hàng khuyến mại như thế nào? Lựa chọn mua sản phẩm tồn ít nhiên liệu? Lựa chọn mua quần áo như thế nào để có thể kết hợp với nhau?...

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Kết luận, nhận định.

Thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân sẽ thực hiện được điều này. Phải liệt kê những thứ rất cần cho cuộc sống như thức ăn, nước uống, điện, phương tiện đi lại,... cân nhắc để mua sắm những thứ cần thiết này với chất lượng và giá cả phải chăng, phù hợp với túi tiền. Hơn nữa, phải sử dụng những vật dụng thiết yếu một cách tiết kiệm, hiệu quả,...

Bài tập 4: Em hãy xử lý tình huống sau?

a) Mục tiêu. HS biết liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được một số nội dung theo yêu cầu của đề bài.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.
- GV hướng dẫn các nhóm đọc tình huống, xây dựng kịch bản, phân công vai diễn sau đó thể hiện đoạn kịch ngắn trước lớp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời:

a. Em sẽ nói với V về việc HS có kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện kế hoạch này sẽ không ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn giúp mình rèn luyện được thói quen chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm, làm chủ được tài chính của mình, rất có lợi không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai. Với những bạn có hoàn cảnh khó khăn thì càng cần phải rèn luyện kỹ năng này để giảm bớt gánh nặng tài chính cho bố mẹ, người thân.

b. Ngay lập tức, em sẽ lập kế hoạch chi tiêu cho 6 ngày tiếp theo với số tiền còn lại là 500 000 đồng. Như vậy mỗi ngày hai anh em chỉ được chi 84 000 đồng. Cần đưa ra các phương án chi tiêu khác nhau với số tiền này để duy trì mức sinh hoạt cần thiết cho cả hai anh em. Ví dụ: mỗi anh em ăn sáng hết 10 000 đồng, đi chợ mua thức ăn về tự nấu cơm ở nhà mất 50 000 đồng,... còn lại 14 000 đồng để chi cho những khoản khác.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy viết bài kể về một trường hợp chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống và bài học rút ra cho bản thân.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS viết về một trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào nội dung: Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. Kiểm soát được tài chính cá nhân.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên yêu cầu học sinh lập kế hoạch theo dõi chi tiêu cá nhân trong một tuần, sau đó tự đánh giá và đề xuất điều chỉnh hành vi, so sánh 2 HS tiêu dùng có/ không có kế hoạch và đánh giá tác động đến học tập, cuộc sống. Trên cơ sở đó giáo viên nhấn mạnh đến ý thức trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng

Để lập kế hoạch theo dõi chi tiêu cá nhân trong một tuần và tự đánh giá, đề xuất điều chỉnh hành vi, bạn có thể thực hiện các bước sau:

Bước 1: Lập kế hoạch theo dõi chi tiêu

Xác định mục tiêu: Bạn muốn theo dõi chi tiêu để làm gì? (Ví dụ: tiết kiệm tiền, giảm chi tiêu không cần thiết,...)

Chọn phương pháp theo dõi: Sử dụng sổ tay, ứng dụng trên điện thoại hoặc bảng tính trên máy tính để ghi chép chi tiêu.

Phân loại chi tiêu: Chia chi tiêu thành các loại như ăn uống, giao thông, giải trí, mua sắm,...

Bước 2: Theo dõi chi tiêu trong một tuần

Ghi chép chi tiêu hàng ngày: Viết xuống mọi khoản chi tiêu, dù nhỏ nhất.

Cập nhật thường xuyên: Đảm bảo cập nhật thông tin chi tiêu mỗi ngày.

Bước 3: Đánh giá

Tổng hợp chi tiêu: Tính tổng chi tiêu cho từng loại và toàn bộ chi tiêu trong tuần.

So sánh với mục tiêu: Xem xét liệu bạn đã đạt được mục tiêu đề ra hay chưa.

Phân tích chi tiêu: Xác định những khoản chi tiêu không cần thiết hoặc có thể cắt giảm.

Bước 4: Đề xuất điều chỉnh hành vi

Xác định các điều chỉnh: Dựa trên phân tích, đề xuất những thay đổi trong hành vi chi tiêu.

Lập kế hoạch hành động: Đề ra các bước cụ thể để thực hiện điều chỉnh, như giảm chi tiêu cho ăn ngoài hoặc tìm cách tiết kiệm tiền giao thông.

Theo dõi tiến độ: Tiếp tục theo dõi chi tiêu và đánh giá tiến độ sau mỗi tuần để đảm bảo bạn đang đi đúng hướng.

Ví dụ về kế hoạch

Mục tiêu: Tiết kiệm 500,000 đồng trong tuần bằng cách giảm chi tiêu cho ăn ngoài.

Phương pháp theo dõi: Sử dụng ứng dụng quản lý chi tiêu.

Phân loại: Ăn uống, giao thông, giải trí.

Điều chỉnh hành vi: Nấu ăn tại nhà thay vì ăn ngoài 3 lần/tuần, sử dụng phương tiện công cộng thay vì taxi.

Bằng cách thực hiện các bước trên, bạn sẽ có một kế hoạch cụ thể để theo dõi và điều chỉnh chi tiêu cá nhân hiệu quả.

c) Sản phẩm. Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS viết về một trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống.

GV giới hạn bài viết trong một trang, quy định thời gian nộp bài viết.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định.

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về kế hoạch tài chính cá nhân.

Bài tập 2: Giả định em có mục tiêu tài chính tiết kiệm được 200 000 đồng trong một tháng. Hãy lập kế hoạch tài chính cá nhân để thực hiện mục tiêu này và chia sẻ với các bạn.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS đưa ra kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm 200 000 đồng trong một tháng:

c) Sản phẩm. Bài viết của học sinh, đó là dự kiến các nội dung để thực hiện mục tiêu tiết kiệm

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS đưa ra kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm 200 000 đồng trong một tháng:

- Xác định thời gian thực hiện trong bao lâu?
- Cách thực hiện tiết kiệm như thế nào?
- Chú ý không được cắt giảm những khoản chi thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh./

TIẾT 34 ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Về mục tiêu:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 10; đặc biệt từ 7 đến bài 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.
- Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,
- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực cần hướng tới :

- Năng lực chung:

- + *Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra
- + *Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- + *Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được n.vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong học kỳ 1

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhANH tay nHANH mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 5

c) Sản phẩm: Hs trả lời được các câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “*nhANH tay nHANH mắt*”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm

- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày

- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của HS đối với đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy để củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu: HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 5

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài

- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung: GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Câu 1: Mô hình kinh tế nào dưới đây dựa trên hình thức đồng sở hữu, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Công ty hợp danh
- B. Hộ kinh doanh.
- C. Hộ gia đình.
- D. Hợp tác xã.

Câu 2: Một công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn Nhà nước, công ty muốn thay đổi mô hình nhưng muốn giữ chữ Nhà nước thì công ty cần

- A. nhà nước cấp vốn 50% để hoạt động
- B. giữ lại đủ 100% vốn Nhà nước.
- C. giữ lại tối thiểu 51% vốn Nhà nước.
- D. không cần giữ lại vốn Nhà nước.

Câu 3: Chủ thể mô hình hộ sản xuất kinh doanh là công dân Việt Nam, do một cá nhân hoặc một

- A. tổng công ty.
- B. tập đoàn.
- C. pháp nhân.
- D. nhóm người.

Câu 4: Quá trình con người sử dụng sức lao động, vốn, kỹ thuật, tài nguyên thiên nhiên để tạo ra hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho thị trường và thu được lợi nhuận được gọi là hoạt động

- A. lao động nghệ thuật.
- B. chính trị - xã hội.
- C. thực nghiệm khoa học.
- D. sản xuất kinh doanh.

Câu 5: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp là có tính

- A. tổ chức.
- B. phi lợi nhuận.
- C. tính nhân đạo.
- D. tự phát.

Câu 6: Một trong những đặc điểm của tín dụng là

- A. tính vĩnh viễn.
- B. tính bắt buộc.
- C. tính phổ biến.
- D. dựa trên sự tin tưởng.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của tín dụng?

- A. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- B. Hạn chế bớt tiêu dùng
- C. Tăng vòng quay của vốn, tiết kiệm tiền mặt trong lưu thông.
- D. Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Câu 8: Trong quá trình cho vay có sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng được gọi là gì ?

- A. Tiền dịch vụ.
- B. Tiền lãi.
- C. Tiền gốc.
- D. Tiền phát sinh.

Câu 9: Tín dụng **không** có vai trò nào dưới đây?

- A. Tín dụng là công cụ thúc đẩy sự lưu thông của hàng hoá và tiền tệ.
- B. Tín dụng là công cụ giúp thúc đẩy kinh doanh, đầu tư sinh lời.
- C. Tín dụng làm gia tăng mối quan hệ chủ nợ - con nợ trong xã hội.
- D. Tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.

Câu 10: Theo quy định của pháp luật những tổ chức nào sau đây được phép cấp tín dụng?

- A. Kho bạc
- B. Chi cục thuế
- C. Các ngân hàng thương mại
- D. Tiệm cầm đồ

Câu 11: Một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp được thực hiện là người vay phải có

A. đầy đủ quan hệ nhân thân.

B. tài sản đảm bảo.

C. địa vị chính trị.

D. tư cách pháp nhân.

Câu 12: Chủ thể cho vay của tín dụng nhà nước đó là

A. người nước ngoài.

B. doanh nghiệp.

C. người dân.

D. nhà nước.

Câu 13: Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?

A. Tín dụng nhà nước.

B. Tín dụng ngân hàng.

C. Tín dụng thương mại.

D. Tín dụng tiêu dùng.

Câu 14: Một trong những ưu điểm khi thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp là

A. không cần hồ sơ thủ tục.

B. số tiền được vay thường lớn.

C. thủ tục đơn giản.

D. dựa vào sở thích của người vay.

Câu 15: Cho vay tín chấp dựa vào đặc điểm nào của người vay?

A. Uy tín của người vay và có tài sản đảm bảo.

B. Uy tín của người vay và không cần tài sản đảm bảo.

C. Có tài sản đảm bảo.

D. Là công chức, viên chức nhà nước.

Câu 16: Việc không xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính sẽ khiến mỗi người

A. được người khác tôn trọng.

B. duy trì tài chính lành mạnh.

C. chi tiêu hoang phí và không kiểm soát

D. chủ động tính toán chi tiêu

Câu 17: Toàn bộ những vấn đề liên quan đến thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư... của mỗi người được gọi là

A. tài chính doanh nghiệp.

B. tài chính gia đình.

C. tài chính thương mại.

D. tài chính cá nhân.

Câu 18: Bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân được gọi là

A. Kế hoạch tài chính gia đình.

B. Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

C. Kế hoạch tài chính cá nhân

D. Kế hoạch phân bổ ngân sách.

Câu 19: Nội dung nào sau đây không phải đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn?

A. Thực hiện mục tiêu ngắn hạn và trung hạn.

B. Mục tiêu thường là khoản tiền lớn.

C. Thời gian thực hiện dưới 6 tháng.

D. Thời gian thực hiện trên 6 tháng.

Câu 20: Lập kế hoạch tài chính để xây dựng nguồn tiền tiết kiệm không bao gồm khoản thu nào sau đây?

A. Tiền lương.

B. Tiền làm thêm.

C. Tiền được chu cấp.

D. Tiền mượn nợ.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở

- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quanh về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra cuối kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra

- Hình thức kiểm tra

- Thời gian kiểm tra

- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân./

TIẾT 35

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

a. Kiến thức

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

c. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

b. Phẩm chất

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Ngân sách nhà nước

Bài 6: Thuế

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kiểm tra tập trung tại lớp
- Kiểm tra theo hình thức: Trắc nghiệm kết hợp với tự luận
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả
- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề (đề 1 và đề 2)

MA TRẬN THEO CÁC NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA MÔN GDKT&PL

TT	Chủ đề	Bài	Năng lực đặc thù môn GDKT&PL									Tổng lệnh hỏi
			Điều chỉnh hành vi			Phát triển bản thân			Tìm hiểu và tham gia			
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
			Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	

1	Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	1							1		2
2		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	1							1		2
3			1							1	1	3
4	Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 3: Thị trường	2	1			1					4
5		Bài 4: Cơ chế thị trường	1									1
6	Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế	Bài 5: Ngân sách nhà nước	2							1	1	4
7		Bài 6: Thuế	1			1	1			1		4
8	Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	2									2
9	Chủ đề 5: Tín dụng các cách sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống				1	1	1			1	4
10		Bài 9: Dịch vụ tín dụng				1	1					2
11	Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	1							1		2
12	Tổng lệnh hỏi		12	1	0	3	4	1	0	6	3	30

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1
THEO CÁC NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA MÔN GDKT&PL**

TT	Chủ đề	Bài		Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Chủ đề 1: Nền kinh tế	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ	Nhận biết Nêu được khái niệm hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng	1	0	0

	và các chủ thể của nền kinh tế	bản trong đời sống xã hội	Thông hiểu Chỉ ra được những biểu hiện của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng, Lý giải được mối liên hệ giữa các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội	0	0	1
			Vận dụng Chỉ ra được những hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng đang diễn ra trong thực tiễn Xác định được những việc làm cụ thể của bản thân để tham gia hiệu quả vào các hoạt động của nền kinh tế	0	0	0
2		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Nhận biết Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế	1	0	0
			Thông hiểu Chỉ ra được vai trò, vị trí của các chủ thể trong nền kinh tế	0	0	1
			Vận dụng Xác định được những việc làm cụ thể của bản thân và gia đình khi tham gia vào từng chủ thể của nền kinh tế. Đánh giá được việc tham gia vào các chủ thể của nền Áp dụng được vai trò vị trí của từng chủ thể kinh tế để thực hiện các hoạt động kinh tế phù hợp mang lại hiệu quả và thu nhập Tham gia một cách chủ động tích cực và các chủ thể của nền kinh tế một cách phù hợp	0	0	0
3	Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 3: Thị trường	Nhận biết: Nêu được khái niệm thị trường, Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường	1	0	0
			Thông hiểu: Phân tích, lý giải được các yếu tố cấu thành thị trường. Chỉ ra được các căn cứ để phân chia các loại thị trường Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện các chức năng của thị trường cũng như sự vận các chức năng này bằng những hoạt động kinh tế cụ thể	0	0	1
			Vận dụng: Qua các trường hợp, hoạt động kinh tế cụ thể, chỉ ra được các cách giải quyết đúng thể hiện sự vận dụng các chức năng của thị trường để giải quyết các vấn đề kinh tế cụ thể	0	0	1
4		Bài 4: Cơ chế thị trường	Nhận biết: Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường, khái niệm, chức năng của giá cả thị trường,	2	0	0

			Thông hiểu: Phân tích, lý giải được tính hai mặt của cơ chế thị trường. Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện sự vận dụng ưu điểm và khắc phục hạn chế của cơ chế thị trường. Nêu được một số trường hợp cụ thể mà các chủ thể kinh tế vận dụng các chức năng của giá cả thị trường	1	1	0
			Vận dụng: Qua các trường hợp, hoạt động kinh tế cụ thể, chỉ ra được các cách giải quyết đúng thể hiện sự vận dụng các chức năng của giá cả thị trường để giải quyết các vấn đề kinh tế cụ thể	0	0	0
5	Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế	Bài 5: Ngân sách nhà nước	Nhận biết: Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước, đặc điểm, vai trò của ngân sách nhà nước Nêu được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện ngân sách nhà nước	1	0	0
			Thông hiểu: Chỉ ra được các khoản thu chi cấu thành ngân sách nhà nước. Phân tích được mục đích của việc thu chi ngân sách nhà nước. Nêu được một số ví dụ thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước	0	0	0
			Vận dụng: Chỉ ra được các hành vi, việc làm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ngân sách Đồng tình ủng hộ những việc làm đúng, phê phán đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách	0	0	0
6		Bài 6: Thuế	Nhận biết: Nêu được khái niệm thuế là gì, một số loại thuế ở nước ta hiện nay. Nêu được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế	2	0	0
			Thông hiểu: Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế. Nêu được một số ví dụ thể hiện công dân phản ánh việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế	0	0	1
			Vận dụng:	0	0	1

			Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức trong việc thực hiện pháp luật về thuế Đồng tình ủng hộ những việc làm đúng, phê phán đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về thuế			
7	Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Nhận biết: Nêu được khái niệm sản xuất kinh doanh. Chỉ ra được những vai trò cơ bản của sản xuất kinh doanh.	1	1	0
			Thông hiểu: Tìm hiểu, đánh giá và tham gia vào một số hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân.	0	1	1
			Vận dụng: Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức trong việc thực hiện pháp luật về sản xuất kinh doanh Có trách nhiệm trong việc tạo dựng và chuẩn bị nghề nghiệp cho bản thân thông qua việc lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp cho bản thân và gia đình	0	0	0
8	Chủ đề 5: Tín dụng các cách sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	Nhận biết Nêu được khái niệm tín dụng là gì Chỉ ra được những đặc điểm của tín dụng Hiểu được vai trò của tín dụng	2	0	0
			Thông hiểu Liệt kê được những biểu hiện của tín dụng được thể hiện trong đời sống	0	0	0
			Vận dụng Biết đánh giá được những việc làm của bản thân, gia đình và người khác trong việc sử dụng các loại tín dụng một cách hiệu quả nhất.	0	0	0
9	Chủ đề 6: Tín dụng các cách sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống	Bài 9: Dịch vụ tín dụng	Nhận biết Nêu được khái niệm một số dịch vụ tín dụng Chỉ ra được những đặc điểm cơ bản của một số dịch vụ tín dụng	0	1	0
			Thông hiểu Tìm hiểu được các điều kiện để có thể tham gia và sử dụng một số dịch vụ tín dụng hiệu quả	0	1	0
			Vận dụng Tích cực tham gia sử dụng dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả nhất Đánh giá, điều chỉnh được việc sử dụng một số dịch vụ tín dụng phù hợp và hiệu quả với bản thân và gia đình	0	1	1
10	Chủ đề 6: Lập		Nhận biết Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá	0	1	0

	kế hoạch tài chính cá nhân	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	nhân			
			Thông hiểu Phân biệt được các loại kế hoạch tài chính cá nhân Chỉ ra được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân	0	1	0
			Vận dụng Biết lập kế hoạch cá nhân một cách có trách nhiệm và có ý thức trong việc hoàn thành kế hoạch tài chính đã đặt ra.	0	0	0
11	Tổng		Lệnh	13	8	9

CẤU TRÚC THEO CẤP ĐỘ NHẬN THỨC

TT	Chủ đề	Bài	Các mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	1	1	
2		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	1	1	
3	Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 3: Thị trường	1	1	1
4		Bài 4: Cơ chế thị trường	2	2	
5	Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế	Bài 5: Ngân sách nhà nước	2		
6		Bài 6: Thuế	2	1	1
7	Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	2	2	
8	Chủ đề 5: Tín dụng các cách sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	2		
9		Bài 9: Dịch vụ tín dụng	2	1	2
10	Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	1	1	
11	Tổng		16	10	4

V. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

TT	Chủ đề	Bài	Mức độ đánh giá	Các mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	Nhận biết Nêu được khái niệm hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng Thông hiểu Chỉ ra được những biểu hiện của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng, Lý giải được mối liên hệ giữa các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội Vận dụng Chỉ ra được những hoạt động sản xuất, phân	1	1	

			phối, trao đổi và tiêu dùng đang diễn ra trong thực tiễn Xác định được những việc làm cụ thể của bản thân để tham gia hiệu quả vào các hoạt động của nền kinh tế			
2		Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	Nhận biết Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế Thông hiểu Chỉ ra được vai trò, vị trí của các chủ thể trong nền kinh tế Vận dụng Xác định được những việc làm cụ thể của bản thân và gia đình khi tham gia vào từng chủ thể của nền kinh tế. Đánh giá được việc tham gia vào các chủ thể của nền	1	1	
3	Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 3: Thị trường	Nhận biết: Nêu được khái niệm thị trường, Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường Thông hiểu: Phân tích, lý giải được các yếu tố cấu thành thị trường. Chỉ ra được các căn cứ để phân chia các loại thị trường Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện các chức năng của thị trường cũng như sự vận các chức năng này bằng những hoạt động kinh tế cụ thể Vận dụng: Qua các trường hợp, hoạt động kinh tế cụ thể, chỉ ra được các cách giải quyết đúng thể hiện sự vận dụng các chức năng của thị trường để giải quyết các vấn đề kinh tế cụ thể	1	1	1
4		Bài 4: Cơ chế thị trường	Nhận biết: Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường, khái niệm, chức năng của giá cả thị trường, Thông hiểu: Phân tích, lý giải được tính hai mặt của cơ chế thị trường. Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện sự vận dụng ưu điểm và khắc phục hạn chế của cơ chế thị trường. Nêu được một số trường hợp cụ thể mà các chủ thể kinh tế vận dụng các chức năng của giá cả thị trường Vận dụng: Qua các trường hợp, hoạt động kinh tế cụ thể, chỉ ra được các cách giải quyết đúng thể hiện sự vận dụng các chức năng của giá cả thị trường để giải quyết các vấn đề kinh tế cụ thể	2	2	

5	Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế	Bài 5: Ngân sách nhà nước	Nhận biết: Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước, đặc điểm, vai trò của ngân sách nhà nước Nêu được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện ngân sách nhà nước Thông hiểu: Chỉ ra được các khoản thu chi cấu thành ngân sách nhà nước. Phân tích được mục đích của việc thu chi ngân sách nhà nước. Nêu được một số ví dụ thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước Vận dụng: Chỉ ra được các hành vi, việc làm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ngân sách Đồng tình ủng hộ những việc làm đúng, phê phán đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách	2		
6		Bài 6: Thuế	Nhận biết: Nêu được khái niệm thuế là gì, một số loại thuế ở nước ta hiện nay. Nêu được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế Thông hiểu: Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế. Nêu được một số ví dụ thể hiện công dân phản ánh việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế Vận dụng: Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức trong việc thực hiện pháp luật về thuế Đồng tình ủng hộ những việc làm đúng, phê phán đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về thuế	2	1	1
7		Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Nhận biết: Nêu được khái niệm sản xuất kinh doanh. Chỉ ra được những vai trò cơ bản của sản xuất kinh doanh. Thông hiểu: Tìm hiểu, đánh giá và tham gia vào một số hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân. Vận dụng:	2	2	

			Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức trong việc thực hiện pháp luật về sản xuất kinh doanh Có trách nhiệm trong việc tạo dựng và chuẩn bị nghề nghiệp cho bản thân thông qua việc lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp cho bản thân và gia đình			
8	Chủ đề 5: Tín dụng các cách sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	Nhận biết Nêu được khái niệm tín dụng là gì Chỉ ra được những đặc điểm của tín dụng Hiểu được vai trò của tín dụng Thông hiểu Liệt kê được những biểu hiện của tín dụng được thể hiện trong đời sống Vận dụng Biết đánh giá được những việc làm của bản thân, gia đình và người khác trong việc sử dụng các loại tín dụng một cách hiệu quả nhất.	2		
9		Bài 9: Dịch vụ tín dụng	Nhận biết Nêu được khái niệm một số dịch vụ tín dụng Chỉ ra được những đặc điểm cơ bản của một số dịch vụ tín dụng Thông hiểu Tìm hiểu được các điều kiện để có thể tham gia và sử dụng một số dịch vụ tín dụng hiệu quả Vận dụng Tích cực tham gia sử dụng dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả nhất	2	1	2
10	Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Nhận biết Nêu được khai niệm kế hoạch tài chính cá nhân Thông hiểu Phân biệt được các loại kế hoạch tài chính cá nhân Chỉ ra được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân Vận dụng Biết lập kế hoạch cá nhân một cách có trách nhiệm và có ý thức trong việc hoàn thành kế hoạch tài chính đã đặt ra.	1	1	
11	Tổng			16	10	4

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 1

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Hoạt động nào dưới đây đóng vai trò là trung gian kết nối sản xuất với tiêu dùng?

- A. Trao đổi.
 B. Phân phối và trao đổi.
 C. Tiêu dùng và trao đổi.
 D. Phân phối.

Câu 2: Thực hiện vai trò kết nối trong các quan hệ mua - bán, giúp cho nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả là vai trò của chủ thể kinh tế nào dưới đây?

- A. Người sản xuất kinh doanh.
- B. Chủ thể trung gian.
- C. Chủ thể Nhà nước.
- D. Người tiêu dùng.

Câu 3: Phát biểu nào dưới đây là sai về thị trường?

- A. Thị trường là nơi thực hiện hoạt động mua và bán.
- B. Người mua, người bán là một trong những yếu tố cơ bản của thị trường.
- C. Chỉ có thể tìm đến thị trường thì con người mới thoả mãn được nhu cầu.
- D. Mua – bán không phải là quan hệ của thị trường.

Câu 4: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế với mong muốn giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. khai thác cạn kiệt tài nguyên.
- B. đổi mới quản lý sản xuất.
- C. kích thích đầu cơ găm hàng.
- D. hủy hoại môi trường.

Câu 5: Giá cả thị trường là

- A. giá mà người bán áp đặt cho người mua.
- B. giá mà người mua muốn trả cho người bán.
- C. giá bán do Nhà nước quy định từ đầu năm.
- D. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường.

Câu 6: Nội dung nào **không** thể hiện vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Phân phối lại thu nhập cho người dân.
- B. Huy động nguồn vốn cho nền kinh tế.
- C. Công cụ quan trọng để kiềm chế lạm phát.
- D. Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế

Câu 7: Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu nào dưới đây?

- A. Thu các công trình phát triển.
- B. Thu từ các dịch vụ tư nhân.
- C. Thu từ dầu thô, thu nội địa.
- D. Thu các dịch vụ y tế bắt buộc.

Câu 8: Loại thuế nào dưới đây có đặc điểm đó là người nộp thuế đồng thời là người chịu thuế?

- A. Thuế trực thu.
- B. Thuế gián thu.
- C. Thuế xuất khẩu.
- D. Thuế nhập khẩu.

Câu 9: Khoản thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng là thuế

- A. giá trị gia tăng.
- B. thu nhập doanh nghiệp.
- C. xuất nhập khẩu.
- D. tiêu thụ đặc biệt.

Câu 10: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp là có tính

- A. kinh doanh.
- B. phi tổ chức.
- C. thiếu bền vững.
- D. bất hợp pháp.

Câu 11: Hình thức sản xuất kinh doanh nào dưới đây mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để sản xuất kinh doanh?

- A. Mô hình kinh tế hộ gia đình.
- B. Mô hình kinh tế lâm nghiệp.
- C. Mô hình kinh tế hợp tác xã.
- D. Mô hình kinh tế doanh nghiệp.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây đề cập đến trách nhiệm của người đi vay khi tham gia vào các quan hệ tín dụng?

- A. Người đi vay không cần trả nợ đúng hạn, chỉ cần đảm bảo trả đủ số tiền đã vay.
- B. Người đi vay có thể trả bằng giá trị hàng hoá tương đương với khoản vay khi đến hạn trả nợ.
- C. Người đi vay phải trả toàn bộ số tiền trong thời hạn cam kết trả nợ.
- D. Người đi vay phải trả số tiền đã vay khi đến hạn trả nợ có hoặc không kèm một khoản lãi.

Câu 13: Một trong những đặc điểm của tín dụng là có tính

- A. hoàn trả cả gốc và lãi.
- B. chỉ cần trả phần lãi.
- C. không cần hoàn trả.
- D. chỉ cần trả phần gốc.

Câu 14: Hình thức tín dụng nào dưới đây **không có** sự tham gia của hệ thống ngân hàng?

- A. Tín dụng thương mại.
- B. Tín dụng ngân hàng.
- C. Tín dụng nhà nước.
- D. Cho vay thế chấp.

Câu 15: Người vay tham gia mua hàng hóa trả góp của doanh nghiệp liên kết với công ty tài chính thuộc dịch vụ tín dụng nào sau đây?

- A. Tín dụng ngân hàng.
- B. Tín dụng tiêu dùng
- C. Tín dụng nhà nước.
- D. Tín dụng thương mại.

Câu 16: Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 2 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

- A. Kế hoạch dài hạn.
- B. Kế hoạch trung hạn.

C. Kế hoạch vô thời hạn.

D. Kế hoạch ngắn hạn.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Nhận thấy thị trường trong nước có dấu hiệu phục hồi trở lại sau thời kỳ dịch bệnh, công ty X đã chủ động mở rộng sản xuất nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường. Ban lãnh đạo công ty đã chủ động cắt giảm một số sản phẩm có nhu cầu thấp để tập trung vào các sản phẩm thế mạnh. Nhờ chiến lược kinh doanh đúng đắn, công ty đã bước đầu lấy lại đà tăng trưởng, sản phẩm làm ra đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Lợi nhuận của công ty ngày càng tăng lên đã giúp công ty có điều kiện để tăng thêm thu nhập cho cán bộ và nhân viên. Công ty còn quy định mức thưởng xứng đáng với sự đóng góp của mỗi cá nhân nên ai cũng phấn khởi, có thêm động lực để lao động sản xuất.

Câu 17: Công ty X sử dụng lợi nhuận để tăng thêm thu nhập cho cán bộ và nhân viên là thực hiện hoạt động nào dưới đây trong nền kinh tế?

A. Sản xuất.

B. Phân phối.

C. Trao đổi.

D. Tiêu dùng.

Câu 18: Trước tình hình thị trường có sự thay đổi, công ty X đã chủ động cắt giảm một số sản phẩm có nhu cầu thấp để tập trung vào các sản phẩm thế mạnh của công ty là vận dụng chức năng nào dưới đây của thị trường?

A. Chức năng điều tiết.

B. Chức năng thừa nhận.

C. Chức năng thông tin.

D. Chức năng phản biện.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20

Câu 19: Sữa là mặt hàng thiết yếu, đảm bảo sức khỏe cho mọi người, nhất là đối với trẻ em, không thể để giá cả mặt hàng này biến động làm ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Nhà nước đã thực hiện một số biện pháp để bình ổn giá mặt hàng sữa trên thị trường như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các cửa hàng đại lý bán lẻ sữa phải đăng ký với cơ quan quản lý giá ở địa phương, công khai mức giá bán.

Câu 19: Chủ thể nào trong thông tin trên đóng vai trò điều tiết hoạt động của các chủ thể khác trong việc bình ổn thị trường sữa?

A. Chủ thể sản xuất.

B. Chủ thể tiêu dùng.

C. Chủ thể nhà nước.

D. Chủ thể trung gian.

Câu 20: Nội dung nào dưới đây phù hợp với chức năng của giá cả thị trường?

A. Sữa là mặt hàng thiết yếu đối với trẻ em.

B. Các doanh nghiệp phải đăng ký sản phẩm.

C. Công khai giá bán tới người tiêu dùng.

D. Quy định trần giá sữa đối với doanh nghiệp

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22,23,24

Trên địa bàn huyện X, vợ chồng anh D và chị H là chủ một trang trại chăn nuôi rộng 2 ha, trong đó 500m là diện tích đất ở còn lại là đất trồng trọt, ao thả cá. Để mở rộng kinh doanh, anh D đã dùng dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất trên diện tích 500m để đảm bảo cho khoản vay 200 triệu đồng tại ngân hàng với thời hạn là 5 năm. Nhờ có hiểu biết về kinh doanh và sự hỗ trợ của ngân hàng mà hoạt động kinh tế của gia đình mang lại thu nhập ổn định. Hàng năm vợ chồng anh chị đều thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đóng thuế và quy định về sử dụng đất tại địa phương. Anh D bàn với chị H nếu công việc kinh doanh thuận lợi, sau 2 năm vợ chồng anh sẽ tiến hành xây nhà mới và chuyển đổi mô hình để có thể mở rộng sản xuất kinh doanh.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, với khoản thu nhập có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, gia đình anh D và chị H phải nộp khoản thuế nào dưới đây?

A. Thuế giá trị gia tăng.

B. Thuế thu nhập cá nhân.

C. Thuế xuất khẩu hàng hóa.

D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 22: Vợ chồng anh D và chị H đang vận dụng mô hình sản xuất kinh doanh nào dưới đây để mang lại thu nhập ổn định?

A. Doanh nghiệp tư nhân.

B. Công ty tư nhân.

C. Hộ sản xuất kinh doanh.

D. Công ty hợp danh.

Câu 23: Vợ chồng anh D và chị H đã sử dụng dịch vụ tín dụng nào dưới đây để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh?

A. Tín dụng ngân hàng.

B. Tín dụng thương mại.

C. Tín dụng nhà nước.

D. Tín dụng tiêu dùng.

Câu 24: Việc đặt mục tiêu xây được nhà sau hai năm là thể hiện nội dung nào dưới đây trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của anh D và chị H?

A. Xác định mục tiêu và thời hạn.

B. Theo dõi kiểm soát thu chi.

C. Thiết lập quy tắc chi tiêu.

D. Tuân thủ kế hoạch cá nhân.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Thị trường thép thế giới dự báo sẽ hồi phục mạnh mẽ trong năm 2021, sau khi suy giảm mạnh ở năm 2020 do đại dịch COVID-19. Sự hồi phục về nhu cầu thép thế giới ở nửa cuối năm 2020 đã đẩy giá tất cả các loại thép tăng lên. Tại Việt Nam, từ giữa năm 2020, thị trường thép trong nước cũng bắt đầu hồi phục, để góp phần tháo gỡ những khó khăn cho ngành thép, Chính phủ chủ động cắt giảm thuế xuất khẩu, dỡ bỏ một số hạn chế đối với phôi thép nhập khẩu, chỉ đạo hệ thống ngân hàng chủ động xem xét giãn hoặc giảm lãi suất cũng như có các gói vay mới giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn để vượt qua khó khăn và ổn định thị trường. Bên cạnh sự hỗ trợ của nhà nước, ngành thép chủ động thay đổi đề phi hợp như cắt giảm chi phí quản lý, nguyên liệu đầu vào, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất để hạ giá thành sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

a) Theo phạm vi không gian, thị trường thép của Việt Nam được tiêu thụ ở thị trường trong nước.

b) Giá cả thị trường thép ở nước ta chịu tác động từ sự thay đổi của thị trường thép thế giới và cả thị trường trong nước.

c) Các doanh nghiệp chủ động thay đổi cách thức quản lý, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất là phù hợp với chức năng thông tin của giá cả thị trường.

d) Hoạt động giảm lãi suất của các ngân hàng từ sự chỉ đạo của chính phủ là phù hợp với dịch vụ tín dụng nhà nước.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Bạn H sinh ra trong một miền quê và gia đình gắn bó với nghề làm nón lá truyền thống. H được bố mẹ truyền lại kinh nghiệm làm nón và những bí quyết riêng để tạo ra những chiếc nón đẹp. Những ngày cuối tuần được nghỉ học, H thường phụ giúp bố mẹ làm nón. Với quy mô sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp khiến giá thành làm ra thường cao hơn nhiều nên sức cạnh tranh của sản phẩm thấp so với các sản phẩm cùng loại. Những năm gần đây, nhận thấy tình hình tiêu thụ nón lá khó khăn, gia đình H và các hộ gia đình trong làng đã tìm cách đưa nón lá của quê hương mình đến những vùng miền khác và xuất khẩu đi một số nước. H mong muốn sau này sẽ tiếp tục nghề truyền thống của gia đình mình để đưa những chiếc nón lá – một nét đẹp văn hóa Việt Nam đến khắp nơi trên thế giới.

a) Loại hình sản xuất kinh doanh mà bạn H và gia đình đang thực hiện là mô hình sản xuất kinh doanh nào. Mô hình này có ưu điểm gì?

b) Để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, bạn H và gia đình cùng với các gia đình trong thôn nên chuyển sang mô hình nào cho phù hợp?

Câu 2: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Doanh nghiệp X do anh H làm chủ chuyên về nuôi trồng thủy sản, dự báo của thị trường sẽ tăng khi kinh tế thế giới phục hồi, doanh nghiệp quyết định mở rộng sản xuất. Để có nguồn vốn lớn đáp ứng quá trình mở rộng này, một mặt anh H thỏa thuận với doanh nghiệp D một đơn vị cung cấp thức ăn lâu năm cho mình về việc cho anh H mua chịu mỗi tháng 10.000 bao cám trong 1 năm cùng các điều kiện về lãi, phí đi kèm khi mua chịu. Bên cạnh đó, do thường xuyên thanh toán đúng hạn, doanh nghiệp của anh H được các ngân hàng cho tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi trong lĩnh vực thủy sản với sự hỗ trợ về lãi suất của chính phủ. Chính sự hỗ trợ này đã giúp doanh nghiệp X ổn định sản xuất và có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Anh H dự định sau khi thanh toán các khoản nợ với đối tác sẽ phát hành cổ phần để vừa huy động vốn vừa tạo điều kiện để các công nhân ngày càng gắn bó và hưởng quyền lợi từ công ty.

Thông tin trên đề cập đến những loại hình dịch vụ tín dụng nào?. Những loại hình đó có vai trò như thế nào đối với doanh nghiệp

ĐỀ SỐ 2

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Hoạt động nào dưới đây được coi như là đơn hàng của xã hội đối với sản xuất ?

A. Sản xuất.

B. Lao động.

C. Phân phối.

D. Tiêu dùng.

Câu 2: Điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả là vai trò của chủ thể kinh tế nào dưới đây?

- A. Chủ thể sản xuất.
C. Chủ thể trung gian.

- B. Chủ thể tiêu dùng.
D. Chủ thể Nhà nước.

Câu 3: Phát biểu nào dưới đây là sai về chức năng của thị trường?

- A. Thị trường thực hiện chức năng cất trữ các loại hàng hóa.
B. Thị trường thực hiện chức năng thừa nhận giá trị hàng hóa.
C. Thị trường thực hiện chức năng thông tin cho các chủ thể.
D. Thị trường thực hiện chức năng điều tiết sản xuất, tiêu dùng.

Câu 4: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu tư đổi mới công nghệ.
C. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.
- B. bán hàng giả gây rối thị trường.
D. xả trực tiếp chất thải ra môi trường.

Câu 5: Giá cả thị trường được hình thành

- A. trên thị trường.
C. do nhà quản lý.
- B. do người sản xuất áp đặt.
D. do ý chí người mua hàng.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Duy trì mối quan hệ của các doanh nghiệp.
C. Góp phần đảm bảo an sinh xã hội.
- B. Tạo một nền tảng chính trị ổn định.
D. Thúc đẩy cho nền kinh tế phát triển.

Câu 7: Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước gồm các khoản chi nào dưới đây

- A. Hoạt động cải cách tiền lương.
C. Cân đối từ hoạt động nhập khẩu.
- B. Cân đối từ hoạt động xuất khẩu.
D. Thu từ viện trợ, thu từ dầu thô.

Câu 8: Doanh nghiệp sản xuất A chuyên kinh doanh các loại ô tô, trong quá trình vận hành, khói bụi từ xe ô tô gây ô nhiễm môi trường, doanh nghiệp A phải đóng loại thuế nào dưới đây?

- A. Thuế giá trị gia tăng.
C. Thuế nhập khẩu.
- B. Thuế bảo vệ môi trường.
D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 9: Loại thuế nào dưới đây mà nhà nước thông qua việc thu thuế của người sản xuất, kinh doanh dịch vụ, hàng hóa nhằm động viên một phần thu nhập của người tiêu dùng sử dụng hàng hóa?

- A. Thuế trực thu.
C. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- B. Thuế gián thu.
D. Thuế thu nhập cá nhân.

Câu 10: Một trong những vai trò của sản xuất kinh doanh là góp phần

- A. giải quyết việc làm.
C. duy trì thất nghiệp.
- B. tàn phá môi trường.
D. thúc đẩy khủng hoảng.

Câu 11: Loại hình doanh nghiệp nào dưới đây do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp?

- A. Doanh nghiệp tư nhân.
C. Liên minh hợp tác xã.
- B. Công ty hợp danh.
D. Công ty cổ phần

Câu 12: Nội dung nào dưới đây **không đúng** khi nói về đặc điểm của tín dụng?

- A. Tín dụng dựa trên sự chuyển nhượng tài sản không thời hạn hoặc có tính hoàn trả.
B. Tín dụng dựa trên sự chuyển giao toàn bộ tài sản cho bên vay tín dụng.
C. Tín dụng dựa trên cơ sở lòng tin giữa người đi vay và người cho vay.
D. Tín dụng dựa trên nguyên tắc không chỉ hoàn trả lãi, mà còn trả cả vốn.

Câu 13: Một trong những đặc điểm của tín dụng là có tính

- A. một phía.
B. tạm thời.
C. cưỡng chế.
D. bắt buộc.

Câu 14: Một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp được diễn ra là người vay phải có

- A. quan hệ thân thân.
C. địa vị chính trị.
- B. tài sản đảm bảo.
D. tư cách pháp nhân.

Câu 15: Một trong những hạn chế khi thực hiện hình thức tín dụng cho vay tín chấp là

- A. thời gian cho vay ngắn.
C. thời hạn trả nợ rất lâu dài.
- B. phải chứng minh nhiều tài sản.
D. bên vay chuẩn bị nhiều hồ sơ.

Câu 16: Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn thường gắn với khoảng thời gian là

- A. dưới 12 tháng.
B. dưới 3 tháng.
C. dưới 10 tháng.
D. dưới 26 tháng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Nhận thấy thị trường trong nước có dấu hiệu phục hồi trở lại sau thời kỳ dịch bệnh, công ty X đã chủ động mở rộng sản xuất nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường. Ban lãnh đạo công ty đã chủ động cắt giảm một số sản phẩm có nhu cầu thấp để tập trung vào các sản phẩm thế mạnh. Nhờ chiến lược kinh doanh đúng đắn, công ty đã bước đầu lấy lại đà tăng trưởng, sản phẩm làm ra đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Lợi nhuận của công ty ngày càng tăng lên đã giúp công ty có điều kiện để tăng thêm thu nhập cho cán bộ và nhân viên. Công ty còn quy định mức thưởng xứng đáng với sự đóng góp của mỗi cá nhân nên ai cũng phấn khởi, có thêm động lực để lao động sản xuất.

Câu 17: Công ty X đã thực hiện những hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế?

- A. Hoạt động sản xuất và phân phối
- B. Hoạt động sản xuất và trung gian.
- C. Hoạt động phân phối và trung gian.
- D. Hoạt động điều tiết và phân bổ.

Câu 18: Quá trình nắm bắt những diễn biến của thị trường để từ đó điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh của công ty là thể hiện chức năng nào dưới đây của thị trường?

- A. Chức năng điều tiết.
- B. Chức năng thừa nhận.
- C. Chức năng thông tin.
- D. Chức năng phân biện.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20

Sữa là mặt hàng thiết yếu, đảm bảo sức khỏe cho mọi người, nhất là đối với trẻ em, không thể để giá cả mặt hàng này biến động làm ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Nhà nước đã thực hiện một số biện pháp để bình ổn giá mặt hàng sữa trên thị trường như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các cửa hàng đại lý bán lẻ sữa phải đăng ký với cơ quan quản lý giá ở địa phương, công khai mức giá bán.

Câu 19: Biện pháp nào dưới đây **không** phù hợp khi vận dụng chức năng của giá cả thị trường vào việc quản lý giá sữa?

- A. Quy định áp trần giá sữa.
- B. Doanh nghiệp đăng ký giá.
- C. Công khai giá bán hàng ngày.
- D. Tạm ngừng nhập khẩu sữa.

Câu 20: Trong thông tin trên chủ thể nào đã thực hiện chức năng quản lý giá cả thị trường sữa?

- A. Chủ thể sản xuất.
- B. Chủ thể tiêu dùng.
- C. Chủ thể nhà nước.
- D. Chủ thể trung gian.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22,23,24

Trên địa bàn huyện X, vợ chồng anh D và chị H là chủ một trang trại chăn nuôi rộng 2 ha, trong đó 500m là diện tích đất ở còn lại là đất trồng trọt, ao thả cá. Để mở rộng kinh doanh, anh D đã dùng dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất trên diện tích 500m để đảm bảo cho khoản vay 200 triệu đồng tại ngân hàng với thời hạn là 5 năm. Nhờ có hiểu biết về kinh doanh và sự hỗ trợ của ngân hàng mà hoạt động kinh tế của gia đình mang lại thu nhập ổn định. Hàng năm vợ chồng anh chị đều thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đóng thuế và quy định về sử dụng đất tại địa phương. Anh D bàn với chị H nếu công việc kinh doanh thuận lợi, sau 2 năm vợ chồng anh sẽ tiến hành xây nhà mới và chuyển đổi mô hình để có thể mở rộng sản xuất kinh doanh.

Câu 21: Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định mục tiêu và thời hạn thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của anh D và chị H?

- A. Thực hiện tốt quy định nộp thuế.
- B. Vay ngân hàng thời hạn 5 năm.
- C. Xây được nhà sau 2 năm kinh doanh.
- D. Chuyển đổi mô hình sản xuất phù hợp.

Câu 22: Anh D đã dùng dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất trên diện tích 500m để đảm bảo cho khoản vay 200 triệu đồng tại ngân hàng với thời hạn là 5 năm là phù hợp với loại hình dịch vụ tín dụng

- A. ngân hàng.
- B. nhà nước.
- C. tiêu dùng.
- D. thương mại.

Câu 23: Hoạt động kinh tế của vợ chồng anh D và chị H phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh nào dưới đây?

- A. Hộ sản xuất kinh doanh.
- B. Hợp tác xã sản xuất.
- C. Doanh nghiệp tư nhân.
- D. Công ty cổ phần.

Câu 24: Với diện tích 2ha trên, gia đình anh D phải đóng loại thuế nào dưới đây?

- A. Thuế giá trị gia tăng.
- B. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- C. Thuế xuất nhập khẩu hàng hóa.
- D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Thị trường thép thế giới dự báo sẽ hồi phục mạnh mẽ trong năm 2021, sau khi suy giảm mạnh ở năm 2020 do đại dịch COVID-19. Sự hồi phục về nhu cầu thép thế giới ở nửa cuối năm 2020 đã đẩy giá tất cả các loại thép tăng lên. Tại Việt Nam, từ giữa năm 2020, thị trường thép trong nước cũng bắt đầu hồi phục, để góp phần tháo gỡ những khó khăn cho ngành thép, Chính phủ chủ động cắt giảm thuế xuất khẩu, dỡ bỏ một số hạn chế đối với phôi thép nhập khẩu, chỉ đạo hệ thống ngân hàng chủ động xem xét giãn hoặc giảm lãi suất cũng như có các gói vay mới giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn để vượt qua khó khăn và ổn định thị trường. Bên cạnh sự hỗ trợ của nhà nước, ngành thép chủ động thay đổi để phù hợp như cắt giảm chi phí quản lý, nguyên liệu đầu vào, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất để hạ giá thành sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

- a) Theo phạm vi không gian, thị trường thép Việt Nam được tiêu thụ ở cả trong nước và thế giới.
b) Giá cả thị trường thép ở nước ta không chịu tác động từ sự thay đổi của thị trường thép thế giới. *Sai*,
c) Nhà nước sử dụng công cụ thuế để góp phần điều tiết thị trường là phù hợp với chức năng thông tin của giá cả thị trường.
d) Chính phủ chỉ đạo hệ thống ngân hàng xem xét giảm lãi suất cho các doanh nghiệp ngành thép là phù hợp với chức năng của tín dụng nhà nước.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Bạn H sinh ra trong một miền quê và gia đình gắn bó với nghề làm nón lá truyền thống. H được bố mẹ truyền lại kinh nghiệm làm nón và những bí quyết riêng để tạo ra những chiếc nón đẹp. Những ngày cuối tuần được nghỉ học, H thường phụ giúp bố mẹ làm nón. Với quy mô sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp khiến giá thành làm ra thường cao hơn nhiều nên sức cạnh tranh của sản phẩm thấp so với các sản phẩm cùng loại. Những năm gần đây, nhận thấy tình hình tiêu thụ nón lá khó khăn, gia đình H và các hộ gia đình trong làng đã tìm cách đưa nón lá của quê hương mình đến những vùng miền khác và xuất khẩu đi một số nước. H mong muốn sau này sẽ tiếp tục nghề truyền thống của gia đình mình để đưa những chiếc nón lá – một nét đẹp văn hóa Việt Nam đến khắp nơi trên thế giới.

- a) Loại hình doanh nghiệp mà bạn H và gia đình đang thực hiện là mô hình sản xuất kinh doanh nào. Mô hình này có hạn chế gì?
b) Để khắc phục những hạn chế từ mô hình sản xuất kinh doanh hiện tại, bạn H và gia đình nên chuyển sang mô hình nào cho phù hợp?

Câu 2: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Doanh nghiệp X do anh H làm chủ chuyên về nuôi trồng thủy sản, dự báo của thị trường sẽ tăng khi kinh tế thế giới phục hồi, doanh nghiệp quyết định mở rộng sản xuất. Để có nguồn vốn lớn đáp ứng quá trình mở rộng này, một mặt anh H thỏa thuận với doanh nghiệp D một đơn vị cung cấp thức ăn lâu năm cho mình về việc cho anh H mua chịu mỗi tháng 10.000 bao cám trong 1 năm cùng các điều kiện về lãi, phí đi kèm khi mua chịu. Bên cạnh đó, do thường xuyên thanh toán đúng hạn, doanh nghiệp của anh H được các ngân hàng cho tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi trong lĩnh vực thủy sản với sự hỗ trợ về lãi suất của chính phủ. Chính sự hỗ trợ này đã giúp doanh nghiệp X ổn định sản xuất và có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Anh H dự định sau khi thanh toán các khoản nợ với đối tác sẽ phát hành cổ phần để vừa huy động vốn vừa tạo điều kiện để các công nhân ngày càng gắn bó và hưởng quyền lợi từ công ty.

Thông tin trên đề cập đến những loại hình dịch vụ tín dụng nào?. Những loại hình đó có vai trò như thế nào đối với doanh nghiệp

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1

ĐỀ SỐ 01

Phần I: (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	13	A
2	B	14	A
3	D	15	B
4	B	16	D
5	D	17	B
6	A	18	A
7	C	19	C
8	A	20	D
9	A	21	B

10	A	22	C
11	A	23	A
12	D	24	A

Phần I:

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	S	a) Theo phạm vi không gian, thị trường thép của Việt Nam được tiêu thụ ở thị trường trong nước. <i>Sai thị trường thép ngoài đáp ứng nhu cầu trong nước còn phụ vụ xuất khẩu.</i>
	b	Đ	b) Giá cả thị trường thép ở nước ta chịu tác động từ sự thay đổi của thị trường thép thế giới và cả thị trường trong nước. <i>Đúng, Giá cả thị trường thép của Việt Nam vừa chịu tác động của thị trường trong nước vừa chịu tác động của thị trường thế giới.</i>
	c	S	c) Các doanh nghiệp chủ động thay đổi cách thức quản lý, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất là phù hợp với chức năng thông tin của giá cả thị trường. <i>Sai, đây là chức năng phân bổ nguồn lực của giá cả thị trường.</i>
	d	S	d) Hoạt động giảm lãi xuất của các ngân hàng từ sự chỉ đạo của chính phủ là phù hợp với dịch vụ tín dụng nhà nước. <i>Sai, đây không phải là tín dụng nhà nước mà là chức năng quản lý nhà nước đối với nền kinh tế.</i>

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu:	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Loại hình sản xuất kinh doanh mà bạn H và gia đình đang thực hiện là mô hình sản xuất kinh doanh : Hộ gia đình + Ưu điểm: Đòi hỏi ít vốn, tận dụng được lao động của các thành viên, dễ quản lý dễ điều chỉnh quy mô sản xuất. Tiềm ẩn ít rủi ro - Đề nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, bạn H và gia đình cùng các gia đình khác trong thôn nên chuyển sang mô hình hợp tác xã để phát huy lợi thế của từng gia đình cũng như mở rộng quy mô và áp dụng công nghệ vào sản xuất	2 điểm
Câu 2	Thông tin trên đề cập đến 3 loại hình dịch vụ tín dụng + Tín dụng thương mại: anh H thỏa thuận với doanh nghiệp D một đơn vị cung cấp thức ăn lâu năm cho mình về việc cho anh H mua chịu mỗi tháng 10.000 bao cám trong 1 năm cùng các điều kiện về lãi, phí đi kèm khi mua chịu + Tín dụng ngân hàng: được các ngân hàng cho tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi + Tín dụng nhà nước: Được nhà nước hỗ trợ lãi xuất Vai trò của tín dụng + Giúp các doanh nghiệp có nguồn vốn để ổn định sản xuất kinh doanh	1 điểm

ĐỀ SỐ 02

Phần I: (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	13	B
2	D	14	B
3	A	15	A
4	A	16	B
5	A	17	A
6	A	18	C
7	A	19	D
8	B	20	C
9	B	21	C
10	A	22	A
11	A	23	A
12	A	24	B

Phần I:

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	Đ	a) Theo phạm vi không gian, thị trường thép Việt Nam được tiêu thụ ở cả trong nước và thế giới. <i>Đúng, thị trường thép ngoài đáp ứng nhu cầu trong nước còn phụ vụ xuất khẩu.</i>
	b	S	b) Giá cả thị trường thép ở nước ta không chịu tác động từ sự thay đổi của thị trường thép thế giới. <i>Sai, Giá cả thị trường thép của Việt Nam vừa chịu tác động của thị trường trong nước vừa chịu tác động của thị trường thế giới.</i>
	c	S	c) Nhà nước sử dụng công cụ thuế để góp phần điều tiết thị trường là phù hợp với chức năng thông tin của giá cả thị trường. <i>Sai, đây là chức năng điều tiết của giá cả thị trường</i>
	d	S	d) Chính phủ chỉ đạo hệ thống ngân hàng xem xét giảm lãi xuất cho các doanh nghiệp ngành thép là phù hợp với chức năng của tín dụng nhà nước. <i>Sai, đây không phải là tín dụng nhà nước mà là chức năng quản lý nhà nước đối với nền kinh tế.</i>

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu:	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Loại hình sản xuất kinh doanh mà bạn H và gia đình đang thực hiện là mô hình sản xuất kinh doanh: Hộ gia đình + Hạn chế: Mô hình này sản xuất nhỏ, nguồn vốn ít, trình độ quản lý và công nghệ sản xuất mang tính lạc hậu chủ yếu dựa vào sức lao động của các thành viên trong gia đình. Khó đưa lên quy mô sản xuất lớn, hàng hóa kém sức cạnh tranh vì chi phí lớn - Đề nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, bạn H và gia đình cùng các gia đình khác trong thôn nên chuyển sang mô hình hợp tác xã để phát huy lợi thế của từng gia đình cũng như mở rộng quy mô và áp dụng công nghệ vào sản xuất	2 điểm
Câu 2	Thông tin trên đề cập đến 3 loại hình dịch vụ tín dụng + Tín dụng thương mại: anh H thỏa thuận với doanh nghiệp D một đơn vị cung cấp thức ăn lâu năm cho mình về việc cho anh H mua chịu mỗi tháng 10.000 bao cám trong 1 năm cùng các điều kiện về lãi, phí đi kèm khi mua chịu + Tín dụng ngân hàng: được các ngân hàng cho tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi + Tín dụng nhà nước: Được nhà nước hỗ trợ lãi xuất Vai trò của tín dụng + Giúp các doanh nghiệp có nguồn vốn để ổn định sản xuất kinh doanh	1 điểm